

Số: 155/2024/TB-VPA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 06/11/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: (Có danh sách chi tiết)

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến <https://vpa.com.vn>.

- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 06/11/2024: Trước 16h30' ngày 03/11/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam chậm nhất đến 16h30' ngày 03/11/2024).

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biên số xe ô tô (Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng). Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 141099999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyên khoản: nhập “mã số thanh toán” trong phần **Nội dung chuyên khoản/Nội dung giao dịch** tại mục “**Thanh toán biển số xe**” trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

Nơi nhân:

- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.



Lâm Thi Mai Anh



DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 06/11/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: chậm nhất đến 16h30p ngày 03/11/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1	15K-466.66	Hải Phòng	1601	15K-468.68	Hải Phòng	3201	29K-444.44	Hà Nội
2	51L-999.95	Hồ Chí Minh	1602	47C-399.99	Đắk Lắk	3202	67A-333.39	An Giang
3	98A-911.11	Bắc Giang	1603	11C-089.89	Cao Bằng	3203	28D-011.11	Hòa Bình
4	15K-426.66	Hải Phòng	1604	14K-039.99	Quảng Ninh	3204	30M-111.14	Hà Nội
5	15K-444.49	Hải Phòng	1605	20A-868.85	Thái Nguyên	3205	30M-138.88	Hà Nội
6	30M-065.55	Hà Nội	1606	20A-889.96	Thái Nguyên	3206	30M-198.88	Hà Nội
7	30M-186.68	Hà Nội	1607	24D-012.34	Lào Cai	3207	30M-199.89	Hà Nội
8	36K-258.88	Thanh Hóa	1608	26A-193.33	Sơn La	3208	30M-226.66	Hà Nội
9	38A-698.88	Hà Tĩnh	1609	30M-056.66	Hà Nội	3209	30M-248.88	Hà Nội
10	51L-978.88	Hồ Chí Minh	1610	30M-057.77	Hà Nội	3210	36C-567.86	Thanh Hóa
11	51M-136.66	Hồ Chí Minh	1611	30M-168.88	Hà Nội	3211	37K-511.11	Nghệ An
12	51M-177.77	Hồ Chí Minh	1612	30M-185.55	Hà Nội	3212	51N-106.66	Hồ Chí Minh
13	61K-567.85	Bình Dương	1613	34A-959.99	Hải Dương	3213	51N-148.88	Hồ Chí Minh
14	70A-599.88	Tây Ninh	1614	51L-925.55	Hồ Chí Minh	3214	60K-667.77	Đồng Nai
15	77A-356.66	Bình Định	1615	51M-089.99	Hồ Chí Minh	3215	61K-579.97	Bình Dương
16	79A-589.89	Khánh Hòa	1616	60K-676.66	Đồng Nai	3216	65D-012.34	Cần Thơ
17	98C-389.88	Bắc Giang	1617	70A-599.95	Tây Ninh	3217	81A-469.99	Gia Lai
18	99A-855.88	Bắc Ninh	1618	98A-885.55	Bắc Giang	3218	98A-895.55	Bắc Giang
19	15K-434.56	Hải Phòng	1619	26A-233.68	Sơn La	3219	15K-498.98	Hải Phòng
20	19A-667.79	Phú Thọ	1620	29K-435.55	Hà Nội	3220	17A-499.89	Thái Bình
21	19A-695.95	Phú Thọ	1621	30M-034.56	Hà Nội	3221	20A-887.77	Thái Nguyên
22	20A-868.83	Thái Nguyên	1622	30M-052.99	Hà Nội	3222	25A-086.88	Lai Châu
23	28B-018.88	Hòa Bình	1623	30M-183.86	Hà Nội	3223	29K-112.99	Hà Nội
24	29K-333.30	Hà Nội	1624	30M-366.69	Hà Nội	3224	29K-345.69	Hà Nội
25	29K-399.93	Hà Nội	1625	30M-386.18	Hà Nội	3225	29K-444.43	Hà Nội
26	30L-620.09	Hà Nội	1626	30M-399.98	Hà Nội	3226	30L-719.85	Hà Nội
27	30M-088.89	Hà Nội	1627	43A-979.77	Đà Nẵng	3227	30M-266.69	Hà Nội
28	30M-158.59	Hà Nội	1628	51M-149.78	Hồ Chí Minh	3228	30M-282.26	Hà Nội
29	30M-231.85	Hà Nội	1629	51N-077.79	Hồ Chí Minh	3229	30M-345.89	Hà Nội
30	30M-266.86	Hà Nội	1630	51N-126.28	Hồ Chí Minh	3230	38A-697.97	Hà Tĩnh
31	36K-261.68	Thanh Hóa	1631	60K-669.63	Đồng Nai	3231	43A-966.86	Đà Nẵng
32	49A-733.66	Lâm Đồng	1632	60K-686.69	Đồng Nai	3232	49C-386.88	Lâm Đồng
33	49A-777.57	Lâm Đồng	1633	60K-697.97	Đồng Nai	3233	51L-989.86	Hồ Chí Minh
34	51L-305.86	Hồ Chí Minh	1634	61K-589.88	Bình Dương	3234	60K-626.26	Đồng Nai
35	51L-486.88	Hồ Chí Minh	1635	68A-373.73	Kiên Giang	3235	61K-598.99	Bình Dương
36	51L-690.90	Hồ Chí Minh	1636	70A-585.86	Tây Ninh	3236	62A-479.97	Long An
37	51L-968.99	Hồ Chí Minh	1637	78A-225.55	Phú Yên	3237	63C-234.55	Tiền Giang
38	51N-000.04	Hồ Chí Minh	1638	81A-396.39	Gia Lai	3238	66A-317.77	Đồng Tháp

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
39	51N-155.99	Hồ Chí Minh	1639	83A-199.91	Sóc Trăng	3239	68A-343.68	Kiên Giang
40	65A-505.79	Cần Thơ	1640	88A-799.98	Vĩnh Phúc	3240	68A-366.96	Kiên Giang
41	72C-269.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	1641	89C-345.68	Hưng Yên	3241	74A-279.97	Quảng Trị
42	83A-197.99	Sóc Trăng	1642	89C-355.53	Hưng Yên	3242	89A-565.66	Hưng Yên
43	90A-299.88	Hà Nam	1643	92A-446.66	Quảng Nam	3243	98A-899.96	Bắc Giang
44	95C-089.99	Hậu Giang	1644	93C-199.88	Bình Phước	3244	99A-848.99	Bắc Ninh
45	30M-029.77	Hà Nội	1645	30M-037.33	Hà Nội	3245	30M-036.22	Hà Nội
46	30M-047.88	Hà Nội	1646	30M-037.66	Hà Nội	3246	30M-037.00	Hà Nội
47	30M-054.55	Hà Nội	1647	30M-039.86	Hà Nội	3247	30M-045.79	Hà Nội
48	30M-056.44	Hà Nội	1648	30M-040.04	Hà Nội	3248	30M-054.44	Hà Nội
49	30M-071.79	Hà Nội	1649	30M-040.86	Hà Nội	3249	30M-056.05	Hà Nội
50	30M-074.00	Hà Nội	1650	30M-042.33	Hà Nội	3250	30M-064.60	Hà Nội
51	30M-078.87	Hà Nội	1651	30M-042.99	Hà Nội	3251	30M-064.77	Hà Nội
52	30M-083.00	Hà Nội	1652	30M-045.04	Hà Nội	3252	30M-067.22	Hà Nội
53	30M-083.38	Hà Nội	1653	30M-045.44	Hà Nội	3253	30M-067.60	Hà Nội
54	30M-086.22	Hà Nội	1654	30M-054.39	Hà Nội	3254	30M-069.00	Hà Nội
55	30M-102.99	Hà Nội	1655	30M-055.39	Hà Nội	3255	30M-082.68	Hà Nội
56	30M-114.66	Hà Nội	1656	30M-057.66	Hà Nội	3256	30M-090.99	Hà Nội
57	30M-118.69	Hà Nội	1657	30M-058.44	Hà Nội	3257	30M-092.55	Hà Nội
58	30M-119.55	Hà Nội	1658	30M-059.55	Hà Nội	3258	30M-095.11	Hà Nội
59	30M-120.79	Hà Nội	1659	30M-067.11	Hà Nội	3259	30M-095.22	Hà Nội
60	30M-131.32	Hà Nội	1660	30M-073.77	Hà Nội	3260	30M-096.39	Hà Nội
61	30M-134.00	Hà Nội	1661	30M-074.88	Hà Nội	3261	30M-096.86	Hà Nội
62	30M-137.31	Hà Nội	1662	30M-079.39	Hà Nội	3262	30M-098.77	Hà Nội
63	30M-151.88	Hà Nội	1663	30M-080.08	Hà Nội	3263	30M-103.33	Hà Nội
64	30M-152.51	Hà Nội	1664	30M-084.86	Hà Nội	3264	30M-108.89	Hà Nội
65	30M-154.77	Hà Nội	1665	30M-087.44	Hà Nội	3265	30M-121.39	Hà Nội
66	30M-157.66	Hà Nội	1666	30M-091.55	Hà Nội	3266	30M-127.88	Hà Nội
67	30M-170.07	Hà Nội	1667	30M-094.33	Hà Nội	3267	30M-137.86	Hà Nội
68	30M-171.22	Hà Nội	1668	30M-099.68	Hà Nội	3268	30M-148.77	Hà Nội
69	30M-177.44	Hà Nội	1669	30M-101.68	Hà Nội	3269	30M-152.22	Hà Nội
70	30M-178.87	Hà Nội	1670	30M-103.79	Hà Nội	3270	30M-154.51	Hà Nội
71	30M-193.93	Hà Nội	1671	30M-105.06	Hà Nội	3271	30M-160.68	Hà Nội
72	30M-201.79	Hà Nội	1672	30M-112.11	Hà Nội	3272	30M-160.77	Hà Nội
73	30M-213.11	Hà Nội	1673	30M-113.86	Hà Nội	3273	30M-160.99	Hà Nội
74	30M-216.77	Hà Nội	1674	30M-116.55	Hà Nội	3274	30M-161.00	Hà Nội
75	30M-219.55	Hà Nội	1675	30M-124.25	Hà Nội	3275	30M-168.00	Hà Nội
76	30M-220.22	Hà Nội	1676	30M-136.33	Hà Nội	3276	30M-171.39	Hà Nội
77	30M-221.11	Hà Nội	1677	30M-142.22	Hà Nội	3277	30M-171.77	Hà Nội
78	30M-222.02	Hà Nội	1678	30M-142.79	Hà Nội	3278	30M-172.77	Hà Nội
79	30M-225.86	Hà Nội	1679	30M-150.44	Hà Nội	3279	30M-176.17	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
80	30M-238.79	Hà Nội	1680	30M-156.68	Hà Nội	3280	30M-178.86	Hà Nội
81	30M-258.77	Hà Nội	1681	30M-156.77	Hà Nội	3281	30M-189.22	Hà Nội
82	30M-269.33	Hà Nội	1682	30M-163.69	Hà Nội	3282	30M-193.77	Hà Nội
83	30M-273.79	Hà Nội	1683	30M-176.39	Hà Nội	3283	30M-202.86	Hà Nội
84	30M-282.77	Hà Nội	1684	30M-178.69	Hà Nội	3284	30M-212.44	Hà Nội
85	30M-293.29	Hà Nội	1685	30M-179.39	Hà Nội	3285	30M-231.31	Hà Nội
86	30M-299.22	Hà Nội	1686	30M-180.68	Hà Nội	3286	30M-231.39	Hà Nội
87	30M-309.66	Hà Nội	1687	30M-193.33	Hà Nội	3287	30M-239.96	Hà Nội
88	30M-313.86	Hà Nội	1688	30M-205.68	Hà Nội	3288	30M-242.11	Hà Nội
89	30M-319.00	Hà Nội	1689	30M-206.11	Hà Nội	3289	30M-251.89	Hà Nội
90	30M-324.99	Hà Nội	1690	30M-209.77	Hà Nội	3290	30M-257.68	Hà Nội
91	30M-326.11	Hà Nội	1691	30M-214.15	Hà Nội	3291	30M-275.00	Hà Nội
92	30M-328.55	Hà Nội	1692	30M-214.41	Hà Nội	3292	30M-277.27	Hà Nội
93	30M-330.55	Hà Nội	1693	30M-224.24	Hà Nội	3293	30M-280.22	Hà Nội
94	30M-331.22	Hà Nội	1694	30M-226.33	Hà Nội	3294	30M-281.81	Hà Nội
95	30M-340.88	Hà Nội	1695	30M-227.69	Hà Nội	3295	30M-287.11	Hà Nội
96	30M-343.77	Hà Nội	1696	30M-241.66	Hà Nội	3296	30M-290.68	Hà Nội
97	30M-355.33	Hà Nội	1697	30M-243.88	Hà Nội	3297	30M-300.01	Hà Nội
98	30M-360.61	Hà Nội	1698	30M-246.64	Hà Nội	3298	30M-307.11	Hà Nội
99	30M-364.00	Hà Nội	1699	30M-248.79	Hà Nội	3299	30M-310.66	Hà Nội
100	30M-370.69	Hà Nội	1700	30M-250.00	Hà Nội	3300	30M-316.31	Hà Nội
101	30M-371.44	Hà Nội	1701	30M-253.99	Hà Nội	3301	30M-317.68	Hà Nội
102	30M-371.71	Hà Nội	1702	30M-259.77	Hà Nội	3302	30M-333.18	Hà Nội
103	30M-372.55	Hà Nội	1703	30M-262.79	Hà Nội	3303	30M-347.68	Hà Nội
104	30M-376.68	Hà Nội	1704	30M-265.62	Hà Nội	3304	30M-356.77	Hà Nội
105	30M-378.00	Hà Nội	1705	30M-272.73	Hà Nội	3305	30M-363.39	Hà Nội
106	30M-381.68	Hà Nội	1706	30M-273.00	Hà Nội	3306	30M-365.63	Hà Nội
107	30M-382.39	Hà Nội	1707	30M-283.11	Hà Nội	3307	30M-378.69	Hà Nội
108	30M-382.55	Hà Nội	1708	30M-285.00	Hà Nội	3308	30M-380.99	Hà Nội
109	30M-392.88	Hà Nội	1709	30M-292.22	Hà Nội	3309	30M-383.11	Hà Nội
110	30M-397.88	Hà Nội	1710	30M-300.86	Hà Nội	3310	30M-390.09	Hà Nội
111	30M-400.55	Hà Nội	1711	30M-302.44	Hà Nội	3311	30M-395.89	Hà Nội
112	30M-405.69	Hà Nội	1712	30M-310.44	Hà Nội	3312	30M-395.95	Hà Nội
113	30M-408.09	Hà Nội	1713	30M-313.22	Hà Nội	3313	30M-400.04	Hà Nội
114	30M-421.79	Hà Nội	1714	30M-314.55	Hà Nội	3314	30M-400.89	Hà Nội
115	51L-898.66	Hồ Chí Minh	1715	30M-316.88	Hà Nội	3315	30M-403.77	Hà Nội
116	51L-905.22	Hồ Chí Minh	1716	30M-327.55	Hà Nội	3316	30M-405.79	Hà Nội
117	51L-906.33	Hồ Chí Minh	1717	30M-333.09	Hà Nội	3317	30M-409.44	Hà Nội
118	51L-906.55	Hồ Chí Minh	1718	30M-333.19	Hà Nội	3318	30M-412.11	Hà Nội
119	51L-921.99	Hồ Chí Minh	1719	30M-334.99	Hà Nội	3319	30M-413.86	Hà Nội
120	51L-930.55	Hồ Chí Minh	1720	30M-336.33	Hà Nội	3320	30M-414.41	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
121	51L-930.79	Hồ Chí Minh	1721	30M-350.33	Hà Nội	3321	30M-414.77	Hà Nội
122	51L-932.77	Hồ Chí Minh	1722	30M-362.44	Hà Nội	3322	30M-419.22	Hà Nội
123	51L-943.79	Hồ Chí Minh	1723	30M-362.86	Hà Nội	3323	51L-896.89	Hồ Chí Minh
124	51L-959.11	Hồ Chí Minh	1724	30M-367.66	Hà Nội	3324	51L-898.55	Hồ Chí Minh
125	51L-960.44	Hồ Chí Minh	1725	30M-374.33	Hà Nội	3325	51L-900.39	Hồ Chí Minh
126	51L-964.44	Hồ Chí Minh	1726	30M-378.73	Hà Nội	3326	51L-911.86	Hồ Chí Minh
127	51L-975.44	Hồ Chí Minh	1727	30M-381.55	Hà Nội	3327	51L-913.99	Hồ Chí Minh
128	51L-976.77	Hồ Chí Minh	1728	30M-390.00	Hà Nội	3328	51L-914.11	Hồ Chí Minh
129	51L-982.69	Hồ Chí Minh	1729	30M-395.88	Hà Nội	3329	51L-917.88	Hồ Chí Minh
130	51L-987.66	Hồ Chí Minh	1730	30M-404.77	Hà Nội	3330	51L-918.66	Hồ Chí Minh
131	51L-991.39	Hồ Chí Minh	1731	30M-407.22	Hà Nội	3331	51L-920.69	Hồ Chí Minh
132	51M-053.22	Hồ Chí Minh	1732	30M-421.44	Hà Nội	3332	51L-923.29	Hồ Chí Minh
133	51M-054.66	Hồ Chí Minh	1733	30M-421.77	Hà Nội	3333	51L-925.44	Hồ Chí Minh
134	51M-057.44	Hồ Chí Minh	1734	51L-902.86	Hồ Chí Minh	3334	51L-929.22	Hồ Chí Minh
135	51M-067.44	Hồ Chí Minh	1735	51L-904.11	Hồ Chí Minh	3335	51L-930.03	Hồ Chí Minh
136	51M-070.11	Hồ Chí Minh	1736	51L-906.09	Hồ Chí Minh	3336	51L-937.86	Hồ Chí Minh
137	51M-074.11	Hồ Chí Minh	1737	51L-913.33	Hồ Chí Minh	3337	51L-939.00	Hồ Chí Minh
138	51M-082.08	Hồ Chí Minh	1738	51L-924.22	Hồ Chí Minh	3338	51L-942.42	Hồ Chí Minh
139	51M-085.77	Hồ Chí Minh	1739	51L-936.33	Hồ Chí Minh	3339	51L-943.89	Hồ Chí Minh
140	51M-089.80	Hồ Chí Minh	1740	51L-936.36	Hồ Chí Minh	3340	51L-951.79	Hồ Chí Minh
141	51M-091.22	Hồ Chí Minh	1741	51L-938.11	Hồ Chí Minh	3341	51L-961.89	Hồ Chí Minh
142	51M-094.90	Hồ Chí Minh	1742	51L-953.68	Hồ Chí Minh	3342	51L-972.86	Hồ Chí Minh
143	51M-105.68	Hồ Chí Minh	1743	51L-964.65	Hồ Chí Minh	3343	51L-980.81	Hồ Chí Minh
144	51M-108.44	Hồ Chí Minh	1744	51L-980.22	Hồ Chí Minh	3344	51L-992.66	Hồ Chí Minh
145	51M-110.11	Hồ Chí Minh	1745	51L-983.66	Hồ Chí Minh	3345	51L-995.77	Hồ Chí Minh
146	51M-113.88	Hồ Chí Minh	1746	51L-987.44	Hồ Chí Minh	3346	51M-053.33	Hồ Chí Minh
147	51M-116.00	Hồ Chí Minh	1747	51L-991.44	Hồ Chí Minh	3347	51M-054.88	Hồ Chí Minh
148	51M-120.55	Hồ Chí Minh	1748	51L-994.22	Hồ Chí Minh	3348	51M-055.11	Hồ Chí Minh
149	51M-123.88	Hồ Chí Minh	1749	51L-994.99	Hồ Chí Minh	3349	51M-060.89	Hồ Chí Minh
150	51M-124.00	Hồ Chí Minh	1750	51L-997.55	Hồ Chí Minh	3350	51M-065.06	Hồ Chí Minh
151	51M-128.28	Hồ Chí Minh	1751	51M-063.36	Hồ Chí Minh	3351	51M-066.79	Hồ Chí Minh
152	51M-129.66	Hồ Chí Minh	1752	51M-063.86	Hồ Chí Minh	3352	51M-075.00	Hồ Chí Minh
153	51M-132.77	Hồ Chí Minh	1753	51M-064.99	Hồ Chí Minh	3353	51M-077.70	Hồ Chí Minh
154	51M-135.53	Hồ Chí Minh	1754	51M-071.72	Hồ Chí Minh	3354	51M-087.00	Hồ Chí Minh
155	51M-138.77	Hồ Chí Minh	1755	51M-073.70	Hồ Chí Minh	3355	51M-091.55	Hồ Chí Minh
156	51M-140.44	Hồ Chí Minh	1756	51M-074.47	Hồ Chí Minh	3356	51M-093.33	Hồ Chí Minh
157	51M-142.22	Hồ Chí Minh	1757	51M-076.33	Hồ Chí Minh	3357	51M-109.10	Hồ Chí Minh
158	51M-143.00	Hồ Chí Minh	1758	51M-082.89	Hồ Chí Minh	3358	51M-115.77	Hồ Chí Minh
159	51M-147.99	Hồ Chí Minh	1759	51M-094.49	Hồ Chí Minh	3359	51M-126.68	Hồ Chí Minh
160	51M-157.75	Hồ Chí Minh	1760	51M-102.01	Hồ Chí Minh	3360	51M-139.31	Hồ Chí Minh
161	51M-161.22	Hồ Chí Minh	1761	51M-108.08	Hồ Chí Minh	3361	51M-146.86	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
162	51M-166.77	Hồ Chí Minh	1762	51M-110.10	Hồ Chí Minh	3362	51M-149.14	Hồ Chí Minh
163	51M-184.33	Hồ Chí Minh	1763	51M-111.35	Hồ Chí Minh	3363	51M-154.00	Hồ Chí Minh
164	51M-184.85	Hồ Chí Minh	1764	51M-111.56	Hồ Chí Minh	3364	51M-154.99	Hồ Chí Minh
165	51M-188.33	Hồ Chí Minh	1765	51M-119.33	Hồ Chí Minh	3365	51M-156.77	Hồ Chí Minh
166	51M-199.77	Hồ Chí Minh	1766	51M-127.66	Hồ Chí Minh	3366	51M-161.11	Hồ Chí Minh
167	51M-201.69	Hồ Chí Minh	1767	51M-130.13	Hồ Chí Minh	3367	51M-167.00	Hồ Chí Minh
168	51M-203.66	Hồ Chí Minh	1768	51M-148.00	Hồ Chí Minh	3368	51M-180.22	Hồ Chí Minh
169	51M-205.20	Hồ Chí Minh	1769	51M-148.33	Hồ Chí Minh	3369	51M-183.89	Hồ Chí Minh
170	51M-207.08	Hồ Chí Minh	1770	51M-158.22	Hồ Chí Minh	3370	51M-201.86	Hồ Chí Minh
171	51M-208.09	Hồ Chí Minh	1771	51M-162.63	Hồ Chí Minh	3371	51M-202.86	Hồ Chí Minh
172	51M-245.99	Hồ Chí Minh	1772	51M-174.22	Hồ Chí Minh	3372	51M-212.86	Hồ Chí Minh
173	51M-249.69	Hồ Chí Minh	1773	51M-174.88	Hồ Chí Minh	3373	51M-221.55	Hồ Chí Minh
174	51M-251.00	Hồ Chí Minh	1774	51M-192.00	Hồ Chí Minh	3374	51M-223.79	Hồ Chí Minh
175	51M-258.33	Hồ Chí Minh	1775	51M-193.39	Hồ Chí Minh	3375	51M-228.89	Hồ Chí Minh
176	51M-275.27	Hồ Chí Minh	1776	51M-202.11	Hồ Chí Minh	3376	51M-231.99	Hồ Chí Minh
177	51M-284.68	Hồ Chí Minh	1777	51M-202.69	Hồ Chí Minh	3377	51M-237.55	Hồ Chí Minh
178	51M-286.82	Hồ Chí Minh	1778	51M-211.89	Hồ Chí Minh	3378	51M-254.86	Hồ Chí Minh
179	51M-286.87	Hồ Chí Minh	1779	51M-217.89	Hồ Chí Minh	3379	51M-260.60	Hồ Chí Minh
180	51M-288.11	Hồ Chí Minh	1780	51M-225.66	Hồ Chí Minh	3380	51M-262.69	Hồ Chí Minh
181	51N-008.77	Hồ Chí Minh	1781	51M-225.68	Hồ Chí Minh	3381	51M-272.44	Hồ Chí Minh
182	51N-022.23	Hồ Chí Minh	1782	51M-238.23	Hồ Chí Minh	3382	51M-279.69	Hồ Chí Minh
183	51N-031.33	Hồ Chí Minh	1783	51M-240.99	Hồ Chí Minh	3383	51M-284.44	Hồ Chí Minh
184	51N-037.11	Hồ Chí Minh	1784	51M-243.89	Hồ Chí Minh	3384	51M-287.55	Hồ Chí Minh
185	51N-042.11	Hồ Chí Minh	1785	51M-244.66	Hồ Chí Minh	3385	51M-295.11	Hồ Chí Minh
186	51N-046.64	Hồ Chí Minh	1786	51M-270.33	Hồ Chí Minh	3386	51M-295.68	Hồ Chí Minh
187	51N-053.54	Hồ Chí Minh	1787	51M-271.55	Hồ Chí Minh	3387	51M-297.89	Hồ Chí Minh
188	51N-057.55	Hồ Chí Minh	1788	51M-273.99	Hồ Chí Minh	3388	51M-300.99	Hồ Chí Minh
189	51N-064.69	Hồ Chí Minh	1789	51M-274.77	Hồ Chí Minh	3389	51M-302.77	Hồ Chí Minh
190	51N-067.11	Hồ Chí Minh	1790	51M-276.39	Hồ Chí Minh	3390	51M-303.03	Hồ Chí Minh
191	51N-067.68	Hồ Chí Minh	1791	51M-278.77	Hồ Chí Minh	3391	51M-311.12	Hồ Chí Minh
192	51N-071.69	Hồ Chí Minh	1792	51M-290.77	Hồ Chí Minh	3392	51N-000.44	Hồ Chí Minh
193	51N-072.55	Hồ Chí Minh	1793	51M-293.22	Hồ Chí Minh	3393	51N-000.67	Hồ Chí Minh
194	51N-075.44	Hồ Chí Minh	1794	51M-304.69	Hồ Chí Minh	3394	51N-003.00	Hồ Chí Minh
195	51N-081.80	Hồ Chí Minh	1795	51M-310.22	Hồ Chí Minh	3395	51N-007.33	Hồ Chí Minh
196	51N-082.69	Hồ Chí Minh	1796	51M-311.79	Hồ Chí Minh	3396	51N-019.98	Hồ Chí Minh
197	51N-100.69	Hồ Chí Minh	1797	51N-000.45	Hồ Chí Minh	3397	51N-023.11	Hồ Chí Minh
198	51N-103.69	Hồ Chí Minh	1798	51N-006.39	Hồ Chí Minh	3398	51N-023.99	Hồ Chí Minh
199	51N-115.39	Hồ Chí Minh	1799	51N-006.88	Hồ Chí Minh	3399	51N-024.00	Hồ Chí Minh
200	51N-121.11	Hồ Chí Minh	1800	51N-012.10	Hồ Chí Minh	3400	51N-025.39	Hồ Chí Minh
201	51N-129.22	Hồ Chí Minh	1801	51N-016.77	Hồ Chí Minh	3401	51N-026.88	Hồ Chí Minh
202	51N-130.31	Hồ Chí Minh	1802	51N-030.89	Hồ Chí Minh	3402	51N-029.33	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
203	51N-132.44	Hồ Chí Minh	1803	51N-031.03	Hồ Chí Minh	3403	51N-052.68	Hồ Chí Minh
204	51N-141.44	Hồ Chí Minh	1804	51N-036.36	Hồ Chí Minh	3404	51N-054.05	Hồ Chí Minh
205	51N-146.46	Hồ Chí Minh	1805	51N-044.86	Hồ Chí Minh	3405	51N-055.77	Hồ Chí Minh
206	51N-148.79	Hồ Chí Minh	1806	51N-046.46	Hồ Chí Minh	3406	51N-056.11	Hồ Chí Minh
207	11A-138.68	Cao Bằng	1807	51N-048.55	Hồ Chí Minh	3407	51N-080.99	Hồ Chí Minh
208	11B-013.86	Cao Bằng	1808	51N-049.79	Hồ Chí Minh	3408	51N-087.99	Hồ Chí Minh
209	11B-015.44	Cao Bằng	1809	51N-051.55	Hồ Chí Minh	3409	51N-090.69	Hồ Chí Minh
210	11B-017.00	Cao Bằng	1810	51N-056.77	Hồ Chí Minh	3410	51N-102.01	Hồ Chí Minh
211	12A-264.26	Lạng Sơn	1811	51N-057.57	Hồ Chí Minh	3411	51N-102.33	Hồ Chí Minh
212	12A-270.99	Lạng Sơn	1812	51N-061.00	Hồ Chí Minh	3412	51N-104.10	Hồ Chí Minh
213	12B-017.86	Lạng Sơn	1813	51N-062.26	Hồ Chí Minh	3413	51N-106.07	Hồ Chí Minh
214	14C-449.39	Quảng Ninh	1814	51N-062.39	Hồ Chí Minh	3414	51N-112.86	Hồ Chí Minh
215	14C-457.57	Quảng Ninh	1815	51N-064.66	Hồ Chí Minh	3415	51N-116.68	Hồ Chí Minh
216	14C-459.45	Quảng Ninh	1816	51N-071.72	Hồ Chí Minh	3416	51N-118.55	Hồ Chí Minh
217	14C-466.79	Quảng Ninh	1817	51N-079.86	Hồ Chí Minh	3417	51N-118.69	Hồ Chí Minh
218	14C-470.71	Quảng Ninh	1818	51N-082.44	Hồ Chí Minh	3418	51N-126.62	Hồ Chí Minh
219	14D-032.66	Quảng Ninh	1819	51N-085.89	Hồ Chí Minh	3419	51N-135.44	Hồ Chí Minh
220	14K-000.89	Quảng Ninh	1820	51N-092.09	Hồ Chí Minh	3420	51N-137.68	Hồ Chí Minh
221	14K-001.22	Quảng Ninh	1821	51N-092.90	Hồ Chí Minh	3421	51N-138.89	Hồ Chí Minh
222	14K-002.03	Quảng Ninh	1822	51N-093.86	Hồ Chí Minh	3422	51N-139.93	Hồ Chí Minh
223	14K-010.44	Quảng Ninh	1823	51N-095.39	Hồ Chí Minh	3423	51N-140.69	Hồ Chí Minh
224	14K-019.11	Quảng Ninh	1824	51N-097.90	Hồ Chí Minh	3424	11A-138.89	Cao Bằng
225	14K-028.22	Quảng Ninh	1825	51N-101.55	Hồ Chí Minh	3425	11B-014.66	Cao Bằng
226	14K-031.31	Quảng Ninh	1826	51N-103.79	Hồ Chí Minh	3426	11D-012.33	Cao Bằng
227	14K-036.86	Quảng Ninh	1827	51N-104.68	Hồ Chí Minh	3427	12A-264.66	Lạng Sơn
228	14K-042.40	Quảng Ninh	1828	51N-108.11	Hồ Chí Minh	3428	12A-264.88	Lạng Sơn
229	14K-043.00	Quảng Ninh	1829	51N-121.86	Hồ Chí Minh	3429	12A-267.44	Lạng Sơn
230	14K-045.33	Quảng Ninh	1830	51N-125.44	Hồ Chí Minh	3430	12C-142.22	Lạng Sơn
231	14K-046.44	Quảng Ninh	1831	51N-126.21	Hồ Chí Minh	3431	12D-007.88	Lạng Sơn
232	14K-048.44	Quảng Ninh	1832	51N-128.77	Hồ Chí Minh	3432	12D-010.00	Lạng Sơn
233	15B-057.33	Hải Phòng	1833	51N-130.30	Hồ Chí Minh	3433	14A-992.33	Quảng Ninh
234	15C-481.81	Hải Phòng	1834	51N-134.33	Hồ Chí Minh	3434	14C-453.54	Quảng Ninh
235	15C-482.82	Hải Phòng	1835	51N-137.39	Hồ Chí Minh	3435	14C-454.45	Quảng Ninh
236	15K-425.77	Hải Phòng	1836	51N-140.33	Hồ Chí Minh	3436	14C-454.77	Quảng Ninh
237	15K-429.33	Hải Phòng	1837	51N-147.99	Hồ Chí Minh	3437	14C-455.68	Quảng Ninh
238	15K-431.77	Hải Phòng	1838	11D-012.39	Cao Bằng	3438	14C-456.69	Quảng Ninh
239	15K-432.39	Hải Phòng	1839	11D-012.99	Cao Bằng	3439	14C-467.55	Quảng Ninh
240	15K-437.34	Hải Phòng	1840	12A-264.99	Lạng Sơn	3440	14C-469.11	Quảng Ninh
241	15K-439.68	Hải Phòng	1841	12A-265.39	Lạng Sơn	3441	14D-030.03	Quảng Ninh
242	15K-441.86	Hải Phòng	1842	12C-145.54	Lạng Sơn	3442	14K-003.69	Quảng Ninh
243	15K-445.39	Hải Phòng	1843	14C-454.68	Quảng Ninh	3443	14K-007.70	Quảng Ninh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
244	15K-449.22	Hải Phòng	1844	14C-462.11	Quảng Ninh	3444	14K-009.33	Quảng Ninh
245	15K-450.69	Hải Phòng	1845	14C-464.68	Quảng Ninh	3445	14K-015.66	Quảng Ninh
246	15K-459.11	Hải Phòng	1846	14C-465.00	Quảng Ninh	3446	14K-018.10	Quảng Ninh
247	15K-462.44	Hải Phòng	1847	14C-467.64	Quảng Ninh	3447	14K-024.99	Quảng Ninh
248	15K-462.62	Hải Phòng	1848	14K-002.88	Quảng Ninh	3448	14K-025.99	Quảng Ninh
249	15K-475.74	Hải Phòng	1849	14K-004.77	Quảng Ninh	3449	14K-034.22	Quảng Ninh
250	15K-478.87	Hải Phòng	1850	14K-005.00	Quảng Ninh	3450	14K-038.79	Quảng Ninh
251	15K-480.11	Hải Phòng	1851	14K-008.11	Quảng Ninh	3451	14K-041.66	Quảng Ninh
252	15K-481.89	Hải Phòng	1852	14K-011.22	Quảng Ninh	3452	14K-045.88	Quảng Ninh
253	15K-484.44	Hải Phòng	1853	14K-011.86	Quảng Ninh	3453	15B-056.50	Hải Phòng
254	15K-490.66	Hải Phòng	1854	14K-013.89	Quảng Ninh	3454	15B-058.33	Hải Phòng
255	15K-495.88	Hải Phòng	1855	14K-014.69	Quảng Ninh	3455	15C-487.44	Hải Phòng
256	15K-502.20	Hải Phòng	1856	14K-019.68	Quảng Ninh	3456	15K-429.00	Hải Phòng
257	15K-511.12	Hải Phòng	1857	14K-026.00	Quảng Ninh	3457	15K-429.79	Hải Phòng
258	17A-494.94	Thái Bình	1858	14K-030.31	Quảng Ninh	3458	15K-439.44	Hải Phòng
259	17A-503.55	Thái Bình	1859	14K-030.89	Quảng Ninh	3459	15K-449.86	Hải Phòng
260	17A-506.69	Thái Bình	1860	14K-030.99	Quảng Ninh	3460	15K-455.68	Hải Phòng
261	17A-509.69	Thái Bình	1861	14K-049.00	Quảng Ninh	3461	15K-460.99	Hải Phòng
262	17A-509.96	Thái Bình	1862	15B-058.55	Hải Phòng	3462	15K-462.26	Hải Phòng
263	17A-513.51	Thái Bình	1863	15C-481.22	Hải Phòng	3463	15K-462.69	Hải Phòng
264	17C-217.18	Thái Bình	1864	15C-481.89	Hải Phòng	3464	15K-462.79	Hải Phòng
265	17C-217.68	Thái Bình	1865	15C-482.44	Hải Phòng	3465	15K-467.77	Hải Phòng
266	17C-220.11	Thái Bình	1866	15C-489.00	Hải Phòng	3466	15K-473.47	Hải Phòng
267	17C-222.05	Thái Bình	1867	15C-489.68	Hải Phòng	3467	15K-480.48	Hải Phòng
268	18A-492.55	Nam Định	1868	15C-494.77	Hải Phòng	3468	15K-494.44	Hải Phòng
269	18A-502.89	Nam Định	1869	15C-497.86	Hải Phòng	3469	15K-496.22	Hải Phòng
270	18B-031.30	Nam Định	1870	15K-426.44	Hải Phòng	3470	15K-504.55	Hải Phòng
271	18B-033.44	Nam Định	1871	15K-431.00	Hải Phòng	3471	17A-492.92	Thái Bình
272	18C-177.11	Nam Định	1872	15K-431.55	Hải Phòng	3472	17A-499.86	Thái Bình
273	18D-015.89	Nam Định	1873	15K-432.23	Hải Phòng	3473	17A-504.55	Thái Bình
274	18D-017.89	Nam Định	1874	15K-441.77	Hải Phòng	3474	17A-508.79	Thái Bình
275	19A-716.86	Phú Thọ	1875	15K-441.79	Hải Phòng	3475	17A-511.51	Thái Bình
276	19A-718.11	Phú Thọ	1876	15K-444.02	Hải Phòng	3476	17A-512.00	Thái Bình
277	19A-718.69	Phú Thọ	1877	15K-444.36	Hải Phòng	3477	17B-030.69	Thái Bình
278	19A-755.56	Phú Thọ	1878	15K-447.89	Hải Phòng	3478	17D-016.16	Thái Bình
279	19A-757.75	Phú Thọ	1879	15K-448.66	Hải Phòng	3479	18A-492.29	Nam Định
280	19B-027.86	Phú Thọ	1880	15K-454.11	Hải Phòng	3480	18A-496.89	Nam Định
281	19B-028.82	Phú Thọ	1881	15K-454.44	Hải Phòng	3481	18A-497.98	Nam Định
282	19C-265.22	Phú Thọ	1882	15K-459.77	Hải Phòng	3482	18A-503.04	Nam Định
283	19C-271.44	Phú Thọ	1883	15K-460.77	Hải Phòng	3483	18A-503.39	Nam Định
284	19C-274.55	Phú Thọ	1884	15K-463.99	Hải Phòng	3484	18A-506.00	Nam Định

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
285	19C-279.96	Phú Thọ	1885	15K-468.77	Hải Phòng	3485	19A-721.00	Phú Thọ
286	19D-022.23	Phú Thọ	1886	15K-471.33	Hải Phòng	3486	19A-738.68	Phú Thọ
287	20A-861.33	Thái Nguyên	1887	15K-473.39	Hải Phòng	3487	19A-740.41	Phú Thọ
288	20A-865.65	Thái Nguyên	1888	15K-476.89	Hải Phòng	3488	19A-741.68	Phú Thọ
289	20A-870.78	Thái Nguyên	1889	15K-483.33	Hải Phòng	3489	19A-749.69	Phú Thọ
290	20A-871.33	Thái Nguyên	1890	15K-484.68	Hải Phòng	3490	19C-263.86	Phú Thọ
291	20A-872.27	Thái Nguyên	1891	15K-497.66	Hải Phòng	3491	19C-272.55	Phú Thọ
292	20A-874.55	Thái Nguyên	1892	15K-502.00	Hải Phòng	3492	19C-277.66	Phú Thọ
293	20A-874.77	Thái Nguyên	1893	15K-503.77	Hải Phòng	3493	20A-872.44	Thái Nguyên
294	20A-895.22	Thái Nguyên	1894	15K-510.68	Hải Phòng	3494	20A-874.11	Thái Nguyên
295	20A-895.68	Thái Nguyên	1895	17A-497.68	Thái Bình	3495	20A-879.22	Thái Nguyên
296	20A-896.68	Thái Nguyên	1896	17A-498.00	Thái Bình	3496	20A-886.99	Thái Nguyên
297	20A-900.86	Thái Nguyên	1897	17A-499.69	Thái Bình	3497	20A-888.15	Thái Nguyên
298	20A-904.77	Thái Nguyên	1898	17A-508.80	Thái Bình	3498	20A-890.55	Thái Nguyên
299	20A-905.86	Thái Nguyên	1899	17A-509.39	Thái Bình	3499	20A-894.89	Thái Nguyên
300	20C-311.00	Thái Nguyên	1900	17B-032.89	Thái Bình	3500	20A-895.33	Thái Nguyên
301	20C-317.00	Thái Nguyên	1901	17C-220.00	Thái Bình	3501	20A-902.39	Thái Nguyên
302	20C-319.33	Thái Nguyên	1902	18A-501.99	Nam Định	3502	20B-037.66	Thái Nguyên
303	20D-035.36	Thái Nguyên	1903	18A-511.15	Nam Định	3503	20C-311.99	Thái Nguyên
304	21A-223.44	Yên Bái	1904	18B-034.39	Nam Định	3504	20C-312.12	Thái Nguyên
305	21A-231.68	Yên Bái	1905	18C-176.77	Nam Định	3505	20C-313.86	Thái Nguyên
306	21B-015.89	Yên Bái	1906	18D-015.79	Nam Định	3506	20C-315.68	Thái Nguyên
307	22A-281.22	Tuyên Quang	1907	19A-721.77	Phú Thọ	3507	20C-318.39	Thái Nguyên
308	22B-016.66	Tuyên Quang	1908	19A-722.89	Phú Thọ	3508	20C-323.79	Thái Nguyên
309	22C-113.00	Tuyên Quang	1909	19A-728.44	Phú Thọ	3509	21A-222.13	Yên Bái
310	22C-116.17	Tuyên Quang	1910	19A-728.82	Phú Thọ	3510	21A-230.88	Yên Bái
311	22C-118.33	Tuyên Quang	1911	19A-729.86	Phú Thọ	3511	21A-232.23	Yên Bái
312	23C-092.29	Hà Giang	1912	19A-741.33	Phú Thọ	3512	21A-232.33	Yên Bái
313	24A-326.33	Lào Cai	1913	19A-742.39	Phú Thọ	3513	21B-014.00	Yên Bái
314	25C-061.33	Lai Châu	1914	19A-754.99	Phú Thọ	3514	22A-271.69	Tuyên Quang
315	25C-062.55	Lai Châu	1915	19B-030.69	Phú Thọ	3515	22C-113.13	Tuyên Quang
316	26A-241.41	Sơn La	1916	19C-263.63	Phú Thọ	3516	22D-011.68	Tuyên Quang
317	26B-022.02	Sơn La	1917	19C-272.44	Phú Thọ	3517	23A-170.33	Hà Giang
318	26C-163.89	Sơn La	1918	19C-275.39	Phú Thọ	3518	23B-012.11	Hà Giang
319	26C-167.39	Sơn La	1919	19C-276.11	Phú Thọ	3519	23C-091.91	Hà Giang
320	26D-013.69	Sơn La	1920	19C-278.27	Phú Thọ	3520	24A-315.77	Lào Cai
321	26D-013.79	Sơn La	1921	20A-862.77	Thái Nguyên	3521	24A-320.79	Lào Cai
322	26D-017.17	Sơn La	1922	20A-864.77	Thái Nguyên	3522	24B-020.11	Lào Cai
323	27B-016.33	Điện Biên	1923	20A-866.79	Thái Nguyên	3523	24B-022.79	Lào Cai
324	28A-259.33	Hòa Bình	1924	20A-869.77	Thái Nguyên	3524	24C-166.33	Lào Cai
325	28A-260.68	Hòa Bình	1925	20A-870.44	Thái Nguyên	3525	24D-011.79	Lào Cai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
326	28A-262.11	Hòa Bình	1926	20A-871.86	Thái Nguyên	3526	25B-009.44	Lai Châu
327	28A-264.26	Hòa Bình	1927	20A-885.00	Thái Nguyên	3527	25C-061.00	Lai Châu
328	28A-264.62	Hòa Bình	1928	20A-889.69	Thái Nguyên	3528	25C-063.63	Lai Châu
329	28A-264.89	Hòa Bình	1929	20A-901.10	Thái Nguyên	3529	26A-238.66	Sơn La
330	28A-267.26	Hòa Bình	1930	20A-902.22	Thái Nguyên	3530	26A-246.33	Sơn La
331	28B-020.00	Hòa Bình	1931	20B-035.99	Thái Nguyên	3531	26C-168.77	Sơn La
332	29B-661.69	Hà Nội	1932	20C-309.88	Thái Nguyên	3532	27A-130.33	Điện Biên
333	29B-661.77	Hà Nội	1933	20C-310.39	Thái Nguyên	3533	27C-074.55	Điện Biên
334	29B-661.88	Hà Nội	1934	20C-314.41	Thái Nguyên	3534	28A-259.79	Hòa Bình
335	29D-628.44	Hà Nội	1935	20C-314.44	Thái Nguyên	3535	28A-265.69	Hòa Bình
336	29D-630.31	Hà Nội	1936	20C-319.96	Thái Nguyên	3536	28A-267.11	Hòa Bình
337	29D-637.68	Hà Nội	1937	20D-035.88	Thái Nguyên	3537	28A-270.77	Hòa Bình
338	29K-330.30	Hà Nội	1938	21A-227.33	Yên Bái	3538	28A-271.00	Hòa Bình
339	29K-336.79	Hà Nội	1939	21A-229.86	Yên Bái	3539	28B-018.01	Hòa Bình
340	29K-337.79	Hà Nội	1940	21A-229.89	Yên Bái	3540	29B-658.65	Hà Nội
341	29K-342.00	Hà Nội	1941	21C-111.24	Yên Bái	3541	29B-660.69	Hà Nội
342	29K-344.79	Hà Nội	1942	21C-113.99	Yên Bái	3542	29B-661.99	Hà Nội
343	29K-345.43	Hà Nội	1943	22A-276.72	Tuyên Quang	3543	29D-629.69	Hà Nội
344	29K-345.45	Hà Nội	1944	22A-282.89	Tuyên Quang	3544	29D-636.33	Hà Nội
345	29K-348.55	Hà Nội	1945	22B-018.81	Tuyên Quang	3545	29K-328.69	Hà Nội
346	29K-353.44	Hà Nội	1946	22C-113.33	Tuyên Quang	3546	29K-329.77	Hà Nội
347	29K-354.88	Hà Nội	1947	23A-167.33	Hà Giang	3547	29K-340.33	Hà Nội
348	29K-359.44	Hà Nội	1948	23A-167.55	Hà Giang	3548	29K-343.39	Hà Nội
349	29K-368.36	Hà Nội	1949	23B-014.00	Hà Giang	3549	29K-344.00	Hà Nội
350	29K-379.00	Hà Nội	1950	23C-093.66	Hà Giang	3550	29K-344.43	Hà Nội
351	29K-381.83	Hà Nội	1951	23D-008.89	Hà Giang	3551	29K-345.33	Hà Nội
352	29K-388.55	Hà Nội	1952	23D-011.10	Hà Giang	3552	29K-356.11	Hà Nội
353	29K-390.79	Hà Nội	1953	23D-011.44	Hà Giang	3553	29K-368.63	Hà Nội
354	29K-392.99	Hà Nội	1954	24A-315.66	Lào Cai	3554	29K-377.99	Hà Nội
355	29K-402.89	Hà Nội	1955	24A-315.88	Lào Cai	3555	29K-387.66	Hà Nội
356	29K-407.86	Hà Nội	1956	24A-317.13	Lào Cai	3556	29K-399.00	Hà Nội
357	29K-416.68	Hà Nội	1957	24A-317.77	Lào Cai	3557	29K-399.55	Hà Nội
358	29K-417.00	Hà Nội	1958	24A-318.66	Lào Cai	3558	29K-402.68	Hà Nội
359	29K-418.68	Hà Nội	1959	24A-318.69	Lào Cai	3559	29K-407.40	Hà Nội
360	29K-430.99	Hà Nội	1960	24B-022.77	Lào Cai	3560	29K-420.24	Hà Nội
361	29K-440.33	Hà Nội	1961	24C-169.39	Lào Cai	3561	29K-420.55	Hà Nội
362	29K-444.67	Hà Nội	1962	24D-012.11	Lào Cai	3562	29K-436.34	Hà Nội
363	29K-447.47	Hà Nội	1963	26A-241.66	Sơn La	3563	29K-438.11	Hà Nội
364	29K-455.33	Hà Nội	1964	26A-243.11	Sơn La	3564	29K-438.66	Hà Nội
365	29K-456.68	Hà Nội	1965	26B-020.99	Sơn La	3565	29K-443.11	Hà Nội
366	29K-462.11	Hà Nội	1966	26C-166.68	Sơn La	3566	29K-456.65	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
367	29K-472.44	Hà Nội	1967	26D-017.01	Sơn La	3567	29K-464.86	Hà Nội
368	34A-920.89	Hải Dương	1968	27B-016.00	Điện Biên	3568	29K-469.89	Hà Nội
369	34A-922.29	Hải Dương	1969	27D-007.00	Điện Biên	3569	29K-474.89	Hà Nội
370	34A-929.11	Hải Dương	1970	28A-259.00	Hòa Bình	3570	29K-475.00	Hà Nội
371	34A-939.68	Hải Dương	1971	28A-271.71	Hòa Bình	3571	29K-476.47	Hà Nội
372	34A-946.99	Hải Dương	1972	28C-124.89	Hòa Bình	3572	34A-919.98	Hải Dương
373	34A-956.55	Hải Dương	1973	28D-011.69	Hòa Bình	3573	34A-920.55	Hải Dương
374	34A-957.22	Hải Dương	1974	29D-626.68	Hà Nội	3574	34A-931.00	Hải Dương
375	34A-958.95	Hải Dương	1975	29D-629.11	Hà Nội	3575	34A-931.55	Hải Dương
376	34A-960.61	Hải Dương	1976	29D-632.22	Hà Nội	3576	34A-931.86	Hải Dương
377	34A-961.22	Hải Dương	1977	29D-633.63	Hà Nội	3577	34A-931.93	Hải Dương
378	34A-961.39	Hải Dương	1978	29D-633.77	Hà Nội	3578	34A-942.49	Hải Dương
379	34A-965.88	Hải Dương	1979	29D-640.69	Hà Nội	3579	34A-945.11	Hải Dương
380	34A-970.66	Hải Dương	1980	29K-327.55	Hà Nội	3580	34A-948.77	Hải Dương
381	34A-972.11	Hải Dương	1981	29K-333.18	Hà Nội	3581	34A-950.33	Hải Dương
382	34B-044.86	Hải Dương	1982	29K-339.77	Hà Nội	3582	34A-950.89	Hải Dương
383	34B-046.40	Hải Dương	1983	29K-342.34	Hà Nội	3583	34A-953.69	Hải Dương
384	34C-434.77	Hải Dương	1984	29K-343.44	Hà Nội	3584	34A-971.11	Hải Dương
385	34C-437.99	Hải Dương	1985	29K-346.55	Hà Nội	3585	34B-046.22	Hải Dương
386	34C-438.43	Hải Dương	1986	29K-347.11	Hà Nội	3586	34C-443.11	Hải Dương
387	34C-439.43	Hải Dương	1987	29K-361.62	Hà Nội	3587	34C-446.66	Hải Dương
388	34C-440.69	Hải Dương	1988	29K-370.88	Hà Nội	3588	35A-465.22	Ninh Bình
389	34C-450.68	Hải Dương	1989	29K-372.77	Hà Nội	3589	35A-475.88	Ninh Bình
390	34C-451.86	Hải Dương	1990	29K-375.89	Hà Nội	3590	35A-480.88	Ninh Bình
391	35A-471.33	Ninh Bình	1991	29K-378.73	Hà Nội	3591	35B-022.68	Ninh Bình
392	35A-478.78	Ninh Bình	1992	29K-382.33	Hà Nội	3592	35B-023.39	Ninh Bình
393	35A-479.22	Ninh Bình	1993	29K-383.86	Hà Nội	3593	35B-025.22	Ninh Bình
394	35A-480.99	Ninh Bình	1994	29K-385.69	Hà Nội	3594	35D-016.01	Ninh Bình
395	35A-481.86	Ninh Bình	1995	29K-387.89	Hà Nội	3595	36C-548.89	Thanh Hóa
396	35B-025.02	Ninh Bình	1996	29K-389.44	Hà Nội	3596	36C-554.22	Thanh Hóa
397	35C-180.11	Ninh Bình	1997	29K-393.86	Hà Nội	3597	36C-554.44	Thanh Hóa
398	35C-181.00	Ninh Bình	1998	29K-411.69	Hà Nội	3598	36C-555.13	Thanh Hóa
399	35C-181.66	Ninh Bình	1999	29K-414.44	Hà Nội	3599	36C-561.33	Thanh Hóa
400	35C-182.44	Ninh Bình	2000	29K-423.86	Hà Nội	3600	36C-565.39	Thanh Hóa
401	36C-546.86	Thanh Hóa	2001	29K-426.22	Hà Nội	3601	36C-568.00	Thanh Hóa
402	36C-549.77	Thanh Hóa	2002	29K-428.82	Hà Nội	3602	36C-572.00	Thanh Hóa
403	36C-550.89	Thanh Hóa	2003	29K-438.44	Hà Nội	3603	36C-573.00	Thanh Hóa
404	36C-551.66	Thanh Hóa	2004	29K-440.88	Hà Nội	3604	36D-030.33	Thanh Hóa
405	36C-553.99	Thanh Hóa	2005	29K-442.86	Hà Nội	3605	36K-229.66	Thanh Hóa
406	36C-561.44	Thanh Hóa	2006	29K-444.02	Hà Nội	3606	36K-235.11	Thanh Hóa
407	36C-563.63	Thanh Hóa	2007	29K-451.54	Hà Nội	3607	36K-240.55	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
408	36C-574.44	Thanh Hóa	2008	29K-452.11	Hà Nội	3608	36K-248.22	Thanh Hóa
409	36D-032.44	Thanh Hóa	2009	29K-452.52	Hà Nội	3609	36K-253.55	Thanh Hóa
410	36K-242.43	Thanh Hóa	2010	29K-454.33	Hà Nội	3610	36K-256.55	Thanh Hóa
411	36K-242.77	Thanh Hóa	2011	29K-455.11	Hà Nội	3611	36K-257.00	Thanh Hóa
412	36K-243.77	Thanh Hóa	2012	29K-465.64	Hà Nội	3612	36K-258.00	Thanh Hóa
413	36K-244.69	Thanh Hóa	2013	29K-472.66	Hà Nội	3613	36K-260.33	Thanh Hóa
414	36K-245.77	Thanh Hóa	2014	29K-477.69	Hà Nội	3614	36K-269.79	Thanh Hóa
415	36K-245.89	Thanh Hóa	2015	34A-920.11	Hải Dương	3615	36K-273.00	Thanh Hóa
416	36K-249.42	Thanh Hóa	2016	34A-935.36	Hải Dương	3616	36K-275.66	Thanh Hóa
417	36K-251.39	Thanh Hóa	2017	34A-946.69	Hải Dương	3617	36K-276.39	Thanh Hóa
418	36K-254.55	Thanh Hóa	2018	34A-954.79	Hải Dương	3618	36K-280.33	Thanh Hóa
419	36K-257.69	Thanh Hóa	2019	34A-955.89	Hải Dương	3619	36K-287.89	Thanh Hóa
420	36K-261.26	Thanh Hóa	2020	34A-960.68	Hải Dương	3620	36K-289.33	Thanh Hóa
421	36K-278.11	Thanh Hóa	2021	34A-962.62	Hải Dương	3621	36K-294.22	Thanh Hóa
422	36K-283.79	Thanh Hóa	2022	34A-969.86	Hải Dương	3622	36K-294.99	Thanh Hóa
423	36K-284.85	Thanh Hóa	2023	34A-972.44	Hải Dương	3623	36K-301.77	Thanh Hóa
424	36K-287.44	Thanh Hóa	2024	34B-046.00	Hải Dương	3624	36K-301.88	Thanh Hóa
425	36K-287.77	Thanh Hóa	2025	34C-436.77	Hải Dương	3625	36K-305.77	Thanh Hóa
426	36K-300.55	Thanh Hóa	2026	34C-438.89	Hải Dương	3626	37B-049.68	Nghệ An
427	36K-302.77	Thanh Hóa	2027	34C-441.00	Hải Dương	3627	37C-573.77	Nghệ An
428	36K-305.00	Thanh Hóa	2028	34C-441.99	Hải Dương	3628	37C-574.89	Nghệ An
429	37B-047.39	Nghệ An	2029	34C-444.14	Hải Dương	3629	37C-575.77	Nghệ An
430	37B-047.99	Nghệ An	2030	34C-445.66	Hải Dương	3630	37C-582.66	Nghệ An
431	37C-569.44	Nghệ An	2031	34C-449.49	Hải Dương	3631	37C-589.55	Nghệ An
432	37C-574.44	Nghệ An	2032	34C-451.00	Hải Dương	3632	37C-591.55	Nghệ An
433	37C-576.22	Nghệ An	2033	34C-453.00	Hải Dương	3633	37C-596.77	Nghệ An
434	37C-577.68	Nghệ An	2034	35A-463.64	Ninh Bình	3634	37D-049.00	Nghệ An
435	37C-578.44	Nghệ An	2035	35A-464.77	Ninh Bình	3635	37K-482.33	Nghệ An
436	37C-585.66	Nghệ An	2036	35A-472.69	Ninh Bình	3636	37K-490.33	Nghệ An
437	37C-589.44	Nghệ An	2037	35A-475.33	Ninh Bình	3637	37K-490.55	Nghệ An
438	37C-593.77	Nghệ An	2038	35A-475.77	Ninh Bình	3638	37K-493.88	Nghệ An
439	37D-050.79	Nghệ An	2039	35A-476.00	Ninh Bình	3639	37K-495.00	Nghệ An
440	37K-487.33	Nghệ An	2040	35A-477.33	Ninh Bình	3640	37K-519.33	Nghệ An
441	37K-500.33	Nghệ An	2041	35A-480.55	Ninh Bình	3641	37K-520.11	Nghệ An
442	37K-504.39	Nghệ An	2042	35B-023.88	Ninh Bình	3642	37K-523.44	Nghệ An
443	37K-516.99	Nghệ An	2043	35B-025.44	Ninh Bình	3643	37K-531.88	Nghệ An
444	37K-522.00	Nghệ An	2044	35D-015.86	Ninh Bình	3644	37K-537.33	Nghệ An
445	37K-530.55	Nghệ An	2045	35D-016.86	Ninh Bình	3645	37K-539.11	Nghệ An
446	37K-532.86	Nghệ An	2046	35D-019.01	Ninh Bình	3646	37K-546.46	Nghệ An
447	37K-547.44	Nghệ An	2047	35D-019.19	Ninh Bình	3647	37K-554.86	Nghệ An
448	37K-555.00	Nghệ An	2048	36C-547.00	Thanh Hóa	3648	37K-567.67	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
449	37K-556.77	Nghệ An	2049	36C-552.88	Thanh Hóa	3649	37K-572.73	Nghệ An
450	37K-562.99	Nghệ An	2050	36C-553.69	Thanh Hóa	3650	37K-573.86	Nghệ An
451	37K-570.69	Nghệ An	2051	36C-560.99	Thanh Hóa	3651	38A-684.44	Hà Tĩnh
452	37K-571.69	Nghệ An	2052	36C-562.44	Thanh Hóa	3652	38A-692.89	Hà Tĩnh
453	38A-683.77	Hà Tĩnh	2053	36C-562.62	Thanh Hóa	3653	38A-699.22	Hà Tĩnh
454	38A-685.00	Hà Tĩnh	2054	36C-573.44	Thanh Hóa	3654	38A-700.01	Hà Tĩnh
455	38A-688.79	Hà Tĩnh	2055	36C-576.79	Thanh Hóa	3655	38A-702.07	Hà Tĩnh
456	38A-697.68	Hà Tĩnh	2056	36C-579.99	Thanh Hóa	3656	38A-708.70	Hà Tĩnh
457	38A-700.07	Hà Tĩnh	2057	36D-031.30	Thanh Hóa	3657	38C-246.44	Hà Tĩnh
458	38A-704.77	Hà Tĩnh	2058	36K-231.99	Thanh Hóa	3658	38C-246.55	Hà Tĩnh
459	38A-709.96	Hà Tĩnh	2059	36K-235.99	Thanh Hóa	3659	38C-249.68	Hà Tĩnh
460	38B-023.69	Hà Tĩnh	2060	36K-242.66	Thanh Hóa	3660	38D-021.99	Hà Tĩnh
461	38B-024.24	Hà Tĩnh	2061	36K-247.88	Thanh Hóa	3661	43A-943.33	Đà Nẵng
462	38C-243.39	Hà Tĩnh	2062	36K-249.88	Thanh Hóa	3662	43A-943.34	Đà Nẵng
463	38C-247.11	Hà Tĩnh	2063	36K-253.89	Thanh Hóa	3663	43A-960.44	Đà Nẵng
464	38C-250.39	Hà Tĩnh	2064	36K-257.33	Thanh Hóa	3664	43A-968.11	Đà Nẵng
465	38C-252.89	Hà Tĩnh	2065	36K-268.99	Thanh Hóa	3665	43A-979.39	Đà Nẵng
466	38D-023.77	Hà Tĩnh	2066	36K-278.55	Thanh Hóa	3666	43A-980.88	Đà Nẵng
467	43A-945.86	Đà Nẵng	2067	36K-286.82	Thanh Hóa	3667	43D-015.68	Đà Nẵng
468	43A-945.89	Đà Nẵng	2068	36K-298.66	Thanh Hóa	3668	47A-816.22	Đắk Lắk
469	43A-954.11	Đà Nẵng	2069	37B-048.89	Nghệ An	3669	47A-819.22	Đắk Lắk
470	43A-955.33	Đà Nẵng	2070	37C-571.33	Nghệ An	3670	47A-819.77	Đắk Lắk
471	43A-958.55	Đà Nẵng	2071	37C-580.58	Nghệ An	3671	47A-819.81	Đắk Lắk
472	43A-965.88	Đà Nẵng	2072	37K-483.86	Nghệ An	3672	47A-821.55	Đắk Lắk
473	43A-972.86	Đà Nẵng	2073	37K-492.77	Nghệ An	3673	47A-825.69	Đắk Lắk
474	43B-067.66	Đà Nẵng	2074	37K-496.97	Nghệ An	3674	47A-836.39	Đắk Lắk
475	43C-319.33	Đà Nẵng	2075	37K-503.30	Nghệ An	3675	47A-838.89	Đắk Lắk
476	43C-321.79	Đà Nẵng	2076	37K-508.39	Nghệ An	3676	47A-840.11	Đắk Lắk
477	47A-813.81	Đắk Lắk	2077	37K-511.00	Nghệ An	3677	47A-843.88	Đắk Lắk
478	47A-814.88	Đắk Lắk	2078	37K-511.44	Nghệ An	3678	47A-847.11	Đắk Lắk
479	47A-818.68	Đắk Lắk	2079	37K-529.22	Nghệ An	3679	47A-853.68	Đắk Lắk
480	47A-818.86	Đắk Lắk	2080	37K-530.11	Nghệ An	3680	47A-859.68	Đắk Lắk
481	47A-820.99	Đắk Lắk	2081	37K-548.86	Nghệ An	3681	47A-862.00	Đắk Lắk
482	47A-830.30	Đắk Lắk	2082	37K-554.89	Nghệ An	3682	47B-043.39	Đắk Lắk
483	47A-832.89	Đắk Lắk	2083	37K-559.69	Nghệ An	3683	47C-412.00	Đắk Lắk
484	47A-839.77	Đắk Lắk	2084	37K-563.86	Nghệ An	3684	47C-412.39	Đắk Lắk
485	47A-840.40	Đắk Lắk	2085	37K-564.99	Nghệ An	3685	47C-416.99	Đắk Lắk
486	47A-848.69	Đắk Lắk	2086	38A-683.22	Hà Tĩnh	3686	47C-422.24	Đắk Lắk
487	47A-849.96	Đắk Lắk	2087	38A-692.77	Hà Tĩnh	3687	48C-117.55	Đắk Nông
488	47A-854.11	Đắk Lắk	2088	38B-024.55	Hà Tĩnh	3688	48C-119.98	Đắk Nông
489	47A-862.62	Đắk Lắk	2089	38C-244.11	Hà Tĩnh	3689	48D-008.69	Đắk Nông

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
490	47C-398.93	Đắk Lắk	2090	38C-250.55	Hà Tĩnh	3690	49A-747.33	Lâm Đồng
491	47C-401.10	Đắk Lắk	2091	38D-020.44	Hà Tĩnh	3691	49A-749.74	Lâm Đồng
492	47C-409.33	Đắk Lắk	2092	43A-953.53	Đà Nẵng	3692	49A-753.22	Lâm Đồng
493	47C-413.33	Đắk Lắk	2093	43A-970.89	Đà Nẵng	3693	49A-753.35	Lâm Đồng
494	47C-414.55	Đắk Lắk	2094	43A-970.97	Đà Nẵng	3694	49A-762.86	Lâm Đồng
495	47C-420.89	Đắk Lắk	2095	43A-975.68	Đà Nẵng	3695	49A-769.55	Lâm Đồng
496	48A-254.00	Đắk Nông	2096	43B-065.89	Đà Nẵng	3696	49A-772.39	Lâm Đồng
497	48A-257.33	Đắk Nông	2097	43B-067.68	Đà Nẵng	3697	49A-772.44	Lâm Đồng
498	48A-258.77	Đắk Nông	2098	43C-316.33	Đà Nẵng	3698	49A-777.05	Lâm Đồng
499	48C-117.79	Đắk Nông	2099	43C-317.71	Đà Nẵng	3699	49A-778.11	Lâm Đồng
500	48C-119.44	Đắk Nông	2100	43C-318.69	Đà Nẵng	3700	49A-779.68	Lâm Đồng
501	48C-121.55	Đắk Nông	2101	47A-815.39	Đắk Lắk	3701	49B-032.89	Lâm Đồng
502	49A-760.89	Lâm Đồng	2102	47A-824.28	Đắk Lắk	3702	49C-385.00	Lâm Đồng
503	49A-763.11	Lâm Đồng	2103	47A-830.77	Đắk Lắk	3703	49C-385.44	Lâm Đồng
504	49A-766.44	Lâm Đồng	2104	47A-830.99	Đắk Lắk	3704	49C-390.09	Lâm Đồng
505	49A-775.88	Lâm Đồng	2105	47A-832.11	Đắk Lắk	3705	49C-391.89	Lâm Đồng
506	49A-777.34	Lâm Đồng	2106	47A-834.34	Đắk Lắk	3706	49C-393.77	Lâm Đồng
507	49A-779.00	Lâm Đồng	2107	47A-837.68	Đắk Lắk	3707	49C-394.95	Lâm Đồng
508	49A-780.08	Lâm Đồng	2108	47A-839.33	Đắk Lắk	3708	49C-394.99	Lâm Đồng
509	49A-780.77	Lâm Đồng	2109	47A-842.39	Đắk Lắk	3709	49D-017.55	Lâm Đồng
510	49C-386.66	Lâm Đồng	2110	47A-843.22	Đắk Lắk	3710	49D-018.19	Lâm Đồng
511	49C-387.66	Lâm Đồng	2111	47A-856.88	Đắk Lắk	3711	51E-342.33	Hồ Chí Minh
512	49C-388.22	Lâm Đồng	2112	47A-857.33	Đắk Lắk	3712	51E-343.22	Hồ Chí Minh
513	49C-391.99	Lâm Đồng	2113	47A-859.96	Đắk Lắk	3713	51E-345.88	Hồ Chí Minh
514	51E-346.86	Hồ Chí Minh	2114	47A-861.89	Đắk Lắk	3714	51E-345.99	Hồ Chí Minh
515	51E-347.69	Hồ Chí Minh	2115	47A-863.22	Đắk Lắk	3715	51E-352.77	Hồ Chí Minh
516	51E-347.74	Hồ Chí Minh	2116	47C-399.11	Đắk Lắk	3716	60C-758.89	Đồng Nai
517	51E-347.89	Hồ Chí Minh	2117	47C-399.86	Đắk Lắk	3717	60C-760.86	Đồng Nai
518	51E-349.11	Hồ Chí Minh	2118	47D-021.55	Đắk Lắk	3718	60C-781.11	Đồng Nai
519	51E-350.33	Hồ Chí Minh	2119	47D-024.88	Đắk Lắk	3719	60C-790.55	Đồng Nai
520	51E-350.88	Hồ Chí Minh	2120	48A-250.69	Đắk Nông	3720	60C-793.99	Đồng Nai
521	51E-351.35	Hồ Chí Minh	2121	48C-122.39	Đắk Nông	3721	60D-023.68	Đồng Nai
522	60B-080.77	Đồng Nai	2122	49A-757.22	Lâm Đồng	3722	60D-024.79	Đồng Nai
523	60C-767.69	Đồng Nai	2123	49A-763.89	Lâm Đồng	3723	60K-621.11	Đồng Nai
524	60C-768.00	Đồng Nai	2124	49A-780.89	Lâm Đồng	3724	60K-624.86	Đồng Nai
525	60C-768.11	Đồng Nai	2125	49C-383.11	Lâm Đồng	3725	60K-625.25	Đồng Nai
526	60C-772.22	Đồng Nai	2126	49C-384.84	Lâm Đồng	3726	60K-634.66	Đồng Nai
527	60C-775.89	Đồng Nai	2127	49C-394.22	Lâm Đồng	3727	60K-641.14	Đồng Nai
528	60C-777.69	Đồng Nai	2128	49C-394.33	Lâm Đồng	3728	60K-644.89	Đồng Nai
529	60C-778.87	Đồng Nai	2129	49C-399.55	Lâm Đồng	3729	60K-652.33	Đồng Nai
530	60C-780.77	Đồng Nai	2130	51B-713.88	Hồ Chí Minh	3730	60K-657.00	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
531	60C-789.44	Đồng Nai	2131	51B-715.44	Hồ Chí Minh	3731	60K-662.89	Đồng Nai
532	60C-790.97	Đồng Nai	2132	51E-345.11	Hồ Chí Minh	3732	60K-669.11	Đồng Nai
533	60C-793.44	Đồng Nai	2133	51E-346.22	Hồ Chí Minh	3733	60K-673.22	Đồng Nai
534	60C-793.68	Đồng Nai	2134	60C-763.79	Đồng Nai	3734	60K-682.79	Đồng Nai
535	60D-023.11	Đồng Nai	2135	60C-774.77	Đồng Nai	3735	60K-696.00	Đồng Nai
536	60D-025.39	Đồng Nai	2136	60C-777.19	Đồng Nai	3736	60K-701.07	Đồng Nai
537	60K-621.21	Đồng Nai	2137	60C-783.69	Đồng Nai	3737	61B-044.55	Bình Dương
538	60K-636.69	Đồng Nai	2138	60C-786.99	Đồng Nai	3738	61C-611.00	Bình Dương
539	60K-639.44	Đồng Nai	2139	60C-788.78	Đồng Nai	3739	61C-617.68	Bình Dương
540	60K-657.33	Đồng Nai	2140	60D-023.24	Đồng Nai	3740	61C-619.16	Bình Dương
541	60K-664.89	Đồng Nai	2141	60K-619.11	Đồng Nai	3741	61C-635.86	Bình Dương
542	60K-666.13	Đồng Nai	2142	60K-635.53	Đồng Nai	3742	61C-636.68	Bình Dương
543	60K-672.76	Đồng Nai	2143	60K-644.45	Đồng Nai	3743	61D-024.77	Bình Dương
544	60K-676.68	Đồng Nai	2144	60K-650.69	Đồng Nai	3744	61K-521.79	Bình Dương
545	60K-678.87	Đồng Nai	2145	60K-650.89	Đồng Nai	3745	61K-533.88	Bình Dương
546	60K-681.44	Đồng Nai	2146	60K-659.56	Đồng Nai	3746	61K-536.86	Bình Dương
547	60K-682.39	Đồng Nai	2147	60K-660.60	Đồng Nai	3747	61K-546.11	Bình Dương
548	60K-682.89	Đồng Nai	2148	60K-672.39	Đồng Nai	3748	61K-550.69	Bình Dương
549	60K-685.11	Đồng Nai	2149	60K-673.00	Đồng Nai	3749	61K-550.88	Bình Dương
550	60K-690.79	Đồng Nai	2150	60K-681.00	Đồng Nai	3750	61K-554.54	Bình Dương
551	61C-625.44	Bình Dương	2151	60K-684.79	Đồng Nai	3751	61K-568.11	Bình Dương
552	61C-626.55	Bình Dương	2152	60K-689.22	Đồng Nai	3752	61K-579.69	Bình Dương
553	61C-629.39	Bình Dương	2153	60K-690.09	Đồng Nai	3753	61K-581.44	Bình Dương
554	61C-632.86	Bình Dương	2154	61B-046.89	Bình Dương	3754	61K-584.22	Bình Dương
555	61C-634.69	Bình Dương	2155	61C-610.79	Bình Dương	3755	61K-586.33	Bình Dương
556	61C-638.63	Bình Dương	2156	61C-617.61	Bình Dương	3756	61K-591.91	Bình Dương
557	61D-024.39	Bình Dương	2157	61C-618.11	Bình Dương	3757	61K-592.55	Bình Dương
558	61K-520.39	Bình Dương	2158	61C-627.55	Bình Dương	3758	61K-593.55	Bình Dương
559	61K-520.99	Bình Dương	2159	61C-632.99	Bình Dương	3759	62A-470.11	Long An
560	61K-524.66	Bình Dương	2160	61C-643.99	Bình Dương	3760	62A-471.66	Long An
561	61K-529.79	Bình Dương	2161	61D-025.77	Bình Dương	3761	62A-472.86	Long An
562	61K-547.99	Bình Dương	2162	61K-521.69	Bình Dương	3762	62A-475.33	Long An
563	61K-551.79	Bình Dương	2163	61K-524.69	Bình Dương	3763	62A-476.44	Long An
564	61K-558.00	Bình Dương	2164	61K-527.11	Bình Dương	3764	62A-487.88	Long An
565	61K-563.77	Bình Dương	2165	61K-530.44	Bình Dương	3765	62A-490.11	Long An
566	61K-571.86	Bình Dương	2166	61K-530.68	Bình Dương	3766	62A-493.49	Long An
567	61K-590.22	Bình Dương	2167	61K-534.43	Bình Dương	3767	62B-033.11	Long An
568	62A-482.55	Long An	2168	61K-539.55	Bình Dương	3768	62C-221.79	Long An
569	62A-483.79	Long An	2169	61K-547.86	Bình Dương	3769	62D-015.22	Long An
570	62A-490.00	Long An	2170	61K-552.52	Bình Dương	3770	63A-324.69	Tiền Giang
571	62A-493.44	Long An	2171	61K-556.33	Bình Dương	3771	63A-326.44	Tiền Giang

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
572	62B-031.77	Long An	2172	61K-562.11	Bình Dương	3772	63A-334.11	Tiền Giang
573	62C-216.69	Long An	2173	61K-563.39	Bình Dương	3773	63A-334.55	Tiền Giang
574	62C-219.77	Long An	2174	61K-570.00	Bình Dương	3774	63A-336.11	Tiền Giang
575	62C-220.55	Long An	2175	61K-570.22	Bình Dương	3775	63C-228.89	Tiền Giang
576	62C-223.23	Long An	2176	61K-570.75	Bình Dương	3776	63C-237.77	Tiền Giang
577	63A-326.26	Tiền Giang	2177	61K-572.39	Bình Dương	3777	63D-012.13	Tiền Giang
578	63A-327.11	Tiền Giang	2178	61K-572.72	Bình Dương	3778	64A-206.79	Vĩnh Long
579	63A-332.39	Tiền Giang	2179	61K-585.33	Bình Dương	3779	64B-020.11	Vĩnh Long
580	63C-230.99	Tiền Giang	2180	61K-586.39	Bình Dương	3780	64C-136.36	Vĩnh Long
581	63C-240.68	Tiền Giang	2181	61K-587.68	Bình Dương	3781	65A-521.21	Cần Thơ
582	63D-014.39	Tiền Giang	2182	61K-594.69	Bình Dương	3782	65A-524.79	Cần Thơ
583	64A-208.77	Vĩnh Long	2183	62A-476.33	Long An	3783	65B-026.62	Cần Thơ
584	64A-212.86	Vĩnh Long	2184	62A-487.11	Long An	3784	65B-027.39	Cần Thơ
585	64B-017.79	Vĩnh Long	2185	62A-488.22	Long An	3785	65C-262.99	Cần Thơ
586	64C-137.38	Vĩnh Long	2186	62B-031.44	Long An	3786	65C-266.69	Cần Thơ
587	64D-008.69	Vĩnh Long	2187	62C-219.44	Long An	3787	65C-272.72	Cần Thơ
588	65A-520.55	Cần Thơ	2188	62C-223.44	Long An	3788	65C-273.77	Cần Thơ
589	65A-523.66	Cần Thơ	2189	62C-224.99	Long An	3789	65D-011.22	Cần Thơ
590	65A-523.86	Cần Thơ	2190	63A-325.25	Tiền Giang	3790	65D-012.77	Cần Thơ
591	65A-528.79	Cần Thơ	2191	63A-328.69	Tiền Giang	3791	66A-302.86	Đồng Tháp
592	65A-529.11	Cần Thơ	2192	64A-211.33	Vĩnh Long	3792	66A-304.89	Đồng Tháp
593	65A-534.69	Cần Thơ	2193	64A-211.88	Vĩnh Long	3793	66A-307.30	Đồng Tháp
594	65B-025.22	Cần Thơ	2194	64C-136.22	Vĩnh Long	3794	66A-312.66	Đồng Tháp
595	65B-027.79	Cần Thơ	2195	65A-515.77	Cần Thơ	3795	66A-314.33	Đồng Tháp
596	65B-027.86	Cần Thơ	2196	65A-517.39	Cần Thơ	3796	66A-318.00	Đồng Tháp
597	65C-248.79	Cần Thơ	2197	65A-518.22	Cần Thơ	3797	66A-318.22	Đồng Tháp
598	65C-249.88	Cần Thơ	2198	65A-519.33	Cần Thơ	3798	66B-024.25	Đồng Tháp
599	65C-251.86	Cần Thơ	2199	65A-521.66	Cần Thơ	3799	66B-024.68	Đồng Tháp
600	65C-252.69	Cần Thơ	2200	65A-522.00	Cần Thơ	3800	66C-187.86	Đồng Tháp
601	65C-257.86	Cần Thơ	2201	65A-535.00	Cần Thơ	3801	66C-191.11	Đồng Tháp
602	65C-259.11	Cần Thơ	2202	65B-026.99	Cần Thơ	3802	67A-338.79	An Giang
603	65C-266.33	Cần Thơ	2203	65C-249.89	Cần Thơ	3803	67A-341.22	An Giang
604	65C-278.33	Cần Thơ	2204	65C-250.79	Cần Thơ	3804	67B-031.89	An Giang
605	65C-280.11	Cần Thơ	2205	65C-257.88	Cần Thơ	3805	67B-031.99	An Giang
606	65C-280.39	Cần Thơ	2206	65C-265.88	Cần Thơ	3806	67C-190.79	An Giang
607	65D-011.77	Cần Thơ	2207	65C-269.89	Cần Thơ	3807	67C-191.92	An Giang
608	66A-315.22	Đồng Tháp	2208	65C-276.67	Cần Thơ	3808	67D-010.01	An Giang
609	66C-186.44	Đồng Tháp	2209	65D-013.89	Cần Thơ	3809	67D-012.44	An Giang
610	66C-191.68	Đồng Tháp	2210	66A-302.30	Đồng Tháp	3810	68A-369.86	Kiên Giang
611	67A-331.77	An Giang	2211	66A-312.99	Đồng Tháp	3811	68A-376.69	Kiên Giang
612	67A-335.99	An Giang	2212	66A-314.39	Đồng Tháp	3812	68A-378.99	Kiên Giang

Y
Á
H
M
T.P.H

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
613	67A-337.33	An Giang	2213	66A-314.77	Đồng Tháp	3813	68B-034.43	Kiên Giang
614	67A-339.66	An Giang	2214	66B-023.66	Đồng Tháp	3814	68B-035.35	Kiên Giang
615	67A-339.96	An Giang	2215	66D-014.00	Đồng Tháp	3815	68C-178.68	Kiên Giang
616	67A-340.00	An Giang	2216	67A-329.66	An Giang	3816	68C-180.86	Kiên Giang
617	67A-342.68	An Giang	2217	67A-329.96	An Giang	3817	68C-182.00	Kiên Giang
618	67C-197.22	An Giang	2218	67A-330.69	An Giang	3818	68C-182.39	Kiên Giang
619	67D-011.89	An Giang	2219	67A-333.07	An Giang	3819	69A-174.68	Cà Mau
620	68A-365.63	Kiên Giang	2220	67A-340.33	An Giang	3820	69A-175.17	Cà Mau
621	68A-370.99	Kiên Giang	2221	67A-342.42	An Giang	3821	69B-014.69	Cà Mau
622	68A-376.68	Kiên Giang	2222	67A-343.68	An Giang	3822	69C-105.05	Cà Mau
623	68A-376.73	Kiên Giang	2223	67C-195.11	An Giang	3823	69D-006.33	Cà Mau
624	68A-378.89	Kiên Giang	2224	67C-195.79	An Giang	3824	69D-008.55	Cà Mau
625	68B-036.33	Kiên Giang	2225	67C-196.68	An Giang	3825	70A-602.66	Tây Ninh
626	68C-178.69	Kiên Giang	2226	67C-197.68	An Giang	3826	70A-609.09	Tây Ninh
627	68C-183.84	Kiên Giang	2227	68A-365.77	Kiên Giang	3827	70B-036.00	Tây Ninh
628	68D-007.08	Kiên Giang	2228	68A-372.89	Kiên Giang	3828	70C-213.12	Tây Ninh
629	68D-007.69	Kiên Giang	2229	68C-177.68	Kiên Giang	3829	70C-219.12	Tây Ninh
630	68D-009.79	Kiên Giang	2230	68C-182.81	Kiên Giang	3830	71A-212.79	Bến Tre
631	69A-170.11	Cà Mau	2231	68D-010.55	Kiên Giang	3831	71A-214.69	Bến Tre
632	69D-007.11	Cà Mau	2232	69A-170.22	Cà Mau	3832	71A-214.86	Bến Tre
633	70A-590.22	Tây Ninh	2233	69B-014.15	Cà Mau	3833	71A-222.57	Bến Tre
634	70A-593.22	Tây Ninh	2234	69D-006.99	Cà Mau	3834	71B-024.22	Bến Tre
635	70A-595.89	Tây Ninh	2235	70A-597.59	Tây Ninh	3835	71D-008.08	Bến Tre
636	70A-596.22	Tây Ninh	2236	70A-602.89	Tây Ninh	3836	71D-008.33	Bến Tre
637	70A-601.66	Tây Ninh	2237	70A-608.66	Tây Ninh	3837	72A-850.33	Bà Rịa - Vũng Tàu
638	70B-034.55	Tây Ninh	2238	70A-608.99	Tây Ninh	3838	72A-857.69	Bà Rịa - Vũng Tàu
639	71A-222.44	Bến Tre	2239	70A-610.79	Tây Ninh	3839	72A-858.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
640	71A-223.32	Bến Tre	2240	70A-614.14	Tây Ninh	3840	72A-858.85	Bà Rịa - Vũng Tàu
641	71C-134.66	Bến Tre	2241	70D-013.13	Tây Ninh	3841	72A-867.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
642	71D-006.88	Bến Tre	2242	70D-014.68	Tây Ninh	3842	72A-875.00	Bà Rịa - Vũng Tàu
643	72A-848.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	2243	71A-214.33	Bến Tre	3843	72A-877.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
644	72A-860.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	2244	71A-216.88	Bến Tre	3844	72A-879.66	Bà Rịa - Vũng Tàu
645	72A-861.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2245	71A-221.68	Bến Tre	3845	72A-879.87	Bà Rịa - Vũng Tàu
646	72A-862.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	2246	71A-223.86	Bến Tre	3846	72A-882.55	Bà Rịa - Vũng Tàu
647	72A-862.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	2247	72A-844.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	3847	72C-275.39	Bà Rịa - Vũng Tàu
648	72A-876.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	2248	72A-846.64	Bà Rịa - Vũng Tàu	3848	72C-280.08	Bà Rịa - Vũng Tàu
649	72C-274.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	2249	72A-852.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	3849	72C-281.99	Bà Rịa - Vũng Tàu
650	72C-278.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	2250	72A-853.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	3850	72D-014.14	Bà Rịa - Vũng Tàu
651	72C-281.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	2251	72A-855.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	3851	73A-369.39	Quảng Bình
652	72D-013.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	2252	72A-857.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	3852	73A-373.74	Quảng Bình
653	72D-014.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	2253	72A-859.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	3853	73A-379.22	Quảng Bình

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
654	73A-372.33	Quảng Bình	2254	72A-874.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	3854	73A-380.88	Quảng Bình
655	73A-374.69	Quảng Bình	2255	72A-884.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	3855	73A-383.00	Quảng Bình
656	73A-376.11	Quảng Bình	2256	72C-277.78	Bà Rịa - Vũng Tàu	3856	73B-019.00	Quảng Bình
657	73A-376.68	Quảng Bình	2257	72C-278.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	3857	73C-193.88	Quảng Bình
658	73A-378.11	Quảng Bình	2258	72C-278.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	3858	73C-194.95	Quảng Bình
659	73A-378.39	Quảng Bình	2259	72D-015.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	3859	73C-195.96	Quảng Bình
660	73A-379.68	Quảng Bình	2260	73A-371.22	Quảng Bình	3860	73D-008.44	Quảng Bình
661	73A-381.44	Quảng Bình	2261	73A-371.55	Quảng Bình	3861	74A-278.33	Quảng Trị
662	73C-198.19	Quảng Bình	2262	73A-378.44	Quảng Bình	3862	74B-017.17	Quảng Trị
663	73C-198.22	Quảng Bình	2263	73C-194.49	Quảng Bình	3863	74B-017.69	Quảng Trị
664	73D-009.99	Quảng Bình	2264	73D-011.55	Quảng Bình	3864	74B-018.88	Quảng Trị
665	73D-010.79	Quảng Bình	2265	74A-278.11	Quảng Trị	3865	74D-013.66	Quảng Trị
666	74A-279.68	Quảng Trị	2266	74A-279.88	Quảng Trị	3866	74D-013.69	Quảng Trị
667	74A-280.22	Quảng Trị	2267	74A-284.55	Quảng Trị	3867	75A-391.39	Thừa Thiên Huế
668	74A-281.28	Quảng Trị	2268	74A-286.00	Quảng Trị	3868	75A-392.00	Thừa Thiên Huế
669	74B-017.68	Quảng Trị	2269	74A-286.39	Quảng Trị	3869	75A-394.94	Thừa Thiên Huế
670	74B-018.99	Quảng Trị	2270	74B-019.69	Quảng Trị	3870	75B-032.22	Thừa Thiên Huế
671	74C-145.11	Quảng Trị	2271	74C-148.84	Quảng Trị	3871	75C-164.22	Thừa Thiên Huế
672	74C-147.47	Quảng Trị	2272	74D-013.11	Quảng Trị	3872	75D-010.99	Thừa Thiên Huế
673	75A-389.79	Thừa Thiên Huế	2273	75A-390.33	Thừa Thiên Huế	3873	75D-011.55	Thừa Thiên Huế
674	75A-393.94	Thừa Thiên Huế	2274	75A-390.91	Thừa Thiên Huế	3874	76A-324.66	Quảng Ngãi
675	75A-400.04	Thừa Thiên Huế	2275	75A-401.02	Thừa Thiên Huế	3875	76A-335.89	Quảng Ngãi
676	75A-401.44	Thừa Thiên Huế	2276	75A-402.40	Thừa Thiên Huế	3876	76B-027.39	Quảng Ngãi
677	75A-401.68	Thừa Thiên Huế	2277	75B-029.99	Thừa Thiên Huế	3877	77A-362.77	Bình Định
678	75B-030.33	Thừa Thiên Huế	2278	75C-157.44	Thừa Thiên Huế	3878	77A-364.86	Bình Định
679	75B-032.66	Thừa Thiên Huế	2279	75C-159.59	Thừa Thiên Huế	3879	77A-367.79	Bình Định
680	75C-160.86	Thừa Thiên Huế	2280	75D-010.86	Thừa Thiên Huế	3880	77C-263.86	Bình Định
681	75D-010.01	Thừa Thiên Huế	2281	76A-329.44	Quảng Ngãi	3881	77D-010.10	Bình Định
682	75D-012.55	Thừa Thiên Huế	2282	76A-333.18	Quảng Ngãi	3882	78A-217.55	Phú Yên
683	76A-332.69	Quảng Ngãi	2283	76A-333.22	Quảng Ngãi	3883	78A-224.33	Phú Yên
684	76B-030.69	Quảng Ngãi	2284	76A-333.78	Quảng Ngãi	3884	78A-224.39	Phú Yên
685	76C-177.71	Quảng Ngãi	2285	76D-013.11	Quảng Ngãi	3885	78B-019.55	Phú Yên
686	76C-181.22	Quảng Ngãi	2286	76D-014.68	Quảng Ngãi	3886	78B-019.95	Phú Yên
687	77A-358.66	Bình Định	2287	77A-369.77	Bình Định	3887	78B-021.12	Phú Yên
688	77A-360.66	Bình Định	2288	77A-371.71	Bình Định	3888	78D-006.68	Phú Yên
689	77A-364.88	Bình Định	2289	77C-267.22	Bình Định	3889	79A-579.11	Khánh Hòa
690	77A-370.73	Bình Định	2290	77D-007.39	Bình Định	3890	79A-590.77	Khánh Hòa
691	77C-262.68	Bình Định	2291	78A-216.21	Phú Yên	3891	79B-045.86	Khánh Hòa
692	77C-266.77	Bình Định	2292	78A-226.44	Phú Yên	3892	79C-230.03	Khánh Hòa
693	77C-267.69	Bình Định	2293	78D-008.33	Phú Yên	3893	79C-232.77	Khánh Hòa
694	77D-007.00	Bình Định	2294	79A-586.11	Khánh Hòa	3894	81A-458.69	Gia Lai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
695	78A-216.69	Phú Yên	2295	79A-589.79	Khánh Hòa	3895	81A-471.71	Gia Lai
696	78A-225.88	Phú Yên	2296	79A-589.85	Khánh Hòa	3896	81A-478.74	Gia Lai
697	78B-020.39	Phú Yên	2297	79B-044.45	Khánh Hòa	3897	81A-479.74	Gia Lai
698	78C-127.22	Phú Yên	2298	79C-229.33	Khánh Hòa	3898	81C-286.39	Gia Lai
699	78D-006.66	Phú Yên	2299	79C-232.66	Khánh Hòa	3899	81D-014.88	Gia Lai
700	78D-007.33	Phú Yên	2300	79D-011.22	Khánh Hòa	3900	82A-161.33	Kon Tum
701	78D-008.09	Phú Yên	2301	79D-012.69	Khánh Hòa	3901	82A-164.16	Kon Tum
702	79A-571.77	Khánh Hòa	2302	81A-458.79	Gia Lai	3902	82A-164.64	Kon Tum
703	79A-574.55	Khánh Hòa	2303	81A-465.33	Gia Lai	3903	82A-164.89	Kon Tum
704	79A-578.78	Khánh Hòa	2304	81A-471.22	Gia Lai	3904	82B-020.44	Kon Tum
705	79A-594.69	Khánh Hòa	2305	81B-031.30	Gia Lai	3905	82D-010.99	Kon Tum
706	79B-044.88	Khánh Hòa	2306	81C-287.22	Gia Lai	3906	83A-193.94	Sóc Trăng
707	79B-047.00	Khánh Hòa	2307	81C-288.11	Gia Lai	3907	83A-195.33	Sóc Trăng
708	79C-228.11	Khánh Hòa	2308	81C-289.44	Gia Lai	3908	83C-134.39	Sóc Trăng
709	79C-230.55	Khánh Hòa	2309	81C-294.55	Gia Lai	3909	83C-135.39	Sóc Trăng
710	79C-234.33	Khánh Hòa	2310	81C-295.79	Gia Lai	3910	83C-137.13	Sóc Trăng
711	79D-013.69	Khánh Hòa	2311	81D-014.77	Gia Lai	3911	83D-008.39	Sóc Trăng
712	81A-462.00	Gia Lai	2312	82A-161.44	Kon Tum	3912	84A-149.96	Trà Vinh
713	81A-469.44	Gia Lai	2313	82A-163.39	Kon Tum	3913	84A-150.00	Trà Vinh
714	81A-477.89	Gia Lai	2314	82A-163.69	Kon Tum	3914	84B-020.86	Trà Vinh
715	81C-286.82	Gia Lai	2315	82D-011.89	Kon Tum	3915	84C-127.00	Trà Vinh
716	81C-291.86	Gia Lai	2316	82D-012.22	Kon Tum	3916	84D-008.55	Trà Vinh
717	81C-292.00	Gia Lai	2317	83A-196.77	Sóc Trăng	3917	85A-152.68	Ninh Thuận
718	81C-293.29	Gia Lai	2318	83B-026.26	Sóc Trăng	3918	85B-015.11	Ninh Thuận
719	81C-295.66	Gia Lai	2319	84B-022.86	Trà Vinh	3919	85B-017.89	Ninh Thuận
720	81C-298.11	Gia Lai	2320	84C-125.39	Trà Vinh	3920	85C-088.00	Ninh Thuận
721	82B-023.00	Kon Tum	2321	84C-126.33	Trà Vinh	3921	85D-008.55	Ninh Thuận
722	82C-095.55	Kon Tum	2322	85B-014.99	Ninh Thuận	3922	86A-321.32	Bình Thuận
723	83A-193.91	Sóc Trăng	2323	85C-085.44	Ninh Thuận	3923	86A-322.00	Bình Thuận
724	83A-195.44	Sóc Trăng	2324	85C-090.44	Ninh Thuận	3924	86B-027.72	Bình Thuận
725	83A-196.19	Sóc Trăng	2325	85D-009.68	Ninh Thuận	3925	86C-209.11	Bình Thuận
726	83C-133.68	Sóc Trăng	2326	86A-328.28	Bình Thuận	3926	86C-215.15	Bình Thuận
727	83C-137.11	Sóc Trăng	2327	86B-024.68	Bình Thuận	3927	86D-007.89	Bình Thuận
728	83D-008.77	Sóc Trăng	2328	86B-027.11	Bình Thuận	3928	88A-792.11	Vĩnh Phúc
729	83D-009.33	Sóc Trăng	2329	86B-028.33	Bình Thuận	3929	88A-792.55	Vĩnh Phúc
730	83D-009.86	Sóc Trăng	2330	86C-211.66	Bình Thuận	3930	88A-802.39	Vĩnh Phúc
731	84D-005.99	Trà Vinh	2331	88A-789.66	Vĩnh Phúc	3931	88A-802.55	Vĩnh Phúc
732	85C-086.08	Ninh Thuận	2332	88A-792.93	Vĩnh Phúc	3932	88A-807.99	Vĩnh Phúc
733	85C-086.33	Ninh Thuận	2333	88A-793.33	Vĩnh Phúc	3933	88A-813.81	Vĩnh Phúc
734	85C-087.08	Ninh Thuận	2334	88A-809.44	Vĩnh Phúc	3934	88A-823.39	Vĩnh Phúc
735	85C-087.77	Ninh Thuận	2335	88A-811.89	Vĩnh Phúc	3935	88A-830.03	Vĩnh Phúc

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
736	85D-008.66	Ninh Thuận	2336	88A-814.88	Vĩnh Phúc	3936	88B-022.44	Vĩnh Phúc
737	86A-320.22	Bình Thuận	2337	88A-819.66	Vĩnh Phúc	3937	88B-025.00	Vĩnh Phúc
738	86A-326.00	Bình Thuận	2338	88A-824.89	Vĩnh Phúc	3938	88C-310.89	Vĩnh Phúc
739	86A-333.08	Bình Thuận	2339	88A-827.00	Vĩnh Phúc	3939	88C-311.69	Vĩnh Phúc
740	86B-027.68	Bình Thuận	2340	88A-828.99	Vĩnh Phúc	3940	88C-314.79	Vĩnh Phúc
741	86C-213.69	Bình Thuận	2341	88A-829.69	Vĩnh Phúc	3941	88C-318.00	Vĩnh Phúc
742	88A-792.39	Vĩnh Phúc	2342	88B-022.20	Vĩnh Phúc	3942	88C-323.44	Vĩnh Phúc
743	88A-798.79	Vĩnh Phúc	2343	88C-315.68	Vĩnh Phúc	3943	88C-323.55	Vĩnh Phúc
744	88A-805.33	Vĩnh Phúc	2344	88C-319.44	Vĩnh Phúc	3944	88C-326.23	Vĩnh Phúc
745	88A-809.90	Vĩnh Phúc	2345	88C-320.00	Vĩnh Phúc	3945	89A-536.99	Hưng Yên
746	88A-816.81	Vĩnh Phúc	2346	88C-322.33	Vĩnh Phúc	3946	89A-537.33	Hưng Yên
747	88A-828.22	Vĩnh Phúc	2347	89A-533.66	Hưng Yên	3947	89A-537.37	Hưng Yên
748	88C-309.99	Vĩnh Phúc	2348	89A-535.35	Hưng Yên	3948	89A-543.77	Hưng Yên
749	88C-312.11	Vĩnh Phúc	2349	89A-544.68	Hưng Yên	3949	89A-545.69	Hưng Yên
750	88D-024.88	Vĩnh Phúc	2350	89A-545.33	Hưng Yên	3950	89A-549.77	Hưng Yên
751	89A-534.55	Hưng Yên	2351	89A-567.69	Hưng Yên	3951	89A-554.33	Hưng Yên
752	89A-538.86	Hưng Yên	2352	89B-025.86	Hưng Yên	3952	89A-567.56	Hưng Yên
753	89A-539.00	Hưng Yên	2353	89B-027.66	Hưng Yên	3953	89B-026.69	Hưng Yên
754	89A-541.14	Hưng Yên	2354	89B-028.79	Hưng Yên	3954	89C-353.69	Hưng Yên
755	89A-543.43	Hưng Yên	2355	89C-345.45	Hưng Yên	3955	89C-357.00	Hưng Yên
756	89A-549.11	Hưng Yên	2356	89C-349.11	Hưng Yên	3956	89D-024.86	Hưng Yên
757	89A-551.88	Hưng Yên	2357	89C-349.96	Hưng Yên	3957	89D-026.88	Hưng Yên
758	89A-566.44	Hưng Yên	2358	89C-350.77	Hưng Yên	3958	90A-291.66	Hà Nam
759	89C-346.47	Hưng Yên	2359	89C-354.33	Hưng Yên	3959	90A-295.68	Hà Nam
760	89C-350.99	Hưng Yên	2360	90A-289.22	Hà Nam	3960	90A-296.68	Hà Nam
761	89C-354.22	Hưng Yên	2361	90A-297.55	Hà Nam	3961	90B-014.10	Hà Nam
762	89C-356.79	Hưng Yên	2362	90C-159.15	Hà Nam	3962	90B-014.33	Hà Nam
763	89C-360.33	Hưng Yên	2363	90D-012.86	Hà Nam	3963	90B-015.11	Hà Nam
764	89C-360.55	Hưng Yên	2364	90D-013.69	Hà Nam	3964	90C-156.68	Hà Nam
765	89D-024.77	Hưng Yên	2365	92A-434.77	Quảng Nam	3965	92A-434.66	Quảng Nam
766	90A-297.11	Hà Nam	2366	92A-437.77	Quảng Nam	3966	92A-435.77	Quảng Nam
767	90A-302.02	Hà Nam	2367	92C-263.22	Quảng Nam	3967	92A-437.38	Quảng Nam
768	90B-013.33	Hà Nam	2368	92C-265.77	Quảng Nam	3968	92A-440.33	Quảng Nam
769	92A-441.33	Quảng Nam	2369	92D-015.51	Quảng Nam	3969	92A-440.68	Quảng Nam
770	92A-442.86	Quảng Nam	2370	93A-505.79	Bình Phước	3970	92A-444.12	Quảng Nam
771	92A-444.88	Quảng Nam	2371	93A-512.22	Bình Phước	3971	92A-448.00	Quảng Nam
772	92A-447.33	Quảng Nam	2372	93A-514.77	Bình Phước	3972	92B-040.22	Quảng Nam
773	92A-448.99	Quảng Nam	2373	93A-516.33	Bình Phước	3973	92C-265.39	Quảng Nam
774	92B-038.79	Quảng Nam	2374	93A-519.19	Bình Phước	3974	93A-517.55	Bình Phước
775	92B-040.44	Quảng Nam	2375	93B-021.68	Bình Phước	3975	93A-518.19	Bình Phước
776	92C-258.25	Quảng Nam	2376	93B-025.02	Bình Phước	3976	93A-519.95	Bình Phước

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
777	92C-259.11	Quảng Nam	2377	93C-200.55	Bình Phước	3977	93A-520.44	Bình Phước
778	92C-260.66	Quảng Nam	2378	93C-201.44	Bình Phước	3978	93A-521.00	Bình Phước
779	92C-263.55	Quảng Nam	2379	93C-202.86	Bình Phước	3979	93B-024.24	Bình Phước
780	92C-264.55	Quảng Nam	2380	93C-205.44	Bình Phước	3980	93B-025.39	Bình Phước
781	92C-265.33	Quảng Nam	2381	93D-008.89	Bình Phước	3981	93C-201.86	Bình Phước
782	92D-013.14	Quảng Nam	2382	94A-112.00	Bạc Liêu	3982	93C-206.77	Bình Phước
783	92D-014.69	Quảng Nam	2383	94B-016.99	Bạc Liêu	3983	93D-011.01	Bình Phước
784	93A-513.33	Bình Phước	2384	95A-136.55	Hậu Giang	3984	94A-111.29	Bạc Liêu
785	93A-514.99	Bình Phước	2385	95A-141.44	Hậu Giang	3985	94A-111.47	Bạc Liêu
786	93A-519.66	Bình Phước	2386	95A-143.11	Hậu Giang	3986	94B-015.15	Bạc Liêu
787	93B-023.00	Bình Phước	2387	95C-090.69	Hậu Giang	3987	94B-015.22	Bạc Liêu
788	93C-203.89	Bình Phước	2388	97A-100.44	Bắc Kạn	3988	94C-084.77	Bạc Liêu
789	93D-010.68	Bình Phước	2389	97D-008.68	Bắc Kạn	3989	95B-018.11	Hậu Giang
790	94A-109.90	Bạc Liêu	2390	98A-859.95	Bắc Giang	3990	95C-093.55	Hậu Giang
791	94B-017.22	Bạc Liêu	2391	98A-865.39	Bắc Giang	3991	95D-025.20	Hậu Giang
792	94D-007.33	Bạc Liêu	2392	98A-870.86	Bắc Giang	3992	97A-100.69	Bắc Kạn
793	95A-137.68	Hậu Giang	2393	98A-874.66	Bắc Giang	3993	97B-016.77	Bắc Kạn
794	97A-097.90	Bắc Kạn	2394	98A-877.66	Bắc Giang	3994	97C-050.88	Bắc Kạn
795	97A-098.11	Bắc Kạn	2395	98A-878.86	Bắc Giang	3995	98A-860.68	Bắc Giang
796	98A-858.66	Bắc Giang	2396	98A-890.90	Bắc Giang	3996	98A-873.44	Bắc Giang
797	98A-862.86	Bắc Giang	2397	98A-891.99	Bắc Giang	3997	98A-878.89	Bắc Giang
798	98A-869.55	Bắc Giang	2398	98A-894.66	Bắc Giang	3998	98A-880.44	Bắc Giang
799	98A-869.77	Bắc Giang	2399	98A-895.39	Bắc Giang	3999	98A-883.66	Bắc Giang
800	98A-899.68	Bắc Giang	2400	98A-905.68	Bắc Giang	4000	98A-884.99	Bắc Giang
801	98A-901.44	Bắc Giang	2401	98A-907.66	Bắc Giang	4001	98A-889.11	Bắc Giang
802	98A-906.77	Bắc Giang	2402	98A-909.77	Bắc Giang	4002	98A-891.00	Bắc Giang
803	98B-044.66	Bắc Giang	2403	98C-379.33	Bắc Giang	4003	98A-899.39	Bắc Giang
804	98B-047.33	Bắc Giang	2404	98C-387.38	Bắc Giang	4004	98B-046.40	Bắc Giang
805	98C-380.89	Bắc Giang	2405	98C-394.68	Bắc Giang	4005	98C-381.82	Bắc Giang
806	98D-020.77	Bắc Giang	2406	98C-394.69	Bắc Giang	4006	98C-391.88	Bắc Giang
807	99A-853.77	Bắc Ninh	2407	98D-023.79	Bắc Giang	4007	98C-394.44	Bắc Giang
808	99A-877.22	Bắc Ninh	2408	99A-851.52	Bắc Ninh	4008	98C-394.88	Bắc Giang
809	99A-883.22	Bắc Ninh	2409	99A-851.85	Bắc Ninh	4009	98C-397.68	Bắc Giang
810	99A-883.33	Bắc Ninh	2410	99A-857.68	Bắc Ninh	4010	99A-862.55	Bắc Ninh
811	99A-890.68	Bắc Ninh	2411	99A-860.77	Bắc Ninh	4011	99A-865.77	Bắc Ninh
812	99A-891.55	Bắc Ninh	2412	99A-874.89	Bắc Ninh	4012	99A-872.77	Bắc Ninh
813	99A-896.55	Bắc Ninh	2413	99A-881.77	Bắc Ninh	4013	99A-891.86	Bắc Ninh
814	99B-032.69	Bắc Ninh	2414	99A-887.69	Bắc Ninh	4014	99A-895.86	Bắc Ninh
815	99C-331.00	Bắc Ninh	2415	99A-888.06	Bắc Ninh	4015	99A-895.89	Bắc Ninh
816	99C-332.33	Bắc Ninh	2416	99A-895.69	Bắc Ninh	4016	99B-032.00	Bắc Ninh
817	99C-333.44	Bắc Ninh	2417	99C-332.32	Bắc Ninh	4017	99B-033.79	Bắc Ninh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
818	99C-336.22	Bắc Ninh	2418	99C-333.15	Bắc Ninh	4018	99C-330.44	Bắc Ninh
819	99C-343.39	Bắc Ninh	2419	99C-334.86	Bắc Ninh	4019	99C-331.89	Bắc Ninh
820	99C-346.68	Bắc Ninh	2420	99C-346.34	Bắc Ninh	4020	99C-337.79	Bắc Ninh
821	99C-347.22	Bắc Ninh	2421	99C-346.89	Bắc Ninh	4021	99C-346.79	Bắc Ninh
822	11A-136.38	Cao Bằng	2422	11A-140.36	Cao Bằng	4022	11B-015.25	Cao Bằng
823	11A-138.26	Cao Bằng	2423	11C-087.26	Cao Bằng	4023	11C-090.96	Cao Bằng
824	11A-140.26	Cao Bằng	2424	11C-089.06	Cao Bằng	4024	11D-010.15	Cao Bằng
825	11A-140.58	Cao Bằng	2425	11C-089.29	Cao Bằng	4025	11D-012.26	Cao Bằng
826	11B-014.06	Cao Bằng	2426	11D-010.85	Cao Bằng	4026	12A-270.38	Lạng Sơn
827	11B-014.08	Cao Bằng	2427	12A-265.28	Lạng Sơn	4027	12A-270.85	Lạng Sơn
828	11B-014.98	Cao Bằng	2428	12B-017.63	Lạng Sơn	4028	12D-008.59	Lạng Sơn
829	11D-009.65	Cao Bằng	2429	12C-142.56	Lạng Sơn	4029	14A-992.09	Quảng Ninh
830	11D-010.09	Cao Bằng	2430	12D-010.06	Lạng Sơn	4030	14A-997.35	Quảng Ninh
831	11D-012.25	Cao Bằng	2431	12D-011.08	Lạng Sơn	4031	14B-055.38	Quảng Ninh
832	12A-268.38	Lạng Sơn	2432	14A-991.06	Quảng Ninh	4032	14C-452.65	Quảng Ninh
833	12B-016.29	Lạng Sơn	2433	14A-991.85	Quảng Ninh	4033	14C-453.09	Quảng Ninh
834	12C-141.26	Lạng Sơn	2434	14A-992.36	Quảng Ninh	4034	14C-462.83	Quảng Ninh
835	12D-009.25	Lạng Sơn	2435	14A-992.63	Quảng Ninh	4035	14C-464.38	Quảng Ninh
836	14A-995.83	Quảng Ninh	2436	14A-993.16	Quảng Ninh	4036	14C-467.63	Quảng Ninh
837	14B-055.58	Quảng Ninh	2437	14A-997.58	Quảng Ninh	4037	14C-469.28	Quảng Ninh
838	14C-453.26	Quảng Ninh	2438	14B-054.16	Quảng Ninh	4038	14C-470.83	Quảng Ninh
839	14C-466.08	Quảng Ninh	2439	14B-054.18	Quảng Ninh	4039	14C-471.06	Quảng Ninh
840	14C-467.28	Quảng Ninh	2440	14C-449.63	Quảng Ninh	4040	14D-029.28	Quảng Ninh
841	14C-471.63	Quảng Ninh	2441	14C-468.26	Quảng Ninh	4041	14K-003.98	Quảng Ninh
842	14D-032.85	Quảng Ninh	2442	14D-030.83	Quảng Ninh	4042	14K-028.96	Quảng Ninh
843	14K-007.95	Quảng Ninh	2443	14K-002.96	Quảng Ninh	4043	14K-037.83	Quảng Ninh
844	14K-008.63	Quảng Ninh	2444	14K-004.15	Quảng Ninh	4044	14K-038.06	Quảng Ninh
845	14K-020.19	Quảng Ninh	2445	14K-011.58	Quảng Ninh	4045	14K-039.59	Quảng Ninh
846	14K-024.08	Quảng Ninh	2446	14K-014.09	Quảng Ninh	4046	14K-042.29	Quảng Ninh
847	14K-028.36	Quảng Ninh	2447	14K-027.96	Quảng Ninh	4047	14K-048.85	Quảng Ninh
848	14K-029.85	Quảng Ninh	2448	14K-038.29	Quảng Ninh	4048	15B-055.65	Hải Phòng
849	14K-030.19	Quảng Ninh	2449	14K-044.28	Quảng Ninh	4049	15B-058.65	Hải Phòng
850	14K-033.25	Quảng Ninh	2450	14K-046.58	Quảng Ninh	4050	15C-483.09	Hải Phòng
851	15B-056.96	Hải Phòng	2451	15C-481.28	Hải Phòng	4051	15C-488.29	Hải Phòng
852	15C-485.56	Hải Phòng	2452	15C-484.96	Hải Phòng	4052	15C-489.56	Hải Phòng
853	15D-054.85	Hải Phòng	2453	15C-490.16	Hải Phòng	4053	15C-497.85	Hải Phòng
854	15K-425.56	Hải Phòng	2454	15C-490.29	Hải Phòng	4054	15D-053.59	Hải Phòng
855	15K-427.15	Hải Phòng	2455	15C-490.83	Hải Phòng	4055	15D-055.59	Hải Phòng
856	15K-437.25	Hải Phòng	2456	15D-052.98	Hải Phòng	4056	15K-430.09	Hải Phòng
857	15K-439.09	Hải Phòng	2457	15K-429.59	Hải Phòng	4057	15K-437.19	Hải Phòng
858	15K-441.58	Hải Phòng	2458	15K-431.18	Hải Phòng	4058	15K-450.98	Hải Phòng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
859	15K-445.06	Hải Phòng	2459	15K-432.58	Hải Phòng	4059	15K-455.83	Hải Phòng
860	15K-446.36	Hải Phòng	2460	15K-433.56	Hải Phòng	4060	15K-455.95	Hải Phòng
861	15K-449.08	Hải Phòng	2461	15K-455.38	Hải Phòng	4061	15K-474.15	Hải Phòng
862	15K-453.26	Hải Phòng	2462	15K-456.28	Hải Phòng	4062	15K-475.35	Hải Phòng
863	15K-459.15	Hải Phòng	2463	15K-457.26	Hải Phòng	4063	15K-505.28	Hải Phòng
864	15K-459.98	Hải Phòng	2464	15K-472.25	Hải Phòng	4064	15K-512.09	Hải Phòng
865	15K-461.19	Hải Phòng	2465	15K-482.26	Hải Phòng	4065	15K-513.09	Hải Phòng
866	15K-461.63	Hải Phòng	2466	15K-491.16	Hải Phòng	4066	17A-498.25	Thái Bình
867	15K-471.16	Hải Phòng	2467	15K-491.56	Hải Phòng	4067	17B-031.18	Thái Bình
868	15K-474.96	Hải Phòng	2468	15K-493.26	Hải Phòng	4068	17B-031.35	Thái Bình
869	15K-475.15	Hải Phòng	2469	15K-502.25	Hải Phòng	4069	17B-031.59	Thái Bình
870	15K-476.06	Hải Phòng	2470	15K-507.29	Hải Phòng	4070	17C-217.09	Thái Bình
871	15K-477.63	Hải Phòng	2471	17A-492.83	Thái Bình	4071	17C-218.25	Thái Bình
872	15K-478.35	Hải Phòng	2472	17A-498.58	Thái Bình	4072	17C-223.58	Thái Bình
873	15K-496.85	Hải Phòng	2473	17A-503.15	Thái Bình	4073	17D-013.15	Thái Bình
874	15K-498.15	Hải Phòng	2474	17A-510.18	Thái Bình	4074	18A-494.85	Nam Định
875	15K-500.96	Hải Phòng	2475	17A-512.08	Thái Bình	4075	18A-499.85	Nam Định
876	15K-506.59	Hải Phòng	2476	17B-031.06	Thái Bình	4076	18A-502.26	Nam Định
877	15K-510.19	Hải Phòng	2477	17B-032.18	Thái Bình	4077	18A-506.36	Nam Định
878	15K-510.96	Hải Phòng	2478	17C-215.96	Thái Bình	4078	18A-511.85	Nam Định
879	17A-499.29	Thái Bình	2479	17C-217.65	Thái Bình	4079	18C-175.19	Nam Định
880	17A-501.08	Thái Bình	2480	17C-220.29	Thái Bình	4080	18C-175.95	Nam Định
881	17C-218.85	Thái Bình	2481	17C-223.06	Thái Bình	4081	18C-176.15	Nam Định
882	18A-496.85	Nam Định	2482	18A-491.18	Nam Định	4082	18C-180.28	Nam Định
883	18A-497.06	Nam Định	2483	18A-495.19	Nam Định	4083	19A-723.26	Phú Thọ
884	18A-498.35	Nam Định	2484	18A-498.83	Nam Định	4084	19A-725.08	Phú Thọ
885	18A-505.63	Nam Định	2485	18B-033.06	Nam Định	4085	19A-729.36	Phú Thọ
886	18A-509.35	Nam Định	2486	18C-176.38	Nam Định	4086	19A-731.56	Phú Thọ
887	18B-031.85	Nam Định	2487	18C-177.16	Nam Định	4087	19A-732.29	Phú Thọ
888	18C-176.35	Nam Định	2488	18D-016.85	Nam Định	4088	19A-733.83	Phú Thọ
889	18C-177.29	Nam Định	2489	19A-715.63	Phú Thọ	4089	19A-735.98	Phú Thọ
890	19A-716.15	Phú Thọ	2490	19A-723.59	Phú Thọ	4090	19A-740.19	Phú Thọ
891	19A-716.96	Phú Thọ	2491	19A-727.96	Phú Thọ	4091	19A-740.95	Phú Thọ
892	19A-717.96	Phú Thọ	2492	19A-730.38	Phú Thọ	4092	19A-749.98	Phú Thọ
893	19A-719.59	Phú Thọ	2493	19A-733.63	Phú Thọ	4093	19A-752.09	Phú Thọ
894	19A-725.06	Phú Thọ	2494	19A-736.83	Phú Thọ	4094	19A-755.28	Phú Thọ
895	19A-730.08	Phú Thọ	2495	19A-740.15	Phú Thọ	4095	19A-757.59	Phú Thọ
896	19A-735.56	Phú Thọ	2496	19A-747.09	Phú Thọ	4096	19B-028.25	Phú Thọ
897	19A-743.16	Phú Thọ	2497	19A-751.19	Phú Thọ	4097	19C-264.38	Phú Thọ
898	19A-745.83	Phú Thọ	2498	19A-751.35	Phú Thọ	4098	19C-265.98	Phú Thọ
899	19A-747.15	Phú Thọ	2499	19A-753.36	Phú Thọ	4099	19D-022.09	Phú Thọ

41
 NG T
 U GI
 DAN
 T NA
 UAN

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
900	19A-757.65	Phú Thọ	2500	19C-267.95	Phú Thọ	4100	20A-863.35	Thái Nguyên
901	19B-030.18	Phú Thọ	2501	19C-271.65	Phú Thọ	4101	20A-864.98	Thái Nguyên
902	19C-269.19	Phú Thọ	2502	19C-279.28	Phú Thọ	4102	20A-865.38	Thái Nguyên
903	19C-269.63	Phú Thọ	2503	19C-279.65	Phú Thọ	4103	20A-886.58	Thái Nguyên
904	19C-276.26	Phú Thọ	2504	19C-280.29	Phú Thọ	4104	20A-891.85	Thái Nguyên
905	19C-277.85	Phú Thọ	2505	20A-863.19	Thái Nguyên	4105	20A-898.35	Thái Nguyên
906	19D-019.83	Phú Thọ	2506	20A-864.16	Thái Nguyên	4106	20A-906.35	Thái Nguyên
907	19D-022.38	Phú Thọ	2507	20A-865.25	Thái Nguyên	4107	20C-309.65	Thái Nguyên
908	20A-863.96	Thái Nguyên	2508	20A-865.98	Thái Nguyên	4108	20C-310.09	Thái Nguyên
909	20A-864.56	Thái Nguyên	2509	20A-867.16	Thái Nguyên	4109	20C-318.36	Thái Nguyên
910	20A-869.06	Thái Nguyên	2510	20A-876.58	Thái Nguyên	4110	20C-323.29	Thái Nguyên
911	20A-873.36	Thái Nguyên	2511	20A-878.16	Thái Nguyên	4111	20D-035.56	Thái Nguyên
912	20A-874.09	Thái Nguyên	2512	20A-884.18	Thái Nguyên	4112	22A-274.85	Tuyên Quang
913	20A-891.65	Thái Nguyên	2513	20A-884.19	Thái Nguyên	4113	22A-276.29	Tuyên Quang
914	20A-896.08	Thái Nguyên	2514	20A-885.26	Thái Nguyên	4114	22A-278.18	Tuyên Quang
915	20A-904.63	Thái Nguyên	2515	20A-891.36	Thái Nguyên	4115	22A-281.16	Tuyên Quang
916	20A-905.28	Thái Nguyên	2516	20A-892.65	Thái Nguyên	4116	22B-016.38	Tuyên Quang
917	20B-037.35	Thái Nguyên	2517	20A-898.15	Thái Nguyên	4117	22C-113.26	Tuyên Quang
918	20C-310.06	Thái Nguyên	2518	20A-900.15	Thái Nguyên	4118	22C-116.65	Tuyên Quang
919	20C-317.85	Thái Nguyên	2519	20C-312.09	Thái Nguyên	4119	22C-118.58	Tuyên Quang
920	20C-322.18	Thái Nguyên	2520	20C-314.83	Thái Nguyên	4120	23A-164.09	Hà Giang
921	21A-227.56	Yên Bái	2521	20C-318.58	Thái Nguyên	4121	23B-011.95	Hà Giang
922	21B-013.26	Yên Bái	2522	20D-034.25	Thái Nguyên	4122	23D-007.98	Hà Giang
923	21B-013.65	Yên Bái	2523	21B-016.85	Yên Bái	4123	24B-020.56	Lào Cai
924	21C-113.29	Yên Bái	2524	21D-009.38	Yên Bái	4124	24B-021.19	Lào Cai
925	21C-113.63	Yên Bái	2525	22A-270.63	Tuyên Quang	4125	24D-010.36	Lào Cai
926	21D-010.56	Yên Bái	2526	22A-276.95	Tuyên Quang	4126	25A-085.38	Lai Châu
927	22A-272.25	Tuyên Quang	2527	22A-277.59	Tuyên Quang	4127	26A-241.08	Sơn La
928	22A-276.26	Tuyên Quang	2528	22A-277.83	Tuyên Quang	4128	26A-246.25	Sơn La
929	22A-280.98	Tuyên Quang	2529	22A-280.35	Tuyên Quang	4129	26A-246.56	Sơn La
930	22B-017.63	Tuyên Quang	2530	22A-283.18	Tuyên Quang	4130	26C-164.06	Sơn La
931	22D-010.95	Tuyên Quang	2531	22B-018.63	Tuyên Quang	4131	27B-017.15	Điện Biên
932	22D-010.96	Tuyên Quang	2532	22C-112.83	Tuyên Quang	4132	27C-074.29	Điện Biên
933	23A-164.85	Hà Giang	2533	22D-012.58	Tuyên Quang	4133	27C-078.06	Điện Biên
934	23D-009.28	Hà Giang	2534	23A-167.38	Hà Giang	4134	28A-267.58	Hòa Bình
935	23D-009.65	Hà Giang	2535	23A-168.85	Hà Giang	4135	28B-019.25	Hòa Bình
936	24A-319.56	Lào Cai	2536	23A-169.95	Hà Giang	4136	28C-122.83	Hòa Bình
937	24A-321.08	Lào Cai	2537	23C-092.19	Hà Giang	4137	28C-126.35	Hòa Bình
938	24A-325.36	Lào Cai	2538	23C-092.96	Hà Giang	4138	29D-630.96	Hà Nội
939	24A-326.06	Lào Cai	2539	23C-093.56	Hà Giang	4139	29D-631.85	Hà Nội
940	24B-021.08	Lào Cai	2540	23D-009.35	Hà Giang	4140	29D-631.96	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
941	24C-167.19	Lào Cai	2541	24A-322.96	Lào Cai	4141	29D-636.56	Hà Nội
942	24D-011.58	Lào Cai	2542	24A-323.09	Lào Cai	4142	29K-337.63	Hà Nội
943	25B-008.18	Lai Châu	2543	24B-019.29	Lào Cai	4143	29K-342.95	Hà Nội
944	26A-240.29	Sơn La	2544	24D-012.58	Lào Cai	4144	29K-344.09	Hà Nội
945	26B-019.09	Sơn La	2545	25C-062.85	Lai Châu	4145	29K-346.36	Hà Nội
946	26D-014.59	Sơn La	2546	25D-008.59	Lai Châu	4146	29K-349.29	Hà Nội
947	27A-130.16	Điện Biên	2547	25D-010.28	Lai Châu	4147	29K-350.29	Hà Nội
948	27A-134.16	Điện Biên	2548	26A-239.95	Sơn La	4148	29K-354.16	Hà Nội
949	27A-135.16	Điện Biên	2549	26A-243.36	Sơn La	4149	29K-357.18	Hà Nội
950	27A-135.38	Điện Biên	2550	26B-019.16	Sơn La	4150	29K-365.15	Hà Nội
951	27B-016.63	Điện Biên	2551	26B-019.18	Sơn La	4151	29K-373.83	Hà Nội
952	27C-076.28	Điện Biên	2552	26B-021.19	Sơn La	4152	29K-400.25	Hà Nội
953	27C-077.29	Điện Biên	2553	26C-166.85	Sơn La	4153	29K-400.96	Hà Nội
954	27D-007.26	Điện Biên	2554	26C-166.95	Sơn La	4154	29K-411.19	Hà Nội
955	27D-010.28	Điện Biên	2555	26C-167.26	Sơn La	4155	29K-422.15	Hà Nội
956	28A-270.19	Hòa Bình	2556	26D-015.98	Sơn La	4156	29K-425.35	Hà Nội
957	28B-020.65	Hòa Bình	2557	26D-016.63	Sơn La	4157	29K-427.26	Hà Nội
958	29D-627.19	Hà Nội	2558	27D-008.19	Điện Biên	4158	29K-431.56	Hà Nội
959	29D-630.19	Hà Nội	2559	27D-009.15	Điện Biên	4159	29K-431.95	Hà Nội
960	29D-635.16	Hà Nội	2560	28A-262.96	Hòa Bình	4160	29K-439.25	Hà Nội
961	29K-325.95	Hà Nội	2561	28A-270.95	Hòa Bình	4161	29K-446.06	Hà Nội
962	29K-333.98	Hà Nội	2562	28A-271.83	Hòa Bình	4162	29K-457.83	Hà Nội
963	29K-334.08	Hà Nội	2563	29B-658.96	Hà Nội	4163	29K-467.16	Hà Nội
964	29K-336.26	Hà Nội	2564	29D-630.26	Hà Nội	4164	29K-469.35	Hà Nội
965	29K-339.83	Hà Nội	2565	29K-331.19	Hà Nội	4165	29K-472.85	Hà Nội
966	29K-342.09	Hà Nội	2566	29K-334.26	Hà Nội	4166	30M-046.58	Hà Nội
967	29K-354.29	Hà Nội	2567	29K-360.38	Hà Nội	4167	30M-049.18	Hà Nội
968	29K-360.26	Hà Nội	2568	29K-366.08	Hà Nội	4168	30M-052.36	Hà Nội
969	29K-361.38	Hà Nội	2569	29K-375.15	Hà Nội	4169	30M-059.25	Hà Nội
970	29K-362.15	Hà Nội	2570	29K-383.15	Hà Nội	4170	30M-065.96	Hà Nội
971	29K-376.36	Hà Nội	2571	29K-387.26	Hà Nội	4171	30M-073.95	Hà Nội
972	29K-376.83	Hà Nội	2572	29K-387.28	Hà Nội	4172	30M-075.29	Hà Nội
973	29K-384.26	Hà Nội	2573	29K-390.35	Hà Nội	4173	30M-076.08	Hà Nội
974	29K-385.59	Hà Nội	2574	29K-390.38	Hà Nội	4174	30M-079.59	Hà Nội
975	29K-387.18	Hà Nội	2575	29K-392.83	Hà Nội	4175	30M-081.09	Hà Nội
976	29K-393.15	Hà Nội	2576	29K-395.83	Hà Nội	4176	30M-087.25	Hà Nội
977	29K-402.56	Hà Nội	2577	29K-397.63	Hà Nội	4177	30M-090.08	Hà Nội
978	29K-416.83	Hà Nội	2578	29K-398.36	Hà Nội	4178	30M-090.56	Hà Nội
979	29K-420.35	Hà Nội	2579	29K-400.06	Hà Nội	4179	30M-107.98	Hà Nội
980	29K-424.28	Hà Nội	2580	29K-411.96	Hà Nội	4180	30M-111.65	Hà Nội
981	29K-435.58	Hà Nội	2581	29K-412.18	Hà Nội	4181	30M-112.83	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
982	29K-436.35	Hà Nội	2582	29K-412.59	Hà Nội	4182	30M-112.96	Hà Nội
983	29K-440.18	Hà Nội	2583	29K-413.28	Hà Nội	4183	30M-122.18	Hà Nội
984	29K-450.36	Hà Nội	2584	29K-416.35	Hà Nội	4184	30M-123.09	Hà Nội
985	29K-450.96	Hà Nội	2585	29K-416.85	Hà Nội	4185	30M-135.63	Hà Nội
986	29K-466.58	Hà Nội	2586	29K-417.15	Hà Nội	4186	30M-139.38	Hà Nội
987	29K-467.25	Hà Nội	2587	29K-417.98	Hà Nội	4187	30M-145.85	Hà Nội
988	29K-471.25	Hà Nội	2588	29K-418.85	Hà Nội	4188	30M-156.35	Hà Nội
989	29K-471.29	Hà Nội	2589	29K-419.09	Hà Nội	4189	30M-156.96	Hà Nội
990	30M-033.08	Hà Nội	2590	29K-423.65	Hà Nội	4190	30M-165.59	Hà Nội
991	30M-036.56	Hà Nội	2591	29K-430.25	Hà Nội	4191	30M-171.83	Hà Nội
992	30M-040.06	Hà Nội	2592	29K-436.28	Hà Nội	4192	30M-172.98	Hà Nội
993	30M-046.95	Hà Nội	2593	29K-448.83	Hà Nội	4193	30M-176.95	Hà Nội
994	30M-058.95	Hà Nội	2594	29K-449.35	Hà Nội	4194	30M-188.28	Hà Nội
995	30M-061.38	Hà Nội	2595	29K-450.63	Hà Nội	4195	30M-191.35	Hà Nội
996	30M-061.96	Hà Nội	2596	29K-452.56	Hà Nội	4196	30M-194.96	Hà Nội
997	30M-064.09	Hà Nội	2597	29K-454.29	Hà Nội	4197	30M-196.36	Hà Nội
998	30M-070.36	Hà Nội	2598	29K-468.58	Hà Nội	4198	30M-208.36	Hà Nội
999	30M-075.35	Hà Nội	2599	29K-469.26	Hà Nội	4199	30M-214.28	Hà Nội
1000	30M-090.58	Hà Nội	2600	29K-470.18	Hà Nội	4200	30M-215.58	Hà Nội
1001	30M-095.83	Hà Nội	2601	29K-473.09	Hà Nội	4201	30M-221.06	Hà Nội
1002	30M-104.96	Hà Nội	2602	29K-473.65	Hà Nội	4202	30M-221.83	Hà Nội
1003	30M-107.59	Hà Nội	2603	30M-032.35	Hà Nội	4203	30M-224.19	Hà Nội
1004	30M-109.19	Hà Nội	2604	30M-037.36	Hà Nội	4204	30M-225.15	Hà Nội
1005	30M-110.18	Hà Nội	2605	30M-040.15	Hà Nội	4205	30M-231.65	Hà Nội
1006	30M-110.36	Hà Nội	2606	30M-048.15	Hà Nội	4206	30M-232.29	Hà Nội
1007	30M-117.59	Hà Nội	2607	30M-056.25	Hà Nội	4207	30M-241.28	Hà Nội
1008	30M-122.63	Hà Nội	2608	30M-057.09	Hà Nội	4208	30M-243.08	Hà Nội
1009	30M-127.96	Hà Nội	2609	30M-065.95	Hà Nội	4209	30M-245.16	Hà Nội
1010	30M-128.35	Hà Nội	2610	30M-068.36	Hà Nội	4210	30M-246.38	Hà Nội
1011	30M-132.56	Hà Nội	2611	30M-081.58	Hà Nội	4211	30M-249.65	Hà Nội
1012	30M-133.18	Hà Nội	2612	30M-092.25	Hà Nội	4212	30M-257.08	Hà Nội
1013	30M-137.28	Hà Nội	2613	30M-102.65	Hà Nội	4213	30M-260.29	Hà Nội
1014	30M-151.96	Hà Nội	2614	30M-117.26	Hà Nội	4214	30M-262.25	Hà Nội
1015	30M-167.65	Hà Nội	2615	30M-125.85	Hà Nội	4215	30M-275.19	Hà Nội
1016	30M-173.18	Hà Nội	2616	30M-130.85	Hà Nội	4216	30M-276.59	Hà Nội
1017	30M-181.98	Hà Nội	2617	30M-137.18	Hà Nội	4217	30M-282.63	Hà Nội
1018	30M-193.58	Hà Nội	2618	30M-138.59	Hà Nội	4218	30M-287.56	Hà Nội
1019	30M-211.83	Hà Nội	2619	30M-140.29	Hà Nội	4219	30M-298.16	Hà Nội
1020	30M-213.83	Hà Nội	2620	30M-143.36	Hà Nội	4220	30M-314.96	Hà Nội
1021	30M-214.18	Hà Nội	2621	30M-143.59	Hà Nội	4221	30M-316.85	Hà Nội
1022	30M-218.15	Hà Nội	2622	30M-146.38	Hà Nội	4222	30M-319.29	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1023	30M-242.58	Hà Nội	2623	30M-152.29	Hà Nội	4223	30M-321.26	Hà Nội
1024	30M-247.35	Hà Nội	2624	30M-158.09	Hà Nội	4224	30M-323.08	Hà Nội
1025	30M-251.35	Hà Nội	2625	30M-158.96	Hà Nội	4225	30M-323.35	Hà Nội
1026	30M-260.18	Hà Nội	2626	30M-166.29	Hà Nội	4226	30M-327.38	Hà Nội
1027	30M-264.19	Hà Nội	2627	30M-167.18	Hà Nội	4227	30M-330.83	Hà Nội
1028	30M-285.36	Hà Nội	2628	30M-170.06	Hà Nội	4228	30M-336.29	Hà Nội
1029	30M-296.59	Hà Nội	2629	30M-171.63	Hà Nội	4229	30M-349.19	Hà Nội
1030	30M-298.19	Hà Nội	2630	30M-174.08	Hà Nội	4230	30M-349.28	Hà Nội
1031	30M-303.98	Hà Nội	2631	30M-175.63	Hà Nội	4231	30M-352.29	Hà Nội
1032	30M-306.18	Hà Nội	2632	30M-189.15	Hà Nội	4232	30M-352.36	Hà Nội
1033	30M-314.25	Hà Nội	2633	30M-198.63	Hà Nội	4233	30M-361.25	Hà Nội
1034	30M-314.98	Hà Nội	2634	30M-200.58	Hà Nội	4234	30M-361.58	Hà Nội
1035	30M-317.96	Hà Nội	2635	30M-204.15	Hà Nội	4235	30M-367.35	Hà Nội
1036	30M-319.59	Hà Nội	2636	30M-231.18	Hà Nội	4236	30M-380.26	Hà Nội
1037	30M-321.06	Hà Nội	2637	30M-252.96	Hà Nội	4237	30M-384.96	Hà Nội
1038	30M-321.58	Hà Nội	2638	30M-262.96	Hà Nội	4238	30M-386.08	Hà Nội
1039	30M-322.96	Hà Nội	2639	30M-264.95	Hà Nội	4239	30M-388.65	Hà Nội
1040	30M-341.56	Hà Nội	2640	30M-265.35	Hà Nội	4240	30M-390.59	Hà Nội
1041	30M-343.63	Hà Nội	2641	30M-275.16	Hà Nội	4241	30M-391.15	Hà Nội
1042	30M-346.29	Hà Nội	2642	30M-279.08	Hà Nội	4242	30M-394.83	Hà Nội
1043	30M-364.59	Hà Nội	2643	30M-279.56	Hà Nội	4243	30M-396.59	Hà Nội
1044	30M-370.65	Hà Nội	2644	30M-292.28	Hà Nội	4244	30M-398.29	Hà Nội
1045	30M-378.83	Hà Nội	2645	30M-310.28	Hà Nội	4245	30M-409.16	Hà Nội
1046	30M-385.98	Hà Nội	2646	30M-320.19	Hà Nội	4246	30M-411.58	Hà Nội
1047	30M-393.58	Hà Nội	2647	30M-325.16	Hà Nội	4247	30M-416.35	Hà Nội
1048	30M-395.08	Hà Nội	2648	30M-332.29	Hà Nội	4248	30M-420.59	Hà Nội
1049	30M-401.65	Hà Nội	2649	30M-337.98	Hà Nội	4249	34A-923.58	Hải Dương
1050	30M-408.65	Hà Nội	2650	30M-341.98	Hà Nội	4250	34A-925.16	Hải Dương
1051	30M-412.65	Hà Nội	2651	30M-343.56	Hà Nội	4251	34A-926.25	Hải Dương
1052	30M-414.38	Hà Nội	2652	30M-343.96	Hà Nội	4252	34A-926.83	Hải Dương
1053	34A-919.16	Hải Dương	2653	30M-347.19	Hà Nội	4253	34A-927.85	Hải Dương
1054	34A-919.29	Hải Dương	2654	30M-348.63	Hà Nội	4254	34A-929.58	Hải Dương
1055	34A-921.18	Hải Dương	2655	30M-351.95	Hà Nội	4255	34A-932.95	Hải Dương
1056	34A-922.26	Hải Dương	2656	30M-355.98	Hà Nội	4256	34A-942.26	Hải Dương
1057	34A-926.35	Hải Dương	2657	30M-358.38	Hà Nội	4257	34A-943.96	Hải Dương
1058	34A-932.15	Hải Dương	2658	30M-363.19	Hà Nội	4258	34A-944.19	Hải Dương
1059	34A-941.96	Hải Dương	2659	30M-363.56	Hà Nội	4259	34A-944.26	Hải Dương
1060	34A-951.06	Hải Dương	2660	30M-371.19	Hà Nội	4260	34A-952.35	Hải Dương
1061	34A-959.09	Hải Dương	2661	30M-374.28	Hà Nội	4261	34A-968.83	Hải Dương
1062	34A-963.35	Hải Dương	2662	30M-375.35	Hà Nội	4262	34A-973.25	Hải Dương
1063	34A-965.95	Hải Dương	2663	30M-381.26	Hà Nội	4263	34A-975.96	Hải Dương

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1064	34A-966.16	Hải Dương	2664	30M-383.29	Hà Nội	4264	34B-046.18	Hải Dương
1065	34B-043.36	Hải Dương	2665	30M-384.15	Hà Nội	4265	34C-438.98	Hải Dương
1066	34B-044.35	Hải Dương	2666	30M-399.29	Hà Nội	4266	34C-442.38	Hải Dương
1067	34C-436.18	Hải Dương	2667	30M-405.26	Hà Nội	4267	34C-449.65	Hải Dương
1068	34C-436.85	Hải Dương	2668	30M-410.16	Hà Nội	4268	34D-041.38	Hải Dương
1069	34C-437.18	Hải Dương	2669	30M-413.83	Hà Nội	4269	35A-465.96	Ninh Bình
1070	34C-439.19	Hải Dương	2670	30M-415.58	Hà Nội	4270	35A-472.09	Ninh Bình
1071	34C-441.28	Hải Dương	2671	30M-421.59	Hà Nội	4271	35A-472.95	Ninh Bình
1072	34C-445.18	Hải Dương	2672	34A-940.09	Hải Dương	4272	35A-475.25	Ninh Bình
1073	34C-448.26	Hải Dương	2673	34A-959.36	Hải Dương	4273	35A-484.25	Ninh Bình
1074	34D-040.59	Hải Dương	2674	34A-963.18	Hải Dương	4274	35B-023.35	Ninh Bình
1075	34D-040.85	Hải Dương	2675	34A-967.16	Hải Dương	4275	35C-180.59	Ninh Bình
1076	35A-473.96	Ninh Bình	2676	34A-972.56	Hải Dương	4276	35C-181.36	Ninh Bình
1077	35A-474.58	Ninh Bình	2677	34A-972.59	Hải Dương	4277	35C-183.96	Ninh Bình
1078	35A-475.08	Ninh Bình	2678	34C-441.15	Hải Dương	4278	35D-017.08	Ninh Bình
1079	35A-482.95	Ninh Bình	2679	34C-448.16	Hải Dương	4279	36C-551.25	Thanh Hóa
1080	35B-022.85	Ninh Bình	2680	34C-450.15	Hải Dương	4280	36C-567.38	Thanh Hóa
1081	35C-181.16	Ninh Bình	2681	34C-450.38	Hải Dương	4281	36C-580.38	Thanh Hóa
1082	35C-182.59	Ninh Bình	2682	34C-451.59	Hải Dương	4282	36D-029.95	Thanh Hóa
1083	35C-183.16	Ninh Bình	2683	34D-040.26	Hải Dương	4283	36D-031.83	Thanh Hóa
1084	35C-186.09	Ninh Bình	2684	34D-041.98	Hải Dương	4284	36K-233.63	Thanh Hóa
1085	36C-548.18	Thanh Hóa	2685	35A-465.95	Ninh Bình	4285	36K-234.85	Thanh Hóa
1086	36C-548.98	Thanh Hóa	2686	35A-473.15	Ninh Bình	4286	36K-237.15	Thanh Hóa
1087	36C-549.95	Thanh Hóa	2687	35A-474.56	Ninh Bình	4287	36K-239.16	Thanh Hóa
1088	36C-550.18	Thanh Hóa	2688	35A-477.19	Ninh Bình	4288	36K-240.95	Thanh Hóa
1089	36C-551.38	Thanh Hóa	2689	35A-478.63	Ninh Bình	4289	36K-248.96	Thanh Hóa
1090	36C-564.15	Thanh Hóa	2690	35A-480.58	Ninh Bình	4290	36K-253.83	Thanh Hóa
1091	36C-565.59	Thanh Hóa	2691	35B-025.15	Ninh Bình	4291	36K-255.28	Thanh Hóa
1092	36C-567.98	Thanh Hóa	2692	35C-185.36	Ninh Bình	4292	36K-259.83	Thanh Hóa
1093	36C-570.06	Thanh Hóa	2693	35D-016.08	Ninh Bình	4293	36K-263.65	Thanh Hóa
1094	36C-572.15	Thanh Hóa	2694	36B-048.83	Thanh Hóa	4294	36K-271.09	Thanh Hóa
1095	36K-232.26	Thanh Hóa	2695	36C-557.16	Thanh Hóa	4295	36K-271.59	Thanh Hóa
1096	36K-235.15	Thanh Hóa	2696	36C-566.59	Thanh Hóa	4296	36K-273.36	Thanh Hóa
1097	36K-239.06	Thanh Hóa	2697	36C-573.26	Thanh Hóa	4297	36K-274.18	Thanh Hóa
1098	36K-241.29	Thanh Hóa	2698	36C-575.36	Thanh Hóa	4298	36K-280.09	Thanh Hóa
1099	36K-241.59	Thanh Hóa	2699	36C-576.95	Thanh Hóa	4299	36K-293.58	Thanh Hóa
1100	36K-242.25	Thanh Hóa	2700	36C-579.83	Thanh Hóa	4300	36K-303.25	Thanh Hóa
1101	36K-254.15	Thanh Hóa	2701	36C-580.25	Thanh Hóa	4301	36K-303.28	Thanh Hóa
1102	36K-257.16	Thanh Hóa	2702	36D-033.18	Thanh Hóa	4302	36K-306.26	Thanh Hóa
1103	36K-258.83	Thanh Hóa	2703	36K-240.98	Thanh Hóa	4303	37C-589.35	Nghệ An
1104	36K-271.58	Thanh Hóa	2704	36K-247.96	Thanh Hóa	4304	37C-595.16	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1105	36K-272.63	Thanh Hóa	2705	36K-249.15	Thanh Hóa	4305	37C-596.09	Nghệ An
1106	36K-275.63	Thanh Hóa	2706	36K-250.83	Thanh Hóa	4306	37K-487.58	Nghệ An
1107	36K-277.85	Thanh Hóa	2707	36K-251.63	Thanh Hóa	4307	37K-494.56	Nghệ An
1108	36K-291.98	Thanh Hóa	2708	36K-254.96	Thanh Hóa	4308	37K-504.56	Nghệ An
1109	36K-306.15	Thanh Hóa	2709	36K-257.29	Thanh Hóa	4309	37K-509.06	Nghệ An
1110	37C-567.29	Nghệ An	2710	36K-258.63	Thanh Hóa	4310	37K-511.59	Nghệ An
1111	37C-568.09	Nghệ An	2711	36K-263.29	Thanh Hóa	4311	37K-512.28	Nghệ An
1112	37C-570.19	Nghệ An	2712	36K-264.35	Thanh Hóa	4312	37K-518.09	Nghệ An
1113	37C-570.85	Nghệ An	2713	36K-273.15	Thanh Hóa	4313	37K-537.36	Nghệ An
1114	37C-581.98	Nghệ An	2714	36K-273.98	Thanh Hóa	4314	37K-553.29	Nghệ An
1115	37C-587.16	Nghệ An	2715	36K-274.25	Thanh Hóa	4315	37K-557.19	Nghệ An
1116	37C-587.83	Nghệ An	2716	36K-275.18	Thanh Hóa	4316	37K-557.25	Nghệ An
1117	37K-483.18	Nghệ An	2717	36K-285.65	Thanh Hóa	4317	38A-679.59	Hà Tĩnh
1118	37K-492.35	Nghệ An	2718	36K-286.26	Thanh Hóa	4318	38A-685.16	Hà Tĩnh
1119	37K-504.26	Nghệ An	2719	36K-286.38	Thanh Hóa	4319	38A-686.36	Hà Tĩnh
1120	37K-505.56	Nghệ An	2720	36K-289.09	Thanh Hóa	4320	38A-686.58	Hà Tĩnh
1121	37K-506.59	Nghệ An	2721	36K-296.95	Thanh Hóa	4321	38A-695.35	Hà Tĩnh
1122	37K-507.85	Nghệ An	2722	36K-297.28	Thanh Hóa	4322	38A-701.63	Hà Tĩnh
1123	37K-508.38	Nghệ An	2723	36K-297.95	Thanh Hóa	4323	38A-703.36	Hà Tĩnh
1124	37K-512.16	Nghệ An	2724	36K-304.85	Thanh Hóa	4324	38C-243.83	Hà Tĩnh
1125	37K-513.16	Nghệ An	2725	37B-049.63	Nghệ An	4325	38C-244.96	Hà Tĩnh
1126	37K-517.16	Nghệ An	2726	37C-567.18	Nghệ An	4326	38C-250.16	Hà Tĩnh
1127	37K-541.16	Nghệ An	2727	37C-568.59	Nghệ An	4327	43A-942.38	Đà Nẵng
1128	37K-542.96	Nghệ An	2728	37C-569.98	Nghệ An	4328	43A-945.96	Đà Nẵng
1129	37K-551.25	Nghệ An	2729	37C-571.65	Nghệ An	4329	43A-946.58	Đà Nẵng
1130	37K-552.29	Nghệ An	2730	37C-572.35	Nghệ An	4330	43A-956.63	Đà Nẵng
1131	37K-553.18	Nghệ An	2731	37C-573.35	Nghệ An	4331	43A-957.85	Đà Nẵng
1132	37K-553.65	Nghệ An	2732	37C-577.38	Nghệ An	4332	43A-973.28	Đà Nẵng
1133	37K-565.09	Nghệ An	2733	37C-586.36	Nghệ An	4333	43A-975.29	Đà Nẵng
1134	37K-566.08	Nghệ An	2734	37C-588.19	Nghệ An	4334	43A-977.35	Đà Nẵng
1135	37K-566.36	Nghệ An	2735	37D-050.59	Nghệ An	4335	43A-979.36	Đà Nẵng
1136	38A-681.08	Hà Tĩnh	2736	37K-483.25	Nghệ An	4336	43A-979.38	Đà Nẵng
1137	38A-689.63	Hà Tĩnh	2737	37K-488.65	Nghệ An	4337	43B-064.26	Đà Nẵng
1138	38A-700.15	Hà Tĩnh	2738	37K-495.65	Nghệ An	4338	43C-316.28	Đà Nẵng
1139	38A-702.38	Hà Tĩnh	2739	37K-499.19	Nghệ An	4339	43C-317.09	Đà Nẵng
1140	38A-710.56	Hà Tĩnh	2740	37K-504.28	Nghệ An	4340	43C-318.59	Đà Nẵng
1141	38A-710.65	Hà Tĩnh	2741	37K-506.15	Nghệ An	4341	47A-817.19	Đắk Lắk
1142	38C-252.19	Hà Tĩnh	2742	37K-509.15	Nghệ An	4342	47A-821.59	Đắk Lắk
1143	43A-944.65	Đà Nẵng	2743	37K-510.28	Nghệ An	4343	47A-821.95	Đắk Lắk
1144	43A-951.36	Đà Nẵng	2744	37K-511.09	Nghệ An	4344	47A-823.29	Đắk Lắk
1145	43A-954.58	Đà Nẵng	2745	37K-512.08	Nghệ An	4345	47A-825.96	Đắk Lắk

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1146	43A-955.38	Đà Nẵng	2746	37K-512.63	Nghệ An	4346	47A-830.06	Đắk Lắk
1147	43A-969.16	Đà Nẵng	2747	37K-518.26	Nghệ An	4347	47A-830.63	Đắk Lắk
1148	43A-971.25	Đà Nẵng	2748	37K-527.19	Nghệ An	4348	47A-831.29	Đắk Lắk
1149	43A-973.59	Đà Nẵng	2749	37K-529.16	Nghệ An	4349	47A-835.16	Đắk Lắk
1150	43A-979.28	Đà Nẵng	2750	37K-529.28	Nghệ An	4350	47A-836.16	Đắk Lắk
1151	43B-064.98	Đà Nẵng	2751	37K-531.16	Nghệ An	4351	47A-842.08	Đắk Lắk
1152	43C-323.38	Đà Nẵng	2752	37K-546.06	Nghệ An	4352	47A-844.95	Đắk Lắk
1153	43C-324.06	Đà Nẵng	2753	37K-552.35	Nghệ An	4353	47A-849.08	Đắk Lắk
1154	43D-014.63	Đà Nẵng	2754	37K-560.19	Nghệ An	4354	47A-851.06	Đắk Lắk
1155	47A-818.96	Đắk Lắk	2755	37K-563.26	Nghệ An	4355	47A-855.28	Đắk Lắk
1156	47A-827.36	Đắk Lắk	2756	37K-566.63	Nghệ An	4356	47A-856.08	Đắk Lắk
1157	47A-829.18	Đắk Lắk	2757	37K-573.96	Nghệ An	4357	47A-862.28	Đắk Lắk
1158	47A-848.18	Đắk Lắk	2758	38A-691.38	Hà Tĩnh	4358	47B-044.95	Đắk Lắk
1159	47A-850.38	Đắk Lắk	2759	38A-700.56	Hà Tĩnh	4359	47C-410.95	Đắk Lắk
1160	47A-852.63	Đắk Lắk	2760	38A-703.98	Hà Tĩnh	4360	47C-412.28	Đắk Lắk
1161	47A-864.06	Đắk Lắk	2761	38B-023.06	Hà Tĩnh	4361	47C-414.85	Đắk Lắk
1162	47A-864.16	Đắk Lắk	2762	38B-023.35	Hà Tĩnh	4362	48A-248.38	Đắk Nông
1163	47B-042.28	Đắk Lắk	2763	38B-023.98	Hà Tĩnh	4363	48A-251.83	Đắk Nông
1164	47C-397.58	Đắk Lắk	2764	38C-246.19	Hà Tĩnh	4364	48A-254.35	Đắk Nông
1165	47C-398.09	Đắk Lắk	2765	38C-253.36	Hà Tĩnh	4365	48A-255.29	Đắk Nông
1166	47C-402.28	Đắk Lắk	2766	38D-022.16	Hà Tĩnh	4366	48A-258.19	Đắk Nông
1167	47C-403.25	Đắk Lắk	2767	43A-945.15	Đà Nẵng	4367	48C-119.38	Đắk Nông
1168	47C-404.95	Đắk Lắk	2768	43A-953.18	Đà Nẵng	4368	49A-746.85	Lâm Đồng
1169	47C-407.38	Đắk Lắk	2769	43A-954.06	Đà Nẵng	4369	49A-747.96	Lâm Đồng
1170	47C-410.09	Đắk Lắk	2770	43A-960.19	Đà Nẵng	4370	49A-754.58	Lâm Đồng
1171	47C-413.26	Đắk Lắk	2771	43A-966.28	Đà Nẵng	4371	49A-755.35	Lâm Đồng
1172	47C-415.58	Đắk Lắk	2772	43A-966.29	Đà Nẵng	4372	49A-758.16	Lâm Đồng
1173	47C-422.83	Đắk Lắk	2773	43A-976.35	Đà Nẵng	4373	49A-764.35	Lâm Đồng
1174	47D-025.35	Đắk Lắk	2774	43B-063.96	Đà Nẵng	4374	49A-767.19	Lâm Đồng
1175	47D-025.38	Đắk Lắk	2775	43B-064.29	Đà Nẵng	4375	49A-768.98	Lâm Đồng
1176	48A-256.08	Đắk Nông	2776	43C-315.25	Đà Nẵng	4376	49A-780.85	Lâm Đồng
1177	48B-014.85	Đắk Nông	2777	43C-317.25	Đà Nẵng	4377	49B-035.29	Lâm Đồng
1178	49A-746.06	Lâm Đồng	2778	43C-319.65	Đà Nẵng	4378	49C-387.95	Lâm Đồng
1179	49A-748.56	Lâm Đồng	2779	47A-839.08	Đắk Lắk	4379	49C-390.35	Lâm Đồng
1180	49A-752.09	Lâm Đồng	2780	47A-854.38	Đắk Lắk	4380	49C-391.35	Lâm Đồng
1181	49A-775.16	Lâm Đồng	2781	47A-860.15	Đắk Lắk	4381	49D-016.96	Lâm Đồng
1182	49A-780.19	Lâm Đồng	2782	47B-043.58	Đắk Lắk	4382	51B-712.35	Hồ Chí Minh
1183	49B-035.09	Lâm Đồng	2783	47B-044.83	Đắk Lắk	4383	51E-343.56	Hồ Chí Minh
1184	49C-392.65	Lâm Đồng	2784	47C-398.85	Đắk Lắk	4384	51E-346.96	Hồ Chí Minh
1185	51B-715.25	Hồ Chí Minh	2785	47C-399.83	Đắk Lắk	4385	51E-347.95	Hồ Chí Minh
1186	51E-341.08	Hồ Chí Minh	2786	47C-411.56	Đắk Lắk	4386	51E-348.28	Hồ Chí Minh

...Đ
 CỘ
 Đ
 HỢP
 VIỆ
 V/H XU

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1187	51E-350.19	Hồ Chí Minh	2787	47C-422.63	Đắk Lắk	4387	51E-350.06	Hồ Chí Minh
1188	51L-912.36	Hồ Chí Minh	2788	47D-022.56	Đắk Lắk	4388	51E-352.59	Hồ Chí Minh
1189	51L-915.83	Hồ Chí Minh	2789	48A-251.98	Đắk Nông	4389	51L-902.26	Hồ Chí Minh
1190	51L-916.56	Hồ Chí Minh	2790	48A-254.29	Đắk Nông	4390	51L-904.19	Hồ Chí Minh
1191	51L-918.16	Hồ Chí Minh	2791	48A-256.18	Đắk Nông	4391	51L-906.26	Hồ Chí Minh
1192	51L-920.85	Hồ Chí Minh	2792	48D-008.06	Đắk Nông	4392	51L-908.38	Hồ Chí Minh
1193	51L-924.59	Hồ Chí Minh	2793	48D-010.08	Đắk Nông	4393	51L-912.95	Hồ Chí Minh
1194	51L-925.35	Hồ Chí Minh	2794	49A-750.63	Lâm Đồng	4394	51L-919.58	Hồ Chí Minh
1195	51L-927.63	Hồ Chí Minh	2795	49A-760.56	Lâm Đồng	4395	51L-925.18	Hồ Chí Minh
1196	51L-928.19	Hồ Chí Minh	2796	49A-764.26	Lâm Đồng	4396	51L-932.09	Hồ Chí Minh
1197	51L-940.85	Hồ Chí Minh	2797	49A-767.63	Lâm Đồng	4397	51L-939.16	Hồ Chí Minh
1198	51L-945.29	Hồ Chí Minh	2798	49A-768.19	Lâm Đồng	4398	51L-946.56	Hồ Chí Minh
1199	51L-946.15	Hồ Chí Minh	2799	49A-779.36	Lâm Đồng	4399	51L-955.98	Hồ Chí Minh
1200	51L-950.25	Hồ Chí Minh	2800	49B-034.25	Lâm Đồng	4400	51L-961.19	Hồ Chí Minh
1201	51L-950.36	Hồ Chí Minh	2801	49C-386.35	Lâm Đồng	4401	51L-965.85	Hồ Chí Minh
1202	51L-959.98	Hồ Chí Minh	2802	49C-388.96	Lâm Đồng	4402	51L-970.58	Hồ Chí Minh
1203	51L-962.19	Hồ Chí Minh	2803	49C-395.65	Lâm Đồng	4403	51L-973.63	Hồ Chí Minh
1204	51L-963.06	Hồ Chí Minh	2804	49C-398.35	Lâm Đồng	4404	51L-977.56	Hồ Chí Minh
1205	51L-965.15	Hồ Chí Minh	2805	49C-399.15	Lâm Đồng	4405	51L-982.19	Hồ Chí Minh
1206	51L-965.83	Hồ Chí Minh	2806	49D-016.63	Lâm Đồng	4406	51L-982.38	Hồ Chí Minh
1207	51L-966.59	Hồ Chí Minh	2807	51B-714.56	Hồ Chí Minh	4407	51M-054.29	Hồ Chí Minh
1208	51L-967.83	Hồ Chí Minh	2808	51E-352.19	Hồ Chí Minh	4408	51M-059.36	Hồ Chí Minh
1209	51L-968.29	Hồ Chí Minh	2809	51L-901.08	Hồ Chí Minh	4409	51M-065.29	Hồ Chí Minh
1210	51L-972.56	Hồ Chí Minh	2810	51L-904.85	Hồ Chí Minh	4410	51M-069.36	Hồ Chí Minh
1211	51L-988.65	Hồ Chí Minh	2811	51L-906.56	Hồ Chí Minh	4411	51M-070.18	Hồ Chí Minh
1212	51L-995.16	Hồ Chí Minh	2812	51L-922.98	Hồ Chí Minh	4412	51M-072.83	Hồ Chí Minh
1213	51L-998.26	Hồ Chí Minh	2813	51L-926.36	Hồ Chí Minh	4413	51M-080.85	Hồ Chí Minh
1214	51L-998.63	Hồ Chí Minh	2814	51L-931.26	Hồ Chí Minh	4414	51M-083.15	Hồ Chí Minh
1215	51M-056.06	Hồ Chí Minh	2815	51L-931.63	Hồ Chí Minh	4415	51M-089.56	Hồ Chí Minh
1216	51M-058.18	Hồ Chí Minh	2816	51L-933.38	Hồ Chí Minh	4416	51M-095.65	Hồ Chí Minh
1217	51M-062.08	Hồ Chí Minh	2817	51L-938.28	Hồ Chí Minh	4417	51M-096.06	Hồ Chí Minh
1218	51M-064.18	Hồ Chí Minh	2818	51L-943.95	Hồ Chí Minh	4418	51M-099.85	Hồ Chí Minh
1219	51M-065.95	Hồ Chí Minh	2819	51L-952.16	Hồ Chí Minh	4419	51M-103.15	Hồ Chí Minh
1220	51M-071.38	Hồ Chí Minh	2820	51L-956.18	Hồ Chí Minh	4420	51M-109.28	Hồ Chí Minh
1221	51M-077.83	Hồ Chí Minh	2821	51L-967.15	Hồ Chí Minh	4421	51M-113.29	Hồ Chí Minh
1222	51M-077.95	Hồ Chí Minh	2822	51L-970.85	Hồ Chí Minh	4422	51M-116.63	Hồ Chí Minh
1223	51M-084.96	Hồ Chí Minh	2823	51L-971.29	Hồ Chí Minh	4423	51M-129.38	Hồ Chí Minh
1224	51M-086.85	Hồ Chí Minh	2824	51L-972.28	Hồ Chí Minh	4424	51M-135.28	Hồ Chí Minh
1225	51M-089.16	Hồ Chí Minh	2825	51L-980.85	Hồ Chí Minh	4425	51M-137.35	Hồ Chí Minh
1226	51M-091.98	Hồ Chí Minh	2826	51L-982.15	Hồ Chí Minh	4426	51M-139.19	Hồ Chí Minh
1227	51M-109.85	Hồ Chí Minh	2827	51L-984.36	Hồ Chí Minh	4427	51M-140.29	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1228	51M-120.19	Hồ Chí Minh	2828	51L-998.58	Hồ Chí Minh	4428	51M-142.18	Hồ Chí Minh
1229	51M-137.15	Hồ Chí Minh	2829	51M-051.98	Hồ Chí Minh	4429	51M-143.98	Hồ Chí Minh
1230	51M-138.59	Hồ Chí Minh	2830	51M-067.36	Hồ Chí Minh	4430	51M-144.58	Hồ Chí Minh
1231	51M-138.65	Hồ Chí Minh	2831	51M-068.18	Hồ Chí Minh	4431	51M-145.83	Hồ Chí Minh
1232	51M-145.98	Hồ Chí Minh	2832	51M-078.95	Hồ Chí Minh	4432	51M-151.36	Hồ Chí Minh
1233	51M-155.59	Hồ Chí Minh	2833	51M-089.63	Hồ Chí Minh	4433	51M-153.96	Hồ Chí Minh
1234	51M-157.08	Hồ Chí Minh	2834	51M-104.28	Hồ Chí Minh	4434	51M-159.58	Hồ Chí Minh
1235	51M-157.95	Hồ Chí Minh	2835	51M-106.98	Hồ Chí Minh	4435	51M-183.36	Hồ Chí Minh
1236	51M-164.29	Hồ Chí Minh	2836	51M-107.16	Hồ Chí Minh	4436	51M-186.28	Hồ Chí Minh
1237	51M-167.38	Hồ Chí Minh	2837	51M-111.63	Hồ Chí Minh	4437	51M-187.56	Hồ Chí Minh
1238	51M-170.56	Hồ Chí Minh	2838	51M-116.19	Hồ Chí Minh	4438	51M-189.38	Hồ Chí Minh
1239	51M-183.26	Hồ Chí Minh	2839	51M-118.85	Hồ Chí Minh	4439	51M-196.26	Hồ Chí Minh
1240	51M-183.35	Hồ Chí Minh	2840	51M-120.96	Hồ Chí Minh	4440	51M-201.28	Hồ Chí Minh
1241	51M-194.09	Hồ Chí Minh	2841	51M-123.95	Hồ Chí Minh	4441	51M-202.19	Hồ Chí Minh
1242	51M-205.28	Hồ Chí Minh	2842	51M-125.16	Hồ Chí Minh	4442	51M-207.95	Hồ Chí Minh
1243	51M-205.29	Hồ Chí Minh	2843	51M-133.96	Hồ Chí Minh	4443	51M-209.58	Hồ Chí Minh
1244	51M-214.09	Hồ Chí Minh	2844	51M-139.06	Hồ Chí Minh	4444	51M-210.96	Hồ Chí Minh
1245	51M-215.36	Hồ Chí Minh	2845	51M-151.16	Hồ Chí Minh	4445	51M-217.09	Hồ Chí Minh
1246	51M-217.35	Hồ Chí Minh	2846	51M-155.29	Hồ Chí Minh	4446	51M-219.16	Hồ Chí Minh
1247	51M-229.95	Hồ Chí Minh	2847	51M-156.19	Hồ Chí Minh	4447	51M-225.16	Hồ Chí Minh
1248	51M-232.06	Hồ Chí Minh	2848	51M-156.96	Hồ Chí Minh	4448	51M-228.95	Hồ Chí Minh
1249	51M-239.19	Hồ Chí Minh	2849	51M-162.85	Hồ Chí Minh	4449	51M-233.65	Hồ Chí Minh
1250	51M-250.18	Hồ Chí Minh	2850	51M-165.28	Hồ Chí Minh	4450	51M-242.59	Hồ Chí Minh
1251	51M-250.26	Hồ Chí Minh	2851	51M-166.25	Hồ Chí Minh	4451	51M-243.16	Hồ Chí Minh
1252	51M-265.36	Hồ Chí Minh	2852	51M-167.25	Hồ Chí Minh	4452	51M-245.26	Hồ Chí Minh
1253	51M-270.63	Hồ Chí Minh	2853	51M-175.59	Hồ Chí Minh	4453	51M-249.38	Hồ Chí Minh
1254	51M-273.59	Hồ Chí Minh	2854	51M-176.59	Hồ Chí Minh	4454	51M-253.06	Hồ Chí Minh
1255	51M-276.85	Hồ Chí Minh	2855	51M-180.15	Hồ Chí Minh	4455	51M-254.09	Hồ Chí Minh
1256	51M-280.58	Hồ Chí Minh	2856	51M-186.65	Hồ Chí Minh	4456	51M-261.96	Hồ Chí Minh
1257	51M-291.36	Hồ Chí Minh	2857	51M-187.08	Hồ Chí Minh	4457	51M-263.58	Hồ Chí Minh
1258	51M-296.95	Hồ Chí Minh	2858	51M-195.63	Hồ Chí Minh	4458	51M-282.08	Hồ Chí Minh
1259	51M-297.09	Hồ Chí Minh	2859	51M-208.28	Hồ Chí Minh	4459	51M-283.36	Hồ Chí Minh
1260	51M-298.18	Hồ Chí Minh	2860	51M-215.28	Hồ Chí Minh	4460	51M-300.29	Hồ Chí Minh
1261	51M-298.19	Hồ Chí Minh	2861	51M-216.26	Hồ Chí Minh	4461	51M-310.38	Hồ Chí Minh
1262	51M-299.09	Hồ Chí Minh	2862	51M-218.16	Hồ Chí Minh	4462	51N-004.16	Hồ Chí Minh
1263	51M-303.63	Hồ Chí Minh	2863	51M-218.35	Hồ Chí Minh	4463	51N-005.56	Hồ Chí Minh
1264	51M-304.38	Hồ Chí Minh	2864	51M-220.36	Hồ Chí Minh	4464	51N-008.95	Hồ Chí Minh
1265	51M-307.15	Hồ Chí Minh	2865	51M-220.63	Hồ Chí Minh	4465	51N-014.26	Hồ Chí Minh
1266	51N-001.09	Hồ Chí Minh	2866	51M-223.56	Hồ Chí Minh	4466	51N-015.18	Hồ Chí Minh
1267	51N-001.96	Hồ Chí Minh	2867	51M-226.83	Hồ Chí Minh	4467	51N-018.58	Hồ Chí Minh
1268	51N-007.59	Hồ Chí Minh	2868	51M-227.15	Hồ Chí Minh	4468	51N-020.36	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1269	51N-009.35	Hồ Chí Minh	2869	51M-231.28	Hồ Chí Minh	4469	51N-023.29	Hồ Chí Minh
1270	51N-012.19	Hồ Chí Minh	2870	51M-231.36	Hồ Chí Minh	4470	51N-025.63	Hồ Chí Minh
1271	51N-015.95	Hồ Chí Minh	2871	51M-235.96	Hồ Chí Minh	4471	51N-038.85	Hồ Chí Minh
1272	51N-018.63	Hồ Chí Minh	2872	51M-239.56	Hồ Chí Minh	4472	51N-041.09	Hồ Chí Minh
1273	51N-028.95	Hồ Chí Minh	2873	51M-243.95	Hồ Chí Minh	4473	51N-041.83	Hồ Chí Minh
1274	51N-030.18	Hồ Chí Minh	2874	51M-249.16	Hồ Chí Minh	4474	51N-045.09	Hồ Chí Minh
1275	51N-030.98	Hồ Chí Minh	2875	51M-251.98	Hồ Chí Minh	4475	51N-045.35	Hồ Chí Minh
1276	51N-034.85	Hồ Chí Minh	2876	51M-253.16	Hồ Chí Minh	4476	51N-047.15	Hồ Chí Minh
1277	51N-042.16	Hồ Chí Minh	2877	51M-253.18	Hồ Chí Minh	4477	51N-048.56	Hồ Chí Minh
1278	51N-046.65	Hồ Chí Minh	2878	51M-260.09	Hồ Chí Minh	4478	51N-048.96	Hồ Chí Minh
1279	51N-047.58	Hồ Chí Minh	2879	51M-264.96	Hồ Chí Minh	4479	51N-051.96	Hồ Chí Minh
1280	51N-050.58	Hồ Chí Minh	2880	51M-265.25	Hồ Chí Minh	4480	51N-053.18	Hồ Chí Minh
1281	51N-055.85	Hồ Chí Minh	2881	51M-272.38	Hồ Chí Minh	4481	51N-055.08	Hồ Chí Minh
1282	51N-056.09	Hồ Chí Minh	2882	51M-275.15	Hồ Chí Minh	4482	51N-059.18	Hồ Chí Minh
1283	51N-057.19	Hồ Chí Minh	2883	51M-285.56	Hồ Chí Minh	4483	51N-060.65	Hồ Chí Minh
1284	51N-057.26	Hồ Chí Minh	2884	51M-286.06	Hồ Chí Minh	4484	51N-062.83	Hồ Chí Minh
1285	51N-058.25	Hồ Chí Minh	2885	51M-287.35	Hồ Chí Minh	4485	51N-066.35	Hồ Chí Minh
1286	51N-062.38	Hồ Chí Minh	2886	51M-292.95	Hồ Chí Minh	4486	51N-066.95	Hồ Chí Minh
1287	51N-063.85	Hồ Chí Minh	2887	51M-298.63	Hồ Chí Minh	4487	51N-077.63	Hồ Chí Minh
1288	51N-066.09	Hồ Chí Minh	2888	51M-303.58	Hồ Chí Minh	4488	51N-084.28	Hồ Chí Minh
1289	51N-088.36	Hồ Chí Minh	2889	51N-047.06	Hồ Chí Minh	4489	51N-085.35	Hồ Chí Minh
1290	51N-091.96	Hồ Chí Minh	2890	51N-050.15	Hồ Chí Minh	4490	51N-088.96	Hồ Chí Minh
1291	51N-092.58	Hồ Chí Minh	2891	51N-050.19	Hồ Chí Minh	4491	51N-100.85	Hồ Chí Minh
1292	51N-098.83	Hồ Chí Minh	2892	51N-053.85	Hồ Chí Minh	4492	51N-105.38	Hồ Chí Minh
1293	51N-099.06	Hồ Chí Minh	2893	51N-054.85	Hồ Chí Minh	4493	51N-121.19	Hồ Chí Minh
1294	51N-099.08	Hồ Chí Minh	2894	51N-055.96	Hồ Chí Minh	4494	51N-123.65	Hồ Chí Minh
1295	51N-103.63	Hồ Chí Minh	2895	51N-057.09	Hồ Chí Minh	4495	51N-129.28	Hồ Chí Minh
1296	51N-104.98	Hồ Chí Minh	2896	51N-058.98	Hồ Chí Minh	4496	51N-135.58	Hồ Chí Minh
1297	51N-110.63	Hồ Chí Minh	2897	51N-060.15	Hồ Chí Minh	4497	51N-135.85	Hồ Chí Minh
1298	51N-113.65	Hồ Chí Minh	2898	51N-075.56	Hồ Chí Minh	4498	51N-138.58	Hồ Chí Minh
1299	51N-124.35	Hồ Chí Minh	2899	51N-080.59	Hồ Chí Minh	4499	51N-149.83	Hồ Chí Minh
1300	51N-128.08	Hồ Chí Minh	2900	51N-082.95	Hồ Chí Minh	4500	51N-150.09	Hồ Chí Minh
1301	51N-131.09	Hồ Chí Minh	2901	51N-084.95	Hồ Chí Minh	4501	51N-150.25	Hồ Chí Minh
1302	51N-136.58	Hồ Chí Minh	2902	51N-094.63	Hồ Chí Minh	4502	51N-155.28	Hồ Chí Minh
1303	51N-141.15	Hồ Chí Minh	2903	51N-112.59	Hồ Chí Minh	4503	51N-155.58	Hồ Chí Minh
1304	51N-144.25	Hồ Chí Minh	2904	51N-121.65	Hồ Chí Minh	4504	60C-764.16	Đồng Nai
1305	51N-146.08	Hồ Chí Minh	2905	51N-123.26	Hồ Chí Minh	4505	60C-766.25	Đồng Nai
1306	51N-153.85	Hồ Chí Minh	2906	51N-124.98	Hồ Chí Minh	4506	60C-769.83	Đồng Nai
1307	60B-078.85	Đồng Nai	2907	51N-128.56	Hồ Chí Minh	4507	60C-771.25	Đồng Nai
1308	60B-079.06	Đồng Nai	2908	51N-131.38	Hồ Chí Minh	4508	60C-778.15	Đồng Nai
1309	60C-756.85	Đồng Nai	2909	51N-136.59	Hồ Chí Minh	4509	60C-779.63	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1310	60C-757.83	Đồng Nai	2910	51N-139.36	Hồ Chí Minh	4510	60C-782.58	Đồng Nai
1311	60C-762.95	Đồng Nai	2911	51N-143.26	Hồ Chí Minh	4511	60C-790.35	Đồng Nai
1312	60C-764.38	Đồng Nai	2912	51N-143.65	Hồ Chí Minh	4512	60C-790.85	Đồng Nai
1313	60C-770.63	Đồng Nai	2913	51N-151.18	Hồ Chí Minh	4513	60C-794.28	Đồng Nai
1314	60C-775.26	Đồng Nai	2914	51N-155.59	Hồ Chí Minh	4514	60D-023.95	Đồng Nai
1315	60C-775.28	Đồng Nai	2915	51N-156.59	Hồ Chí Minh	4515	60K-623.83	Đồng Nai
1316	60K-628.06	Đồng Nai	2916	60B-079.63	Đồng Nai	4516	60K-625.98	Đồng Nai
1317	60K-630.08	Đồng Nai	2917	60C-760.58	Đồng Nai	4517	60K-629.98	Đồng Nai
1318	60K-634.18	Đồng Nai	2918	60C-761.29	Đồng Nai	4518	60K-630.19	Đồng Nai
1319	60K-638.58	Đồng Nai	2919	60C-769.36	Đồng Nai	4519	60K-639.38	Đồng Nai
1320	60K-638.96	Đồng Nai	2920	60C-773.28	Đồng Nai	4520	60K-645.36	Đồng Nai
1321	60K-640.19	Đồng Nai	2921	60C-773.85	Đồng Nai	4521	60K-657.08	Đồng Nai
1322	60K-644.38	Đồng Nai	2922	60C-773.95	Đồng Nai	4522	60K-660.15	Đồng Nai
1323	60K-646.16	Đồng Nai	2923	60C-775.95	Đồng Nai	4523	60K-662.58	Đồng Nai
1324	60K-657.16	Đồng Nai	2924	60C-788.96	Đồng Nai	4524	60K-668.56	Đồng Nai
1325	60K-668.28	Đồng Nai	2925	60C-791.65	Đồng Nai	4525	60K-670.25	Đồng Nai
1326	60K-671.98	Đồng Nai	2926	60D-023.06	Đồng Nai	4526	60K-679.19	Đồng Nai
1327	60K-682.25	Đồng Nai	2927	60K-632.95	Đồng Nai	4527	60K-684.35	Đồng Nai
1328	60K-685.96	Đồng Nai	2928	60K-633.28	Đồng Nai	4528	60K-689.58	Đồng Nai
1329	61C-613.65	Bình Dương	2929	60K-639.19	Đồng Nai	4529	60K-699.08	Đồng Nai
1330	61C-640.09	Bình Dương	2930	60K-646.26	Đồng Nai	4530	61B-045.08	Bình Dương
1331	61C-641.28	Bình Dương	2931	60K-647.06	Đồng Nai	4531	61C-616.38	Bình Dương
1332	61C-642.85	Bình Dương	2932	60K-650.08	Đồng Nai	4532	61C-621.83	Bình Dương
1333	61C-643.08	Bình Dương	2933	60K-654.06	Đồng Nai	4533	61C-622.06	Bình Dương
1334	61D-025.83	Bình Dương	2934	60K-657.25	Đồng Nai	4534	61C-629.16	Bình Dương
1335	61K-522.06	Bình Dương	2935	60K-671.56	Đồng Nai	4535	61C-634.19	Bình Dương
1336	61K-525.95	Bình Dương	2936	60K-680.15	Đồng Nai	4536	61C-641.36	Bình Dương
1337	61K-527.26	Bình Dương	2937	60K-700.38	Đồng Nai	4537	61C-642.18	Bình Dương
1338	61K-531.36	Bình Dương	2938	60K-702.38	Đồng Nai	4538	61C-643.18	Bình Dương
1339	61K-547.19	Bình Dương	2939	61B-045.38	Bình Dương	4539	61D-024.35	Bình Dương
1340	61K-547.63	Bình Dương	2940	61B-047.19	Bình Dương	4540	61K-518.96	Bình Dương
1341	61K-550.35	Bình Dương	2941	61C-615.19	Bình Dương	4541	61K-527.96	Bình Dương
1342	61K-556.29	Bình Dương	2942	61C-620.36	Bình Dương	4542	61K-529.65	Bình Dương
1343	61K-565.18	Bình Dương	2943	61C-623.25	Bình Dương	4543	61K-536.58	Bình Dương
1344	61K-566.09	Bình Dương	2944	61C-629.95	Bình Dương	4544	61K-540.36	Bình Dương
1345	61K-569.38	Bình Dương	2945	61C-630.58	Bình Dương	4545	61K-542.38	Bình Dương
1346	61K-571.36	Bình Dương	2946	61C-637.85	Bình Dương	4546	61K-551.09	Bình Dương
1347	61K-572.56	Bình Dương	2947	61C-640.06	Bình Dương	4547	61K-560.08	Bình Dương
1348	61K-573.25	Bình Dương	2948	61C-642.29	Bình Dương	4548	61K-567.15	Bình Dương
1349	61K-592.09	Bình Dương	2949	61C-643.96	Bình Dương	4549	61K-567.19	Bình Dương
1350	62A-472.58	Long An	2950	61D-023.08	Bình Dương	4550	61K-575.38	Bình Dương

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1351	62A-473.95	Long An	2951	61K-534.18	Bình Dương	4551	61K-576.25	Bình Dương
1352	62A-473.96	Long An	2952	61K-538.56	Bình Dương	4552	61K-581.38	Bình Dương
1353	62A-476.26	Long An	2953	61K-540.83	Bình Dương	4553	61K-592.15	Bình Dương
1354	62A-478.35	Long An	2954	61K-541.16	Bình Dương	4554	61K-596.98	Bình Dương
1355	62A-481.19	Long An	2955	61K-547.06	Bình Dương	4555	61K-599.56	Bình Dương
1356	62A-486.36	Long An	2956	61K-549.56	Bình Dương	4556	62A-474.25	Long An
1357	62B-031.36	Long An	2957	61K-557.85	Bình Dương	4557	62A-477.58	Long An
1358	62C-221.09	Long An	2958	61K-565.09	Bình Dương	4558	62A-482.18	Long An
1359	62C-223.25	Long An	2959	61K-566.83	Bình Dương	4559	62A-490.29	Long An
1360	62C-223.96	Long An	2960	61K-577.85	Bình Dương	4560	62A-490.85	Long An
1361	62C-224.09	Long An	2961	61K-584.96	Bình Dương	4561	62A-491.18	Long An
1362	62D-015.09	Long An	2962	61K-587.08	Bình Dương	4562	62B-032.25	Long An
1363	62D-018.38	Long An	2963	61K-593.19	Bình Dương	4563	62C-219.09	Long An
1364	63A-326.63	Tiền Giang	2964	61K-597.83	Bình Dương	4564	62C-221.59	Long An
1365	63B-033.59	Tiền Giang	2965	62A-481.35	Long An	4565	62C-224.59	Long An
1366	63B-034.18	Tiền Giang	2966	62A-483.63	Long An	4566	62C-226.25	Long An
1367	63C-230.98	Tiền Giang	2967	62A-493.35	Long An	4567	63A-326.95	Tiền Giang
1368	63C-233.38	Tiền Giang	2968	62C-226.19	Long An	4568	63A-327.58	Tiền Giang
1369	63C-238.09	Tiền Giang	2969	62D-014.59	Long An	4569	63A-331.35	Tiền Giang
1370	63D-012.26	Tiền Giang	2970	63A-326.09	Tiền Giang	4570	63A-337.63	Tiền Giang
1371	63D-013.38	Tiền Giang	2971	63A-326.38	Tiền Giang	4571	63A-341.18	Tiền Giang
1372	64B-017.83	Vĩnh Long	2972	63A-327.29	Tiền Giang	4572	63B-033.36	Tiền Giang
1373	64C-136.25	Vĩnh Long	2973	63A-329.09	Tiền Giang	4573	63C-239.09	Tiền Giang
1374	64D-006.98	Vĩnh Long	2974	63A-330.56	Tiền Giang	4574	63C-240.85	Tiền Giang
1375	64D-007.25	Vĩnh Long	2975	63A-342.06	Tiền Giang	4575	63D-012.06	Tiền Giang
1376	64D-008.19	Vĩnh Long	2976	63C-232.25	Tiền Giang	4576	64A-203.63	Vĩnh Long
1377	64D-009.95	Vĩnh Long	2977	63D-012.19	Tiền Giang	4577	64A-204.15	Vĩnh Long
1378	65A-518.38	Cần Thơ	2978	63D-014.56	Tiền Giang	4578	64A-210.15	Vĩnh Long
1379	65A-520.16	Cần Thơ	2979	64A-207.29	Vĩnh Long	4579	65A-516.63	Cần Thơ
1380	65A-527.98	Cần Thơ	2980	64A-208.29	Vĩnh Long	4580	65A-521.09	Cần Thơ
1381	65A-531.06	Cần Thơ	2981	64A-213.18	Vĩnh Long	4581	65A-526.35	Cần Thơ
1382	65A-532.09	Cần Thơ	2982	64B-016.63	Vĩnh Long	4582	65A-526.96	Cần Thơ
1383	65B-025.83	Cần Thơ	2983	64C-134.38	Vĩnh Long	4583	65A-528.38	Cần Thơ
1384	65C-255.58	Cần Thơ	2984	64C-135.06	Vĩnh Long	4584	65B-026.95	Cần Thơ
1385	65C-277.08	Cần Thơ	2985	64C-135.38	Vĩnh Long	4585	65C-257.06	Cần Thơ
1386	65D-014.28	Cần Thơ	2986	64C-136.58	Vĩnh Long	4586	65C-259.38	Cần Thơ
1387	66A-302.28	Đồng Tháp	2987	65A-521.26	Cần Thơ	4587	66A-309.85	Đồng Tháp
1388	66A-314.85	Đồng Tháp	2988	65A-526.09	Cần Thơ	4588	66A-317.25	Đồng Tháp
1389	66C-183.56	Đồng Tháp	2989	65A-533.95	Cần Thơ	4589	67A-346.18	An Giang
1390	66C-187.83	Đồng Tháp	2990	65A-534.36	Cần Thơ	4590	67A-346.29	An Giang
1391	66C-189.25	Đồng Tháp	2991	65B-025.35	Cần Thơ	4591	67B-030.38	An Giang

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1392	67A-329.15	An Giang	2992	65C-271.38	Cần Thơ	4592	67B-030.98	An Giang
1393	67A-329.28	An Giang	2993	65C-273.36	Cần Thơ	4593	67B-033.08	An Giang
1394	67A-337.06	An Giang	2994	65C-278.19	Cần Thơ	4594	67C-191.08	An Giang
1395	67A-340.16	An Giang	2995	65C-278.36	Cần Thơ	4595	67C-192.95	An Giang
1396	67A-342.06	An Giang	2996	65D-012.29	Cần Thơ	4596	67C-194.28	An Giang
1397	67C-193.65	An Giang	2997	66A-302.16	Đồng Tháp	4597	67C-195.28	An Giang
1398	67C-193.95	An Giang	2998	66C-186.38	Đồng Tháp	4598	67D-009.25	An Giang
1399	68A-374.19	Kiên Giang	2999	67A-332.06	An Giang	4599	68A-365.58	Kiên Giang
1400	68A-375.85	Kiên Giang	3000	67A-334.15	An Giang	4600	68A-369.16	Kiên Giang
1401	68A-377.65	Kiên Giang	3001	67B-034.06	An Giang	4601	68A-371.36	Kiên Giang
1402	68A-379.83	Kiên Giang	3002	67C-189.38	An Giang	4602	68A-374.26	Kiên Giang
1403	68B-035.96	Kiên Giang	3003	67C-190.26	An Giang	4603	68A-377.83	Kiên Giang
1404	68B-036.95	Kiên Giang	3004	67C-191.95	An Giang	4604	68A-378.95	Kiên Giang
1405	68C-184.08	Kiên Giang	3005	67C-193.56	An Giang	4605	68B-034.38	Kiên Giang
1406	69A-170.65	Cà Mau	3006	67C-197.63	An Giang	4606	68D-008.15	Kiên Giang
1407	69D-005.98	Cà Mau	3007	67D-008.85	An Giang	4607	69A-174.83	Cà Mau
1408	70A-598.18	Tây Ninh	3008	68A-372.85	Kiên Giang	4608	70A-587.26	Tây Ninh
1409	70A-602.26	Tây Ninh	3009	68A-379.19	Kiên Giang	4609	70A-587.38	Tây Ninh
1410	70A-613.28	Tây Ninh	3010	68B-034.19	Kiên Giang	4610	70A-591.36	Tây Ninh
1411	70C-216.08	Tây Ninh	3011	68D-008.85	Kiên Giang	4611	70A-594.08	Tây Ninh
1412	71A-214.65	Bến Tre	3012	68D-009.95	Kiên Giang	4612	70A-597.96	Tây Ninh
1413	71A-218.85	Bến Tre	3013	68D-010.09	Kiên Giang	4613	70A-598.83	Tây Ninh
1414	71C-134.19	Bến Tre	3014	69C-105.83	Cà Mau	4614	70A-599.09	Tây Ninh
1415	71D-009.06	Bến Tre	3015	70A-586.19	Tây Ninh	4615	70A-600.26	Tây Ninh
1416	72A-845.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	3016	70A-593.65	Tây Ninh	4616	70A-613.38	Tây Ninh
1417	72A-846.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	3017	70A-604.85	Tây Ninh	4617	70C-217.98	Tây Ninh
1418	72A-849.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	3018	70A-607.19	Tây Ninh	4618	70C-218.15	Tây Ninh
1419	72A-855.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	3019	70A-608.63	Tây Ninh	4619	70D-013.29	Tây Ninh
1420	72A-866.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	3020	70A-613.65	Tây Ninh	4620	71A-212.98	Bến Tre
1421	72A-868.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	3021	71A-214.09	Bến Tre	4621	71A-218.06	Bến Tre
1422	72A-872.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	3022	71A-215.58	Bến Tre	4622	71A-218.25	Bến Tre
1423	72A-877.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	3023	71A-220.08	Bến Tre	4623	71A-218.95	Bến Tre
1424	72A-883.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	3024	71B-023.19	Bến Tre	4624	71A-220.09	Bến Tre
1425	72C-271.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	3025	71B-023.59	Bến Tre	4625	71B-024.56	Bến Tre
1426	72C-277.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	3026	71C-134.58	Bến Tre	4626	71B-026.08	Bến Tre
1427	72C-277.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	3027	71C-134.85	Bến Tre	4627	71C-134.16	Bến Tre
1428	73A-371.85	Quảng Bình	3028	71C-135.08	Bến Tre	4628	71C-137.29	Bến Tre
1429	73A-373.19	Quảng Bình	3029	71C-136.15	Bến Tre	4629	71D-006.15	Bến Tre
1430	73A-377.35	Quảng Bình	3030	72A-845.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	4630	71D-009.59	Bến Tre
1431	73C-194.96	Quảng Bình	3031	72A-846.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	4631	72A-856.26	Bà Rịa - Vũng Tàu
1432	73D-008.85	Quảng Bình	3032	72A-851.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	4632	72A-862.98	Bà Rịa - Vũng Tàu

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1433	74A-283.63	Quảng Trị	3033	72A-861.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	4633	72A-863.15	Bà Rịa - Vũng Tàu
1434	74A-287.16	Quảng Trị	3034	72A-877.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	4634	72A-867.85	Bà Rịa - Vũng Tàu
1435	74B-017.65	Quảng Trị	3035	72A-881.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	4635	72A-868.96	Bà Rịa - Vũng Tàu
1436	74B-019.28	Quảng Trị	3036	72A-882.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	4636	72A-875.16	Bà Rịa - Vũng Tàu
1437	74D-015.95	Quảng Trị	3037	72B-048.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	4637	72A-880.06	Bà Rịa - Vũng Tàu
1438	75A-388.63	Thừa Thiên Huế	3038	72C-265.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	4638	72C-272.25	Bà Rịa - Vũng Tàu
1439	75B-029.63	Thừa Thiên Huế	3039	72C-269.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	4639	72C-273.96	Bà Rịa - Vũng Tàu
1440	75D-009.59	Thừa Thiên Huế	3040	72C-275.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	4640	72C-277.56	Bà Rịa - Vũng Tàu
1441	76A-330.18	Quảng Ngãi	3041	72C-276.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	4641	73A-372.25	Quảng Bình
1442	76A-333.98	Quảng Ngãi	3042	72C-276.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	4642	73A-377.56	Quảng Bình
1443	76A-336.35	Quảng Ngãi	3043	72C-277.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	4643	73A-378.96	Quảng Bình
1444	76B-027.25	Quảng Ngãi	3044	72D-014.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	4644	73A-383.26	Quảng Bình
1445	76C-178.58	Quảng Ngãi	3045	72D-014.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	4645	73C-197.56	Quảng Bình
1446	77A-358.65	Bình Định	3046	72D-015.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	4646	73D-011.35	Quảng Bình
1447	77A-360.56	Bình Định	3047	73A-370.65	Quảng Bình	4647	74A-278.95	Quảng Trị
1448	77A-368.65	Bình Định	3048	73D-011.08	Quảng Bình	4648	74A-282.08	Quảng Trị
1449	77B-040.06	Bình Định	3049	73D-011.28	Quảng Bình	4649	74B-018.85	Quảng Trị
1450	77D-009.28	Bình Định	3050	74A-278.63	Quảng Trị	4650	74C-148.15	Quảng Trị
1451	78A-217.26	Phú Yên	3051	74A-279.25	Quảng Trị	4651	75A-389.85	Thừa Thiên Huế
1452	78A-223.63	Phú Yên	3052	74B-020.25	Quảng Trị	4652	75A-391.38	Thừa Thiên Huế
1453	78B-021.18	Phú Yên	3053	74C-145.65	Quảng Trị	4653	75A-391.59	Thừa Thiên Huế
1454	78B-021.28	Phú Yên	3054	74C-147.36	Quảng Trị	4654	75A-398.06	Thừa Thiên Huế
1455	78C-128.63	Phú Yên	3055	74D-014.36	Quảng Trị	4655	75A-399.26	Thừa Thiên Huế
1456	79A-587.95	Khánh Hòa	3056	74D-015.18	Quảng Trị	4656	75B-030.56	Thừa Thiên Huế
1457	79A-588.16	Khánh Hòa	3057	75A-391.29	Thừa Thiên Huế	4657	76A-326.56	Quảng Ngãi
1458	79A-593.38	Khánh Hòa	3058	75A-393.95	Thừa Thiên Huế	4658	76A-330.63	Quảng Ngãi
1459	79A-594.83	Khánh Hòa	3059	75A-396.16	Thừa Thiên Huế	4659	76A-331.35	Quảng Ngãi
1460	79C-230.28	Khánh Hòa	3060	75A-396.63	Thừa Thiên Huế	4660	76A-335.19	Quảng Ngãi
1461	79C-234.29	Khánh Hòa	3061	75A-399.16	Thừa Thiên Huế	4661	76B-030.08	Quảng Ngãi
1462	79D-011.56	Khánh Hòa	3062	75A-402.25	Thừa Thiên Huế	4662	76D-013.56	Quảng Ngãi
1463	79D-011.63	Khánh Hòa	3063	75C-163.26	Thừa Thiên Huế	4663	77A-356.09	Bình Định
1464	81A-476.36	Gia Lai	3064	75C-163.58	Thừa Thiên Huế	4664	77A-358.28	Bình Định
1465	81A-479.06	Gia Lai	3065	75D-009.98	Thừa Thiên Huế	4665	77A-362.28	Bình Định
1466	81C-283.09	Gia Lai	3066	75D-013.16	Thừa Thiên Huế	4666	77A-368.38	Bình Định
1467	81C-285.59	Gia Lai	3067	76A-335.29	Quảng Ngãi	4667	77C-267.35	Bình Định
1468	81C-288.16	Gia Lai	3068	76B-030.36	Quảng Ngãi	4668	78A-216.28	Phú Yên
1469	81C-294.58	Gia Lai	3069	77A-367.09	Bình Định	4669	78A-221.95	Phú Yên
1470	81C-296.38	Gia Lai	3070	77A-368.28	Bình Định	4670	78A-223.98	Phú Yên
1471	81D-016.06	Gia Lai	3071	77C-266.28	Bình Định	4671	78C-126.29	Phú Yên
1472	82A-161.56	Kon Tum	3072	78A-218.25	Phú Yên	4672	78C-128.25	Phú Yên
1473	82A-161.58	Kon Tum	3073	78A-218.38	Phú Yên	4673	78C-129.35	Phú Yên

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1474	82A-162.65	Kon Tum	3074	78A-224.15	Phú Yên	4674	79A-575.06	Khánh Hòa
1475	82B-021.85	Kon Tum	3075	78B-020.95	Phú Yên	4675	79A-576.96	Khánh Hòa
1476	82C-098.95	Kon Tum	3076	78B-021.36	Phú Yên	4676	79A-579.08	Khánh Hòa
1477	83B-026.56	Sóc Trăng	3077	78B-022.25	Phú Yên	4677	79A-592.18	Khánh Hòa
1478	83C-135.56	Sóc Trăng	3078	79C-229.38	Khánh Hòa	4678	79C-233.06	Khánh Hòa
1479	83D-010.06	Sóc Trăng	3079	79C-232.19	Khánh Hòa	4679	81A-459.08	Gia Lai
1480	83D-010.65	Sóc Trăng	3080	79D-012.63	Khánh Hòa	4680	81A-460.25	Gia Lai
1481	84B-019.59	Trà Vinh	3081	81A-460.18	Gia Lai	4681	81A-463.18	Gia Lai
1482	84B-020.85	Trà Vinh	3082	81A-460.98	Gia Lai	4682	81A-465.06	Gia Lai
1483	84C-128.85	Trà Vinh	3083	81A-471.98	Gia Lai	4683	81A-465.18	Gia Lai
1484	85A-147.06	Ninh Thuận	3084	81A-475.95	Gia Lai	4684	81A-468.58	Gia Lai
1485	85A-147.26	Ninh Thuận	3085	81A-478.26	Gia Lai	4685	81B-029.95	Gia Lai
1486	85A-147.59	Ninh Thuận	3086	81A-478.58	Gia Lai	4686	81C-291.09	Gia Lai
1487	85A-150.98	Ninh Thuận	3087	81B-031.38	Gia Lai	4687	81C-295.16	Gia Lai
1488	85A-152.28	Ninh Thuận	3088	81C-284.63	Gia Lai	4688	81C-295.35	Gia Lai
1489	85C-088.28	Ninh Thuận	3089	81C-286.98	Gia Lai	4689	81D-013.65	Gia Lai
1490	86A-323.19	Bình Thuận	3090	81C-287.38	Gia Lai	4690	82C-098.28	Kon Tum
1491	86A-325.19	Bình Thuận	3091	82D-011.65	Kon Tum	4691	82C-099.18	Kon Tum
1492	88A-787.98	Vĩnh Phúc	3092	83A-195.25	Sóc Trăng	4692	82D-011.83	Kon Tum
1493	88A-793.09	Vĩnh Phúc	3093	83A-196.56	Sóc Trăng	4693	82D-013.83	Kon Tum
1494	88A-801.96	Vĩnh Phúc	3094	83C-134.19	Sóc Trăng	4694	82D-014.63	Kon Tum
1495	88A-809.06	Vĩnh Phúc	3095	83C-135.25	Sóc Trăng	4695	83A-195.18	Sóc Trăng
1496	88A-812.29	Vĩnh Phúc	3096	84A-152.19	Trà Vinh	4696	83C-132.35	Sóc Trăng
1497	88A-817.59	Vĩnh Phúc	3097	84D-005.26	Trà Vinh	4697	83C-132.63	Sóc Trăng
1498	88A-819.38	Vĩnh Phúc	3098	84D-006.85	Trà Vinh	4698	83C-136.06	Sóc Trăng
1499	88A-820.26	Vĩnh Phúc	3099	84D-007.95	Trà Vinh	4699	84A-152.59	Trà Vinh
1500	88A-827.19	Vĩnh Phúc	3100	85A-147.25	Ninh Thuận	4700	84A-153.83	Trà Vinh
1501	88C-311.58	Vĩnh Phúc	3101	85B-015.08	Ninh Thuận	4701	84B-020.56	Trà Vinh
1502	88C-317.38	Vĩnh Phúc	3102	85C-085.38	Ninh Thuận	4702	84B-021.18	Trà Vinh
1503	88C-321.35	Vĩnh Phúc	3103	85C-087.28	Ninh Thuận	4703	84B-022.95	Trà Vinh
1504	88C-325.18	Vĩnh Phúc	3104	85D-009.08	Ninh Thuận	4704	84D-007.83	Trà Vinh
1505	89A-532.09	Hung Yên	3105	86A-324.36	Bình Thuận	4705	85A-151.09	Ninh Thuận
1506	89A-545.36	Hung Yên	3106	86A-332.09	Bình Thuận	4706	85A-153.65	Ninh Thuận
1507	89A-554.25	Hung Yên	3107	86B-026.29	Bình Thuận	4707	85D-006.59	Ninh Thuận
1508	89A-559.18	Hung Yên	3108	86C-212.26	Bình Thuận	4708	85D-008.16	Ninh Thuận
1509	89A-560.26	Hung Yên	3109	86C-212.36	Bình Thuận	4709	86A-323.08	Bình Thuận
1510	89A-563.83	Hung Yên	3110	86C-213.58	Bình Thuận	4710	86A-330.08	Bình Thuận
1511	89A-566.18	Hung Yên	3111	86D-008.06	Bình Thuận	4711	86B-028.35	Bình Thuận
1512	89B-025.28	Hung Yên	3112	88A-791.83	Vĩnh Phúc	4712	86C-209.95	Bình Thuận
1513	89C-345.65	Hung Yên	3113	88A-797.58	Vĩnh Phúc	4713	86C-213.63	Bình Thuận
1514	89C-348.29	Hung Yên	3114	88A-802.38	Vĩnh Phúc	4714	86D-009.83	Bình Thuận



Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1515	89C-352.65	Hung Yên	3115	88A-810.19	Vĩnh Phúc	4715	88A-803.26	Vĩnh Phúc
1516	89C-355.16	Hung Yên	3116	88A-811.36	Vĩnh Phúc	4716	88A-813.19	Vĩnh Phúc
1517	89C-355.36	Hung Yên	3117	88A-812.19	Vĩnh Phúc	4717	88A-820.35	Vĩnh Phúc
1518	89D-023.18	Hung Yên	3118	88A-813.38	Vĩnh Phúc	4718	88A-822.26	Vĩnh Phúc
1519	89D-025.09	Hung Yên	3119	88A-818.16	Vĩnh Phúc	4719	88B-022.18	Vĩnh Phúc
1520	89D-025.15	Hung Yên	3120	88A-825.29	Vĩnh Phúc	4720	88C-310.56	Vĩnh Phúc
1521	90A-292.36	Hà Nam	3121	88B-022.26	Vĩnh Phúc	4721	88C-310.96	Vĩnh Phúc
1522	90A-296.59	Hà Nam	3122	88C-314.18	Vĩnh Phúc	4722	88C-323.95	Vĩnh Phúc
1523	90A-301.06	Hà Nam	3123	88C-316.15	Vĩnh Phúc	4723	88C-325.09	Vĩnh Phúc
1524	90A-301.16	Hà Nam	3124	88C-320.59	Vĩnh Phúc	4724	89A-536.06	Hung Yên
1525	90D-011.18	Hà Nam	3125	88C-322.15	Vĩnh Phúc	4725	89A-544.63	Hung Yên
1526	92A-433.65	Quảng Nam	3126	89A-532.56	Hung Yên	4726	89A-544.85	Hung Yên
1527	92A-435.98	Quảng Nam	3127	89A-539.09	Hung Yên	4727	89A-547.08	Hung Yên
1528	92A-440.63	Quảng Nam	3128	89A-545.83	Hung Yên	4728	89A-548.85	Hung Yên
1529	92A-443.25	Quảng Nam	3129	89A-551.35	Hung Yên	4729	89A-550.25	Hung Yên
1530	92A-444.95	Quảng Nam	3130	89A-552.28	Hung Yên	4730	89A-552.35	Hung Yên
1531	92A-449.98	Quảng Nam	3131	89A-561.35	Hung Yên	4731	89A-553.19	Hung Yên
1532	92C-258.63	Quảng Nam	3132	89B-028.83	Hung Yên	4732	89A-553.38	Hung Yên
1533	92C-259.08	Quảng Nam	3133	89C-348.98	Hung Yên	4733	89A-559.09	Hung Yên
1534	92C-260.58	Quảng Nam	3134	89C-350.09	Hung Yên	4734	89A-563.95	Hung Yên
1535	92D-013.35	Quảng Nam	3135	89C-350.56	Hung Yên	4735	89A-564.58	Hung Yên
1536	92D-013.98	Quảng Nam	3136	89C-354.19	Hung Yên	4736	89A-565.25	Hung Yên
1537	93A-506.65	Bình Phước	3137	89D-026.96	Hung Yên	4737	89A-566.25	Hung Yên
1538	93A-509.08	Bình Phước	3138	90A-288.06	Hà Nam	4738	89B-025.15	Hung Yên
1539	93A-509.95	Bình Phước	3139	90A-291.26	Hà Nam	4739	89B-028.06	Hung Yên
1540	93A-513.35	Bình Phước	3140	90A-292.65	Hà Nam	4740	89C-345.16	Hung Yên
1541	93A-514.36	Bình Phước	3141	90A-300.09	Hà Nam	4741	89C-351.19	Hung Yên
1542	93A-519.38	Bình Phước	3142	90C-155.08	Hà Nam	4742	89C-351.28	Hung Yên
1543	93A-521.15	Bình Phước	3143	92A-433.83	Quảng Nam	4743	89D-026.09	Hung Yên
1544	93A-521.29	Bình Phước	3144	92A-436.35	Quảng Nam	4744	89D-026.29	Hung Yên
1545	93A-523.15	Bình Phước	3145	92A-441.16	Quảng Nam	4745	90A-293.08	Hà Nam
1546	93A-524.95	Bình Phước	3146	92C-260.16	Quảng Nam	4746	90A-293.59	Hà Nam
1547	93C-200.18	Bình Phước	3147	92D-013.16	Quảng Nam	4747	92A-434.16	Quảng Nam
1548	93C-201.16	Bình Phước	3148	93A-515.19	Bình Phước	4748	92A-440.29	Quảng Nam
1549	93C-202.65	Bình Phước	3149	93A-518.08	Bình Phước	4749	92B-039.59	Quảng Nam
1550	93D-009.08	Bình Phước	3150	93A-522.09	Bình Phước	4750	92C-260.63	Quảng Nam
1551	93D-009.56	Bình Phước	3151	93A-524.09	Bình Phước	4751	92C-264.56	Quảng Nam
1552	94A-109.63	Bạc Liêu	3152	93A-524.85	Bình Phước	4752	93A-513.36	Bình Phước
1553	94A-113.18	Bạc Liêu	3153	93B-022.08	Bình Phước	4753	93C-200.85	Bình Phước
1554	94B-016.19	Bạc Liêu	3154	93C-202.19	Bình Phước	4754	93C-201.19	Bình Phước
1555	94C-086.19	Bạc Liêu	3155	93C-202.95	Bình Phước	4755	93C-205.19	Bình Phước

: 4
NG
Ú
' DA
T N
IAN -

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1556	94C-086.58	Bạc Liêu	3156	93D-010.56	Bình Phước	4756	93D-011.19	Bình Phước
1557	94D-008.29	Bạc Liêu	3157	94A-112.38	Bạc Liêu	4757	94A-112.58	Bạc Liêu
1558	95A-141.25	Hậu Giang	3158	94A-114.26	Bạc Liêu	4758	94A-113.38	Bạc Liêu
1559	95B-019.09	Hậu Giang	3159	94B-014.56	Bạc Liêu	4759	94B-014.65	Bạc Liêu
1560	95C-090.58	Hậu Giang	3160	94B-017.36	Bạc Liêu	4760	94B-016.63	Bạc Liêu
1561	95C-091.56	Hậu Giang	3161	94C-087.16	Bạc Liêu	4761	94D-006.63	Bạc Liêu
1562	95C-091.59	Hậu Giang	3162	95A-142.25	Hậu Giang	4762	94D-008.96	Bạc Liêu
1563	95C-093.38	Hậu Giang	3163	95B-017.08	Hậu Giang	4763	95A-137.95	Hậu Giang
1564	95D-024.96	Hậu Giang	3164	95B-018.08	Hậu Giang	4764	95A-138.15	Hậu Giang
1565	95D-027.18	Hậu Giang	3165	95C-091.95	Hậu Giang	4765	95A-142.63	Hậu Giang
1566	97A-098.19	Bắc Kạn	3166	95D-024.83	Hậu Giang	4766	95D-026.06	Hậu Giang
1567	97B-018.15	Bắc Kạn	3167	97C-052.98	Bắc Kạn	4767	97A-096.83	Bắc Kạn
1568	98A-870.36	Bắc Giang	3168	97D-009.98	Bắc Kạn	4768	97A-097.63	Bắc Kạn
1569	98A-873.65	Bắc Giang	3169	98A-863.19	Bắc Giang	4769	97D-010.28	Bắc Kạn
1570	98A-873.98	Bắc Giang	3170	98A-882.38	Bắc Giang	4770	98A-858.98	Bắc Giang
1571	98A-878.08	Bắc Giang	3171	98A-882.85	Bắc Giang	4771	98A-861.25	Bắc Giang
1572	98A-880.28	Bắc Giang	3172	98A-883.58	Bắc Giang	4772	98A-865.63	Bắc Giang
1573	98A-880.38	Bắc Giang	3173	98A-895.15	Bắc Giang	4773	98A-866.15	Bắc Giang
1574	98A-882.95	Bắc Giang	3174	98A-896.28	Bắc Giang	4774	98A-871.06	Bắc Giang
1575	98A-893.63	Bắc Giang	3175	98A-897.36	Bắc Giang	4775	98A-872.96	Bắc Giang
1576	98A-898.25	Bắc Giang	3176	98A-900.83	Bắc Giang	4776	98A-875.36	Bắc Giang
1577	98A-899.19	Bắc Giang	3177	98A-907.19	Bắc Giang	4777	98A-879.16	Bắc Giang
1578	98A-900.19	Bắc Giang	3178	98A-910.06	Bắc Giang	4778	98A-885.28	Bắc Giang
1579	98A-908.98	Bắc Giang	3179	98A-911.16	Bắc Giang	4779	98A-886.98	Bắc Giang
1580	98B-045.18	Bắc Giang	3180	98C-382.59	Bắc Giang	4780	98A-894.25	Bắc Giang
1581	98C-384.09	Bắc Giang	3181	98C-391.29	Bắc Giang	4781	98A-899.58	Bắc Giang
1582	98C-384.16	Bắc Giang	3182	98D-022.95	Bắc Giang	4782	98A-908.65	Bắc Giang
1583	98C-384.25	Bắc Giang	3183	98D-023.18	Bắc Giang	4783	98A-910.98	Bắc Giang
1584	98C-388.65	Bắc Giang	3184	99A-863.35	Bắc Ninh	4784	98A-912.38	Bắc Giang
1585	99A-855.19	Bắc Ninh	3185	99A-876.08	Bắc Ninh	4785	98B-048.09	Bắc Giang
1586	99A-859.29	Bắc Ninh	3186	99A-876.19	Bắc Ninh	4786	98C-377.09	Bắc Giang
1587	99A-867.25	Bắc Ninh	3187	99A-876.26	Bắc Ninh	4787	98C-383.28	Bắc Giang
1588	99A-869.16	Bắc Ninh	3188	99A-878.25	Bắc Ninh	4788	98C-386.16	Bắc Giang
1589	99A-870.96	Bắc Ninh	3189	99A-885.09	Bắc Ninh	4789	98C-393.58	Bắc Giang
1590	99A-871.08	Bắc Ninh	3190	99A-886.98	Bắc Ninh	4790	99A-853.08	Bắc Ninh
1591	99A-871.63	Bắc Ninh	3191	99A-891.83	Bắc Ninh	4791	99A-867.36	Bắc Ninh
1592	99A-874.29	Bắc Ninh	3192	99A-892.58	Bắc Ninh	4792	99A-870.95	Bắc Ninh
1593	99A-882.56	Bắc Ninh	3193	99A-893.63	Bắc Ninh	4793	99A-872.19	Bắc Ninh
1594	99A-886.38	Bắc Ninh	3194	99A-895.26	Bắc Ninh	4794	99A-884.16	Bắc Ninh
1595	99A-892.85	Bắc Ninh	3195	99C-331.96	Bắc Ninh	4795	99C-335.58	Bắc Ninh
1596	99B-031.25	Bắc Ninh	3196	99C-332.06	Bắc Ninh	4796	99C-336.08	Bắc Ninh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1597	99C-330.28	Bắc Ninh	3197	99C-341.85	Bắc Ninh	4797	99C-340.35	Bắc Ninh
1598	99C-332.85	Bắc Ninh	3198	99D-024.56	Bắc Ninh	4798	99C-342.25	Bắc Ninh
1599	99C-334.96	Bắc Ninh	3199	99D-026.16	Bắc Ninh	4799	99C-345.38	Bắc Ninh
1600	99D-025.18	Bắc Ninh	3200	99D-026.59	Bắc Ninh	4800	99D-027.56	Bắc Ninh



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4801	60K-666.68	Đồng Nai	6401	38A-686.66	Hà Tĩnh			
4802	79A-577.77	Khánh Hòa	6402	51L-966.88	Hồ Chí Minh			
4803	20A-868.65	Thái Nguyên	6403	12A-265.55	Lạng Sơn			
4804	20A-899.86	Thái Nguyên	6404	19A-748.88	Phú Thọ			
4805	29K-444.49	Hà Nội	6405	20A-888.78	Thái Nguyên			
4806	30M-045.55	Hà Nội	6406	20A-888.84	Thái Nguyên			
4807	30M-067.89	Hà Nội	6407	35C-179.99	Ninh Bình			
4808	30M-399.66	Hà Nội	6408	38A-711.11	Hà Tĩnh			
4809	36C-555.35	Thanh Hóa	6409	47A-816.66	Đắk Lắk			
4810	38A-679.79	Hà Tĩnh	6410	51L-985.55	Hồ Chí Minh			
4811	38A-685.55	Hà Tĩnh	6411	51M-186.88	Hồ Chí Minh			
4812	47A-825.55	Đắk Lắk	6412	60K-689.99	Đồng Nai			
4813	51M-305.55	Hồ Chí Minh	6413	61K-555.58	Bình Dương			
4814	68C-178.88	Kiên Giang	6414	61K-565.55	Bình Dương			
4815	74A-269.96	Quảng Trị	6415	64A-211.11	Vĩnh Long			
4816	75D-011.11	Thừa Thiên Huế	6416	85C-086.68	Ninh Thuận			
4817	90A-298.88	Hà Nam	6417	97A-096.96	Bắc Kạn			
4818	94A-111.12	Bạc Liêu	6418	99A-888.81	Bắc Ninh			
4819	15K-479.77	Hải Phòng	6419	14A-999.01	Quảng Ninh			
4820	18C-176.66	Nam Định	6420	19A-569.88	Phú Thọ			
4821	20A-889.83	Thái Nguyên	6421	23A-168.66	Hà Giang			
4822	30M-329.29	Hà Nội	6422	30L-134.99	Hà Nội			
4823	34A-929.92	Hải Dương	6423	30M-066.96	Hà Nội			
4824	47A-859.59	Đắk Lắk	6424	30M-202.02	Hà Nội			
4825	51L-184.79	Hồ Chí Minh	6425	30M-208.82	Hà Nội			
4826	51L-856.79	Hồ Chí Minh	6426	30M-237.89	Hà Nội			
4827	51L-969.95	Hồ Chí Minh	6427	30M-338.89	Hà Nội			
4828	51M-199.79	Hồ Chí Minh	6428	37K-362.86	Nghệ An			
4829	60C-788.98	Đồng Nai	6429	43A-966.65	Đà Nẵng			
4830	60K-699.63	Đồng Nai	6430	47A-719.19	Đắk Lắk			
4831	61K-588.86	Bình Dương	6431	49C-389.88	Lâm Đồng			
4832	62C-222.28	Long An	6432	51L-670.00	Hồ Chí Minh			
4833	65A-456.89	Cần Thơ	6433	51L-686.81	Hồ Chí Minh			
4834	66C-188.86	Đồng Tháp	6434	51L-988.95	Hồ Chí Minh			
4835	68A-355.58	Kiên Giang	6435	51L-996.95	Hồ Chí Minh			
4836	72A-869.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	6436	51N-001.79	Hồ Chí Minh			
4837	75A-398.98	Thừa Thiên Huế	6437	51N-093.93	Hồ Chí Minh			
4838	78A-188.83	Phú Yên	6438	51N-155.88	Hồ Chí Minh			
4839	89A-551.66	Hưng Yên	6439	60C-789.98	Đồng Nai			
4840	90A-299.98	Hà Nam	6440	61K-577.79	Bình Dương			
4841	94A-113.13	Bạc Liêu	6441	65A-413.31	Cần Thơ			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4842	98C-397.77	Bắc Giang	6442	79A-585.68	Khánh Hòa			
4843	99A-877.78	Bắc Ninh	6443	85C-088.66	Ninh Thuận			
4844	99A-885.83	Bắc Ninh	6444	99C-345.69	Bắc Ninh			
4845	30M-036.77	Hà Nội	6445	30M-033.11	Hà Nội			
4846	30M-041.00	Hà Nội	6446	30M-047.04	Hà Nội			
4847	30M-043.88	Hà Nội	6447	30M-051.39	Hà Nội			
4848	30M-050.99	Hà Nội	6448	30M-062.11	Hà Nội			
4849	30M-051.44	Hà Nội	6449	30M-064.66	Hà Nội			
4850	30M-054.68	Hà Nội	6450	30M-067.39	Hà Nội			
4851	30M-062.89	Hà Nội	6451	30M-070.39	Hà Nội			
4852	30M-064.11	Hà Nội	6452	30M-071.39	Hà Nội			
4853	30M-085.89	Hà Nội	6453	30M-073.68	Hà Nội			
4854	30M-087.69	Hà Nội	6454	30M-073.89	Hà Nội			
4855	30M-096.89	Hà Nội	6455	30M-085.88	Hà Nội			
4856	30M-106.99	Hà Nội	6456	30M-086.99	Hà Nội			
4857	30M-111.44	Hà Nội	6457	30M-092.66	Hà Nội			
4858	30M-112.79	Hà Nội	6458	30M-094.44	Hà Nội			
4859	30M-113.00	Hà Nội	6459	30M-094.86	Hà Nội			
4860	30M-122.55	Hà Nội	6460	30M-101.86	Hà Nội			
4861	30M-130.13	Hà Nội	6461	30M-103.30	Hà Nội			
4862	30M-132.39	Hà Nội	6462	30M-106.11	Hà Nội			
4863	30M-134.68	Hà Nội	6463	30M-113.22	Hà Nội			
4864	30M-146.33	Hà Nội	6464	30M-116.44	Hà Nội			
4865	30M-148.79	Hà Nội	6465	30M-122.66	Hà Nội			
4866	30M-156.22	Hà Nội	6466	30M-128.21	Hà Nội			
4867	30M-159.69	Hà Nội	6467	30M-132.99	Hà Nội			
4868	30M-159.89	Hà Nội	6468	30M-135.44	Hà Nội			
4869	30M-161.86	Hà Nội	6469	30M-137.68	Hà Nội			
4870	30M-162.16	Hà Nội	6470	30M-147.74	Hà Nội			
4871	30M-171.44	Hà Nội	6471	30M-148.11	Hà Nội			
4872	30M-173.44	Hà Nội	6472	30M-151.51	Hà Nội			
4873	30M-174.86	Hà Nội	6473	30M-168.44	Hà Nội			
4874	30M-175.77	Hà Nội	6474	30M-178.78	Hà Nội			
4875	30M-201.55	Hà Nội	6475	30M-179.96	Hà Nội			
4876	30M-203.11	Hà Nội	6476	30M-182.89	Hà Nội			
4877	30M-211.00	Hà Nội	6477	30M-183.00	Hà Nội			
4878	30M-217.99	Hà Nội	6478	30M-186.69	Hà Nội			
4879	30M-228.33	Hà Nội	6479	30M-195.66	Hà Nội			
4880	30M-229.77	Hà Nội	6480	30M-201.89	Hà Nội			
4881	30M-235.66	Hà Nội	6481	30M-209.20	Hà Nội			
4882	30M-241.39	Hà Nội	6482	30M-212.66	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4883	30M-246.11	Hà Nội	6483	30M-217.00	Hà Nội			
4884	30M-248.39	Hà Nội	6484	30M-217.89	Hà Nội			
4885	30M-254.45	Hà Nội	6485	30M-233.77	Hà Nội			
4886	30M-255.25	Hà Nội	6486	30M-242.89	Hà Nội			
4887	30M-257.00	Hà Nội	6487	30M-251.33	Hà Nội			
4888	30M-269.68	Hà Nội	6488	30M-257.11	Hà Nội			
4889	30M-271.86	Hà Nội	6489	30M-257.99	Hà Nội			
4890	30M-274.99	Hà Nội	6490	30M-272.55	Hà Nội			
4891	30M-277.69	Hà Nội	6491	30M-289.66	Hà Nội			
4892	30M-285.99	Hà Nội	6492	30M-295.88	Hà Nội			
4893	30M-292.00	Hà Nội	6493	30M-296.22	Hà Nội			
4894	30M-299.33	Hà Nội	6494	30M-302.88	Hà Nội			
4895	30M-300.79	Hà Nội	6495	30M-313.44	Hà Nội			
4896	30M-306.69	Hà Nội	6496	30M-315.33	Hà Nội			
4897	30M-310.79	Hà Nội	6497	30M-316.61	Hà Nội			
4898	30M-315.15	Hà Nội	6498	30M-317.22	Hà Nội			
4899	30M-317.17	Hà Nội	6499	30M-328.29	Hà Nội			
4900	30M-318.13	Hà Nội	6500	30M-335.89	Hà Nội			
4901	30M-320.44	Hà Nội	6501	30M-336.22	Hà Nội			
4902	30M-322.39	Hà Nội	6502	30M-342.11	Hà Nội			
4903	30M-333.06	Hà Nội	6503	30M-342.77	Hà Nội			
4904	30M-336.77	Hà Nội	6504	30M-347.69	Hà Nội			
4905	30M-340.43	Hà Nội	6505	30M-348.66	Hà Nội			
4906	30M-344.88	Hà Nội	6506	30M-349.94	Hà Nội			
4907	30M-350.69	Hà Nội	6507	30M-357.55	Hà Nội			
4908	30M-360.60	Hà Nội	6508	30M-359.33	Hà Nội			
4909	30M-362.26	Hà Nội	6509	30M-359.66	Hà Nội			
4910	30M-364.66	Hà Nội	6510	30M-360.69	Hà Nội			
4911	30M-366.22	Hà Nội	6511	30M-363.44	Hà Nội			
4912	30M-385.77	Hà Nội	6512	30M-366.67	Hà Nội			
4913	30M-387.38	Hà Nội	6513	30M-378.55	Hà Nội			
4914	30M-396.22	Hà Nội	6514	30M-397.89	Hà Nội			
4915	30M-403.33	Hà Nội	6515	30M-411.22	Hà Nội			
4916	30M-406.22	Hà Nội	6516	30M-413.33	Hà Nội			
4917	30M-408.33	Hà Nội	6517	30M-417.33	Hà Nội			
4918	30M-408.44	Hà Nội	6518	30M-420.22	Hà Nội			
4919	51L-898.77	Hồ Chí Minh	6519	51L-900.44	Hồ Chí Minh			
4920	51L-906.79	Hồ Chí Minh	6520	51L-900.69	Hồ Chí Minh			
4921	51L-906.89	Hồ Chí Minh	6521	51L-911.69	Hồ Chí Minh			
4922	51L-927.68	Hồ Chí Minh	6522	51L-917.66	Hồ Chí Minh			
4923	51L-930.30	Hồ Chí Minh	6523	51L-923.69	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4924	51L-932.88	Hồ Chí Minh	6524	51L-931.86	Hồ Chí Minh			
4925	51L-940.44	Hồ Chí Minh	6525	51L-940.99	Hồ Chí Minh			
4926	51L-941.49	Hồ Chí Minh	6526	51L-948.00	Hồ Chí Minh			
4927	51L-949.66	Hồ Chí Minh	6527	51L-951.95	Hồ Chí Minh			
4928	51L-952.77	Hồ Chí Minh	6528	51L-954.45	Hồ Chí Minh			
4929	51L-954.79	Hồ Chí Minh	6529	51L-957.44	Hồ Chí Minh			
4930	51L-956.95	Hồ Chí Minh	6530	51L-958.99	Hồ Chí Minh			
4931	51L-962.66	Hồ Chí Minh	6531	51L-962.00	Hồ Chí Minh			
4932	51L-965.00	Hồ Chí Minh	6532	51L-962.63	Hồ Chí Minh			
4933	51L-965.65	Hồ Chí Minh	6533	51L-963.00	Hồ Chí Minh			
4934	51L-993.89	Hồ Chí Minh	6534	51L-970.79	Hồ Chí Minh			
4935	51L-997.00	Hồ Chí Minh	6535	51L-970.86	Hồ Chí Minh			
4936	51L-999.57	Hồ Chí Minh	6536	51L-974.79	Hồ Chí Minh			
4937	51M-054.00	Hồ Chí Minh	6537	51L-974.88	Hồ Chí Minh			
4938	51M-060.79	Hồ Chí Minh	6538	51L-991.88	Hồ Chí Minh			
4939	51M-061.86	Hồ Chí Minh	6539	51L-995.22	Hồ Chí Minh			
4940	51M-071.17	Hồ Chí Minh	6540	51M-053.68	Hồ Chí Minh			
4941	51M-073.00	Hồ Chí Minh	6541	51M-061.55	Hồ Chí Minh			
4942	51M-073.68	Hồ Chí Minh	6542	51M-076.11	Hồ Chí Minh			
4943	51M-080.80	Hồ Chí Minh	6543	51M-091.19	Hồ Chí Minh			
4944	51M-081.82	Hồ Chí Minh	6544	51M-093.94	Hồ Chí Minh			
4945	51M-087.39	Hồ Chí Minh	6545	51M-095.39	Hồ Chí Minh			
4946	51M-087.68	Hồ Chí Minh	6546	51M-103.22	Hồ Chí Minh			
4947	51M-092.44	Hồ Chí Minh	6547	51M-106.06	Hồ Chí Minh			
4948	51M-093.90	Hồ Chí Minh	6548	51M-106.44	Hồ Chí Minh			
4949	51M-094.22	Hồ Chí Minh	6549	51M-129.33	Hồ Chí Minh			
4950	51M-101.88	Hồ Chí Minh	6550	51M-134.66	Hồ Chí Minh			
4951	51M-103.66	Hồ Chí Minh	6551	51M-148.84	Hồ Chí Minh			
4952	51M-107.33	Hồ Chí Minh	6552	51M-150.51	Hồ Chí Minh			
4953	51M-108.09	Hồ Chí Minh	6553	51M-153.22	Hồ Chí Minh			
4954	51M-109.39	Hồ Chí Minh	6554	51M-168.00	Hồ Chí Minh			
4955	51M-116.89	Hồ Chí Minh	6555	51M-168.33	Hồ Chí Minh			
4956	51M-122.23	Hồ Chí Minh	6556	51M-169.77	Hồ Chí Minh			
4957	51M-129.00	Hồ Chí Minh	6557	51M-170.70	Hồ Chí Minh			
4958	51M-129.22	Hồ Chí Minh	6558	51M-185.58	Hồ Chí Minh			
4959	51M-133.11	Hồ Chí Minh	6559	51M-187.86	Hồ Chí Minh			
4960	51M-139.33	Hồ Chí Minh	6560	51M-211.68	Hồ Chí Minh			
4961	51M-139.77	Hồ Chí Minh	6561	51M-219.21	Hồ Chí Minh			
4962	51M-144.68	Hồ Chí Minh	6562	51M-226.44	Hồ Chí Minh			
4963	51M-150.88	Hồ Chí Minh	6563	51M-239.66	Hồ Chí Minh			
4964	51M-155.00	Hồ Chí Minh	6564	51M-243.33	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4965	51M-155.79	Hồ Chí Minh	6565	51M-248.33	Hồ Chí Minh			
4966	51M-159.22	Hồ Chí Minh	6566	51M-253.66	Hồ Chí Minh			
4967	51M-170.44	Hồ Chí Minh	6567	51M-255.99	Hồ Chí Minh			
4968	51M-172.71	Hồ Chí Minh	6568	51M-258.25	Hồ Chí Minh			
4969	51M-173.69	Hồ Chí Minh	6569	51M-260.11	Hồ Chí Minh			
4970	51M-173.74	Hồ Chí Minh	6570	51M-269.26	Hồ Chí Minh			
4971	51M-176.77	Hồ Chí Minh	6571	51M-270.72	Hồ Chí Minh			
4972	51M-186.79	Hồ Chí Minh	6572	51M-281.86	Hồ Chí Minh			
4973	51M-190.11	Hồ Chí Minh	6573	51M-286.44	Hồ Chí Minh			
4974	51M-192.89	Hồ Chí Minh	6574	51M-290.89	Hồ Chí Minh			
4975	51M-196.22	Hồ Chí Minh	6575	51M-291.68	Hồ Chí Minh			
4976	51M-196.55	Hồ Chí Minh	6576	51M-298.11	Hồ Chí Minh			
4977	51M-198.00	Hồ Chí Minh	6577	51M-307.22	Hồ Chí Minh			
4978	51M-200.55	Hồ Chí Minh	6578	51M-309.03	Hồ Chí Minh			
4979	51M-204.88	Hồ Chí Minh	6579	51M-309.69	Hồ Chí Minh			
4980	51M-209.33	Hồ Chí Minh	6580	51N-008.79	Hồ Chí Minh			
4981	51M-213.39	Hồ Chí Minh	6581	51N-009.90	Hồ Chí Minh			
4982	51M-218.66	Hồ Chí Minh	6582	51N-019.88	Hồ Chí Minh			
4983	51M-219.11	Hồ Chí Minh	6583	51N-022.39	Hồ Chí Minh			
4984	51M-222.77	Hồ Chí Minh	6584	51N-043.88	Hồ Chí Minh			
4985	51M-234.43	Hồ Chí Minh	6585	51N-046.79	Hồ Chí Minh			
4986	51M-239.96	Hồ Chí Minh	6586	51N-047.47	Hồ Chí Minh			
4987	51M-241.86	Hồ Chí Minh	6587	51N-051.50	Hồ Chí Minh			
4988	51M-244.77	Hồ Chí Minh	6588	51N-064.65	Hồ Chí Minh			
4989	51M-245.89	Hồ Chí Minh	6589	51N-066.67	Hồ Chí Minh			
4990	51M-269.68	Hồ Chí Minh	6590	51N-072.77	Hồ Chí Minh			
4991	51M-271.44	Hồ Chí Minh	6591	51N-076.76	Hồ Chí Minh			
4992	51M-276.68	Hồ Chí Minh	6592	51N-078.44	Hồ Chí Minh			
4993	51M-277.66	Hồ Chí Minh	6593	51N-081.00	Hồ Chí Minh			
4994	51M-284.00	Hồ Chí Minh	6594	51N-093.09	Hồ Chí Minh			
4995	51M-285.44	Hồ Chí Minh	6595	51N-100.55	Hồ Chí Minh			
4996	51M-286.28	Hồ Chí Minh	6596	51N-102.00	Hồ Chí Minh			
4997	51M-301.69	Hồ Chí Minh	6597	51N-106.11	Hồ Chí Minh			
4998	51M-305.22	Hồ Chí Minh	6598	51N-106.77	Hồ Chí Minh			
4999	51M-311.44	Hồ Chí Minh	6599	51N-106.88	Hồ Chí Minh			
5000	51N-007.55	Hồ Chí Minh	6600	51N-111.89	Hồ Chí Minh			
5001	51N-012.99	Hồ Chí Minh	6601	51N-112.55	Hồ Chí Minh			
5002	51N-017.88	Hồ Chí Minh	6602	51N-116.44	Hồ Chí Minh			
5003	51N-026.00	Hồ Chí Minh	6603	51N-137.38	Hồ Chí Minh			
5004	51N-031.86	Hồ Chí Minh	6604	51N-140.22	Hồ Chí Minh			
5005	51N-035.03	Hồ Chí Minh	6605	51N-141.14	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5006	51N-048.68	Hồ Chí Minh	6606	51N-142.33	Hồ Chí Minh			
5007	51N-056.39	Hồ Chí Minh	6607	51N-154.39	Hồ Chí Minh			
5008	51N-059.69	Hồ Chí Minh	6608	51N-156.11	Hồ Chí Minh			
5009	51N-075.88	Hồ Chí Minh	6609	11A-137.00	Cao Bằng			
5010	51N-081.66	Hồ Chí Minh	6610	11B-013.68	Cao Bằng			
5011	51N-094.11	Hồ Chí Minh	6611	12A-263.79	Lạng Sơn			
5012	51N-103.39	Hồ Chí Minh	6612	12A-267.22	Lạng Sơn			
5013	51N-105.66	Hồ Chí Minh	6613	12D-008.11	Lạng Sơn			
5014	51N-105.88	Hồ Chí Minh	6614	14B-053.05	Quảng Ninh			
5015	51N-108.01	Hồ Chí Minh	6615	14C-462.63	Quảng Ninh			
5016	51N-114.00	Hồ Chí Minh	6616	14D-029.33	Quảng Ninh			
5017	51N-132.89	Hồ Chí Minh	6617	14D-031.99	Quảng Ninh			
5018	51N-134.86	Hồ Chí Minh	6618	14D-032.68	Quảng Ninh			
5019	51N-146.39	Hồ Chí Minh	6619	14K-007.66	Quảng Ninh			
5020	51N-146.99	Hồ Chí Minh	6620	14K-011.12	Quảng Ninh			
5021	11B-017.33	Cao Bằng	6621	14K-015.15	Quảng Ninh			
5022	11D-009.86	Cao Bằng	6622	14K-032.69	Quảng Ninh			
5023	12A-269.62	Lạng Sơn	6623	14K-042.89	Quảng Ninh			
5024	12C-140.00	Lạng Sơn	6624	14K-044.00	Quảng Ninh			
5025	12C-142.33	Lạng Sơn	6625	15B-057.57	Hải Phòng			
5026	12C-142.68	Lạng Sơn	6626	15C-481.77	Hải Phòng			
5027	14A-991.55	Quảng Ninh	6627	15C-487.88	Hải Phòng			
5028	14B-052.88	Quảng Ninh	6628	15C-493.22	Hải Phòng			
5029	14C-457.22	Quảng Ninh	6629	15C-493.33	Hải Phòng			
5030	14C-458.11	Quảng Ninh	6630	15C-494.22	Hải Phòng			
5031	14C-465.33	Quảng Ninh	6631	15C-496.55	Hải Phòng			
5032	14K-001.39	Quảng Ninh	6632	15K-428.68	Hải Phòng			
5033	14K-001.69	Quảng Ninh	6633	15K-429.29	Hải Phòng			
5034	14K-004.69	Quảng Ninh	6634	15K-430.86	Hải Phòng			
5035	14K-012.00	Quảng Ninh	6635	15K-431.11	Hải Phòng			
5036	14K-014.00	Quảng Ninh	6636	15K-438.83	Hải Phòng			
5037	14K-021.68	Quảng Ninh	6637	15K-444.86	Hải Phòng			
5038	14K-024.44	Quảng Ninh	6638	15K-445.69	Hải Phòng			
5039	14K-026.68	Quảng Ninh	6639	15K-451.69	Hải Phòng			
5040	14K-027.79	Quảng Ninh	6640	15K-454.69	Hải Phòng			
5041	14K-040.22	Quảng Ninh	6641	15K-459.44	Hải Phòng			
5042	14K-042.24	Quảng Ninh	6642	15K-464.99	Hải Phòng			
5043	14K-043.55	Quảng Ninh	6643	15K-475.89	Hải Phòng			
5044	14K-047.40	Quảng Ninh	6644	15K-485.68	Hải Phòng			
5045	14K-048.79	Quảng Ninh	6645	15K-493.22	Hải Phòng			
5046	15B-058.68	Hải Phòng	6646	15K-493.66	Hải Phòng			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5047	15C-483.48	Hải Phòng	6647	15K-495.44	Hải Phòng			
5048	15C-492.77	Hải Phòng	6648	15K-503.99	Hải Phòng			
5049	15D-054.45	Hải Phòng	6649	15K-506.99	Hải Phòng			
5050	15D-054.68	Hải Phòng	6650	17A-502.79	Thái Bình			
5051	15K-425.66	Hải Phòng	6651	17A-508.50	Thái Bình			
5052	15K-427.33	Hải Phòng	6652	17A-509.89	Thái Bình			
5053	15K-429.42	Hải Phòng	6653	17A-512.69	Thái Bình			
5054	15K-436.55	Hải Phòng	6654	17B-029.55	Thái Bình			
5055	15K-437.79	Hải Phòng	6655	17B-031.00	Thái Bình			
5056	15K-438.43	Hải Phòng	6656	17B-031.99	Thái Bình			
5057	15K-444.33	Hải Phòng	6657	17C-216.44	Thái Bình			
5058	15K-447.79	Hải Phòng	6658	17C-216.66	Thái Bình			
5059	15K-454.88	Hải Phòng	6659	17C-217.22	Thái Bình			
5060	15K-455.39	Hải Phòng	6660	17D-016.77	Thái Bình			
5061	15K-459.96	Hải Phòng	6661	18A-493.44	Nam Định			
5062	15K-465.46	Hải Phòng	6662	18A-499.44	Nam Định			
5063	15K-471.88	Hải Phòng	6663	18A-504.66	Nam Định			
5064	15K-474.66	Hải Phòng	6664	18A-507.50	Nam Định			
5065	15K-499.69	Hải Phòng	6665	18A-509.44	Nam Định			
5066	15K-506.79	Hải Phòng	6666	18C-181.66	Nam Định			
5067	15K-508.00	Hải Phòng	6667	18C-182.82	Nam Định			
5068	17A-494.69	Thái Bình	6668	19A-720.44	Phú Thọ			
5069	17A-496.22	Thái Bình	6669	19A-731.00	Phú Thọ			
5070	17A-499.22	Thái Bình	6670	19A-737.73	Phú Thọ			
5071	17A-504.39	Thái Bình	6671	19A-737.77	Phú Thọ			
5072	17C-218.55	Thái Bình	6672	19A-741.99	Phú Thọ			
5073	17C-219.88	Thái Bình	6673	19A-748.74	Phú Thọ			
5074	17C-223.33	Thái Bình	6674	19C-266.44	Phú Thọ			
5075	17D-014.11	Thái Bình	6675	19C-270.00	Phú Thọ			
5076	18A-493.99	Nam Định	6676	19C-270.44	Phú Thọ			
5077	18A-494.89	Nam Định	6677	19C-280.86	Phú Thọ			
5078	18A-495.69	Nam Định	6678	20A-866.39	Thái Nguyên			
5079	18A-501.00	Nam Định	6679	20A-872.77	Thái Nguyên			
5080	18B-032.22	Nam Định	6680	20A-877.89	Thái Nguyên			
5081	18C-178.17	Nam Định	6681	20A-887.88	Thái Nguyên			
5082	18C-180.33	Nam Định	6682	20A-888.17	Thái Nguyên			
5083	18D-016.88	Nam Định	6683	20A-892.39	Thái Nguyên			
5084	18D-017.33	Nam Định	6684	20A-894.95	Thái Nguyên			
5085	19A-717.22	Phú Thọ	6685	20A-898.11	Thái Nguyên			
5086	19A-720.68	Phú Thọ	6686	20A-899.33	Thái Nguyên			
5087	19A-723.44	Phú Thọ	6687	20A-905.00	Thái Nguyên			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5088	19A-736.44	Phú Thọ	6688	20A-906.06	Thái Nguyên			
5089	19A-737.39	Phú Thọ	6689	20A-906.07	Thái Nguyên			
5090	19A-744.89	Phú Thọ	6690	20A-906.79	Thái Nguyên			
5091	19A-746.22	Phú Thọ	6691	20B-038.33	Thái Nguyên			
5092	19B-029.89	Phú Thọ	6692	20C-319.79	Thái Nguyên			
5093	19C-267.39	Phú Thọ	6693	20D-032.33	Thái Nguyên			
5094	19C-270.88	Phú Thọ	6694	21A-229.29	Yên Bái			
5095	19C-275.66	Phú Thọ	6695	21C-111.67	Yên Bái			
5096	19C-279.55	Phú Thọ	6696	22A-271.27	Tuyên Quang			
5097	20A-861.68	Thái Nguyên	6697	22A-273.77	Tuyên Quang			
5098	20A-864.68	Thái Nguyên	6698	22A-281.18	Tuyên Quang			
5099	20A-866.77	Thái Nguyên	6699	22A-281.44	Tuyên Quang			
5100	20A-896.98	Thái Nguyên	6700	22A-282.77	Tuyên Quang			
5101	20A-897.55	Thái Nguyên	6701	22D-010.33	Tuyên Quang			
5102	20B-036.63	Thái Nguyên	6702	23A-164.39	Hà Giang			
5103	20C-310.10	Thái Nguyên	6703	23A-164.99	Hà Giang			
5104	20C-314.13	Thái Nguyên	6704	23A-168.00	Hà Giang			
5105	20C-317.68	Thái Nguyên	6705	23B-012.13	Hà Giang			
5106	20D-033.03	Thái Nguyên	6706	23B-013.86	Hà Giang			
5107	21A-223.79	Yên Bái	6707	23B-014.69	Hà Giang			
5108	21A-224.69	Yên Bái	6708	23C-090.79	Hà Giang			
5109	21A-228.79	Yên Bái	6709	23C-092.68	Hà Giang			
5110	21A-231.00	Yên Bái	6710	23C-092.90	Hà Giang			
5111	21D-008.39	Yên Bái	6711	23C-093.69	Hà Giang			
5112	22A-273.27	Tuyên Quang	6712	23D-010.89	Hà Giang			
5113	22A-280.00	Tuyên Quang	6713	24A-317.31	Lào Cai			
5114	22A-282.55	Tuyên Quang	6714	24A-320.99	Lào Cai			
5115	22B-018.55	Tuyên Quang	6715	24A-324.42	Lào Cai			
5116	22C-114.44	Tuyên Quang	6716	24C-167.67	Lào Cai			
5117	22D-009.88	Tuyên Quang	6717	24C-171.66	Lào Cai			
5118	22D-013.00	Tuyên Quang	6718	25A-084.85	Lai Châu			
5119	23A-167.86	Hà Giang	6719	25A-085.99	Lai Châu			
5120	23B-014.10	Hà Giang	6720	25B-008.80	Lai Châu			
5121	23C-091.00	Hà Giang	6721	25B-009.99	Lai Châu			
5122	23D-009.86	Hà Giang	6722	25C-062.66	Lai Châu			
5123	24A-321.79	Lào Cai	6723	26A-242.11	Sơn La			
5124	24A-325.25	Lào Cai	6724	26B-019.98	Sơn La			
5125	24C-165.79	Lào Cai	6725	26C-163.79	Sơn La			
5126	24C-166.39	Lào Cai	6726	26C-164.39	Sơn La			
5127	24C-168.55	Lào Cai	6727	26D-014.55	Sơn La			
5128	24D-011.33	Lào Cai	6728	27A-130.44	Điện Biên			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5129	25B-008.44	Lai Châu	6729	27A-133.31	Điện Biên			
5130	26A-235.39	Sơn La	6730	27A-133.68	Điện Biên			
5131	26A-235.86	Sơn La	6731	27C-075.22	Điện Biên			
5132	26A-237.69	Sơn La	6732	28A-261.88	Hòa Bình			
5133	26A-240.44	Sơn La	6733	28A-262.63	Hòa Bình			
5134	26A-240.79	Sơn La	6734	28D-012.79	Hòa Bình			
5135	26A-241.42	Sơn La	6735	29K-326.89	Hà Nội			
5136	26B-021.39	Sơn La	6736	29K-333.67	Hà Nội			
5137	26C-163.44	Sơn La	6737	29K-336.00	Hà Nội			
5138	26C-163.55	Sơn La	6738	29K-355.56	Hà Nội			
5139	26C-164.46	Sơn La	6739	29K-356.55	Hà Nội			
5140	26C-166.79	Sơn La	6740	29K-360.33	Hà Nội			
5141	26C-169.55	Sơn La	6741	29K-361.63	Hà Nội			
5142	26D-013.88	Sơn La	6742	29K-361.68	Hà Nội			
5143	27A-134.88	Điện Biên	6743	29K-362.22	Hà Nội			
5144	27A-134.99	Điện Biên	6744	29K-364.55	Hà Nội			
5145	27D-007.55	Điện Biên	6745	29K-378.00	Hà Nội			
5146	28B-019.22	Hòa Bình	6746	29K-391.55	Hà Nội			
5147	28B-020.44	Hòa Bình	6747	29K-396.89	Hà Nội			
5148	28C-123.11	Hòa Bình	6748	29K-397.44	Hà Nội			
5149	28D-013.14	Hòa Bình	6749	29K-400.33	Hà Nội			
5150	29B-658.85	Hà Nội	6750	29K-411.44	Hà Nội			
5151	29D-627.22	Hà Nội	6751	29K-414.33	Hà Nội			
5152	29D-630.66	Hà Nội	6752	29K-422.69	Hà Nội			
5153	29D-631.66	Hà Nội	6753	29K-422.77	Hà Nội			
5154	29D-632.79	Hà Nội	6754	29K-424.79	Hà Nội			
5155	29D-640.68	Hà Nội	6755	29K-425.39	Hà Nội			
5156	29K-326.68	Hà Nội	6756	29K-427.66	Hà Nội			
5157	29K-333.78	Hà Nội	6757	29K-441.69	Hà Nội			
5158	29K-334.34	Hà Nội	6758	29K-442.11	Hà Nội			
5159	29K-336.39	Hà Nội	6759	29K-444.39	Hà Nội			
5160	29K-338.83	Hà Nội	6760	29K-445.46	Hà Nội			
5161	29K-339.88	Hà Nội	6761	29K-449.00	Hà Nội			
5162	29K-340.79	Hà Nội	6762	29K-450.44	Hà Nội			
5163	29K-342.44	Hà Nội	6763	29K-459.55	Hà Nội			
5164	29K-345.55	Hà Nội	6764	29K-465.68	Hà Nội			
5165	29K-347.39	Hà Nội	6765	29K-466.44	Hà Nội			
5166	29K-352.11	Hà Nội	6766	34A-921.22	Hải Dương			
5167	29K-352.66	Hà Nội	6767	34A-923.00	Hải Dương			
5168	29K-352.77	Hà Nội	6768	34A-923.89	Hải Dương			
5169	29K-373.77	Hà Nội	6769	34A-932.33	Hải Dương			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5170	29K-384.44	Hà Nội	6770	34A-939.89	Hải Dương			
5171	29K-388.89	Hà Nội	6771	34A-941.49	Hải Dương			
5172	29K-394.69	Hà Nội	6772	34A-942.69	Hải Dương			
5173	29K-394.99	Hà Nội	6773	34A-944.11	Hải Dương			
5174	29K-403.39	Hà Nội	6774	34A-948.48	Hải Dương			
5175	29K-405.99	Hà Nội	6775	34A-955.22	Hải Dương			
5176	29K-408.08	Hà Nội	6776	34A-967.99	Hải Dương			
5177	29K-410.41	Hà Nội	6777	34A-970.97	Hải Dương			
5178	29K-420.33	Hà Nội	6778	34A-971.72	Hải Dương			
5179	29K-421.11	Hà Nội	6779	34A-973.37	Hải Dương			
5180	29K-443.88	Hà Nội	6780	34A-976.00	Hải Dương			
5181	29K-445.39	Hà Nội	6781	34C-434.43	Hải Dương			
5182	29K-446.55	Hà Nội	6782	34C-436.63	Hải Dương			
5183	29K-446.99	Hà Nội	6783	34C-440.99	Hải Dương			
5184	29K-454.88	Hà Nội	6784	34C-445.45	Hải Dương			
5185	29K-461.11	Hà Nội	6785	34C-445.86	Hải Dương			
5186	29K-463.36	Hà Nội	6786	34C-446.88	Hải Dương			
5187	29K-463.77	Hà Nội	6787	34C-449.79	Hải Dương			
5188	29K-470.71	Hà Nội	6788	34C-452.39	Hải Dương			
5189	29K-475.66	Hà Nội	6789	34D-040.00	Hải Dương			
5190	29K-475.68	Hà Nội	6790	35A-464.99	Ninh Bình			
5191	34A-923.69	Hải Dương	6791	35A-468.89	Ninh Bình			
5192	34A-924.11	Hải Dương	6792	35A-472.68	Ninh Bình			
5193	34A-924.99	Hải Dương	6793	35A-474.33	Ninh Bình			
5194	34A-942.00	Hải Dương	6794	35B-025.79	Ninh Bình			
5195	34A-942.99	Hải Dương	6795	35C-181.89	Ninh Bình			
5196	34A-950.55	Hải Dương	6796	35D-017.77	Ninh Bình			
5197	34A-951.59	Hải Dương	6797	36C-548.44	Thanh Hóa			
5198	34A-974.00	Hải Dương	6798	36C-549.49	Thanh Hóa			
5199	34A-976.67	Hải Dương	6799	36C-561.89	Thanh Hóa			
5200	34B-046.77	Hải Dương	6800	36C-573.22	Thanh Hóa			
5201	34C-437.66	Hải Dương	6801	36C-576.66	Thanh Hóa			
5202	34C-438.22	Hải Dương	6802	36K-230.69	Thanh Hóa			
5203	34C-448.68	Hải Dương	6803	36K-231.39	Thanh Hóa			
5204	34C-451.15	Hải Dương	6804	36K-232.77	Thanh Hóa			
5205	34D-039.77	Hải Dương	6805	36K-237.73	Thanh Hóa			
5206	35A-470.11	Ninh Bình	6806	36K-239.55	Thanh Hóa			
5207	35A-471.99	Ninh Bình	6807	36K-243.86	Thanh Hóa			
5208	35A-477.79	Ninh Bình	6808	36K-247.22	Thanh Hóa			
5209	35B-022.99	Ninh Bình	6809	36K-248.48	Thanh Hóa			
5210	35C-179.68	Ninh Bình	6810	36K-266.26	Thanh Hóa			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5211	35C-184.22	Ninh Bình	6811	36K-271.68	Thanh Hóa			
5212	35C-185.11	Ninh Bình	6812	36K-273.68	Thanh Hóa			
5213	35C-185.79	Ninh Bình	6813	36K-278.27	Thanh Hóa			
5214	36B-049.69	Thanh Hóa	6814	36K-283.38	Thanh Hóa			
5215	36C-550.33	Thanh Hóa	6815	36K-302.66	Thanh Hóa			
5216	36C-552.33	Thanh Hóa	6816	36K-306.11	Thanh Hóa			
5217	36C-559.39	Thanh Hóa	6817	37B-047.86	Nghệ An			
5218	36C-570.22	Thanh Hóa	6818	37B-049.33	Nghệ An			
5219	36C-575.99	Thanh Hóa	6819	37B-050.33	Nghệ An			
5220	36C-580.69	Thanh Hóa	6820	37C-577.00	Nghệ An			
5221	36D-031.99	Thanh Hóa	6821	37C-580.44	Nghệ An			
5222	36K-229.33	Thanh Hóa	6822	37C-581.33	Nghệ An			
5223	36K-247.55	Thanh Hóa	6823	37C-592.99	Nghệ An			
5224	36K-257.22	Thanh Hóa	6824	37C-597.22	Nghệ An			
5225	36K-257.75	Thanh Hóa	6825	37D-048.39	Nghệ An			
5226	36K-258.86	Thanh Hóa	6826	37K-488.55	Nghệ An			
5227	36K-262.39	Thanh Hóa	6827	37K-489.86	Nghệ An			
5228	36K-263.00	Thanh Hóa	6828	37K-490.88	Nghệ An			
5229	36K-264.77	Thanh Hóa	6829	37K-501.44	Nghệ An			
5230	36K-276.76	Thanh Hóa	6830	37K-501.50	Nghệ An			
5231	36K-291.92	Thanh Hóa	6831	37K-502.44	Nghệ An			
5232	36K-294.68	Thanh Hóa	6832	37K-512.69	Nghệ An			
5233	37B-049.69	Nghệ An	6833	37K-520.99	Nghệ An			
5234	37C-570.69	Nghệ An	6834	37K-522.33	Nghệ An			
5235	37C-571.66	Nghệ An	6835	37K-527.88	Nghệ An			
5236	37C-587.39	Nghệ An	6836	37K-530.00	Nghệ An			
5237	37C-587.86	Nghệ An	6837	37K-530.86	Nghệ An			
5238	37D-048.69	Nghệ An	6838	37K-538.35	Nghệ An			
5239	37D-049.55	Nghệ An	6839	37K-541.11	Nghệ An			
5240	37K-485.00	Nghệ An	6840	37K-541.86	Nghệ An			
5241	37K-497.55	Nghệ An	6841	37K-549.68	Nghệ An			
5242	37K-503.11	Nghệ An	6842	37K-554.88	Nghệ An			
5243	37K-514.51	Nghệ An	6843	37K-558.00	Nghệ An			
5244	37K-523.55	Nghệ An	6844	37K-566.33	Nghệ An			
5245	37K-528.89	Nghệ An	6845	37K-571.44	Nghệ An			
5246	37K-535.88	Nghệ An	6846	38A-685.79	Hà Tĩnh			
5247	37K-539.53	Nghệ An	6847	38A-693.11	Hà Tĩnh			
5248	37K-540.11	Nghệ An	6848	38A-697.22	Hà Tĩnh			
5249	37K-550.89	Nghệ An	6849	38A-697.77	Hà Tĩnh			
5250	37K-553.69	Nghệ An	6850	38A-703.04	Hà Tĩnh			
5251	37K-562.65	Nghệ An	6851	38A-704.05	Hà Tĩnh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5252	37K-564.66	Nghệ An	6852	38A-709.44	Hà Tĩnh			
5253	37K-570.00	Nghệ An	6853	38C-243.69	Hà Tĩnh			
5254	37K-573.79	Nghệ An	6854	38C-250.33	Hà Tĩnh			
5255	38A-699.44	Hà Tĩnh	6855	38C-251.77	Hà Tĩnh			
5256	38A-709.88	Hà Tĩnh	6856	38C-254.25	Hà Tĩnh			
5257	38A-710.55	Hà Tĩnh	6857	38D-023.66	Hà Tĩnh			
5258	38B-023.88	Hà Tĩnh	6858	43A-941.99	Đà Nẵng			
5259	38C-245.33	Hà Tĩnh	6859	43A-943.99	Đà Nẵng			
5260	38D-022.79	Hà Tĩnh	6860	43A-944.88	Đà Nẵng			
5261	43A-945.44	Đà Nẵng	6861	43A-945.33	Đà Nẵng			
5262	43A-950.44	Đà Nẵng	6862	43A-953.68	Đà Nẵng			
5263	43A-952.68	Đà Nẵng	6863	43A-954.89	Đà Nẵng			
5264	43A-961.44	Đà Nẵng	6864	43A-957.69	Đà Nẵng			
5265	43A-961.79	Đà Nẵng	6865	43A-958.68	Đà Nẵng			
5266	43A-970.71	Đà Nẵng	6866	43A-972.73	Đà Nẵng			
5267	43A-973.88	Đà Nẵng	6867	43C-317.39	Đà Nẵng			
5268	43A-976.88	Đà Nẵng	6868	47A-816.77	Đắk Lắk			
5269	43B-064.89	Đà Nẵng	6869	47A-819.98	Đắk Lắk			
5270	43C-316.17	Đà Nẵng	6870	47A-831.79	Đắk Lắk			
5271	47A-814.18	Đắk Lắk	6871	47A-834.43	Đắk Lắk			
5272	47A-817.79	Đắk Lắk	6872	47A-834.83	Đắk Lắk			
5273	47A-822.23	Đắk Lắk	6873	47A-842.44	Đắk Lắk			
5274	47A-823.33	Đắk Lắk	6874	47A-844.77	Đắk Lắk			
5275	47A-826.00	Đắk Lắk	6875	47A-846.44	Đắk Lắk			
5276	47A-826.99	Đắk Lắk	6876	47A-847.55	Đắk Lắk			
5277	47A-832.39	Đắk Lắk	6877	47A-848.99	Đắk Lắk			
5278	47A-836.83	Đắk Lắk	6878	47A-849.89	Đắk Lắk			
5279	47A-838.00	Đắk Lắk	6879	47A-850.77	Đắk Lắk			
5280	47A-843.11	Đắk Lắk	6880	47A-851.00	Đắk Lắk			
5281	47A-843.39	Đắk Lắk	6881	47A-857.44	Đắk Lắk			
5282	47C-397.44	Đắk Lắk	6882	47B-042.55	Đắk Lắk			
5283	47C-405.79	Đắk Lắk	6883	47C-399.44	Đắk Lắk			
5284	47C-413.68	Đắk Lắk	6884	47C-401.68	Đắk Lắk			
5285	47C-414.86	Đắk Lắk	6885	47C-406.77	Đắk Lắk			
5286	47C-416.55	Đắk Lắk	6886	47C-406.86	Đắk Lắk			
5287	47C-418.55	Đắk Lắk	6887	47C-408.09	Đắk Lắk			
5288	47C-420.22	Đắk Lắk	6888	47C-409.55	Đắk Lắk			
5289	47D-020.00	Đắk Lắk	6889	47C-416.44	Đắk Lắk			
5290	47D-021.00	Đắk Lắk	6890	47D-021.68	Đắk Lắk			
5291	47D-025.00	Đắk Lắk	6891	48A-248.22	Đắk Nông			
5292	48A-257.66	Đắk Nông	6892	48A-249.00	Đắk Nông			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5293	48C-116.69	Đắk Nông	6893	48A-257.25	Đắk Nông			
5294	48C-122.99	Đắk Nông	6894	48A-258.86	Đắk Nông			
5295	48D-006.39	Đắk Nông	6895	48B-013.13	Đắk Nông			
5296	48D-007.55	Đắk Nông	6896	48B-013.86	Đắk Nông			
5297	48D-008.55	Đắk Nông	6897	48B-015.15	Đắk Nông			
5298	49A-747.66	Lâm Đồng	6898	48C-120.55	Đắk Nông			
5299	49A-761.11	Lâm Đồng	6899	49A-751.55	Lâm Đồng			
5300	49A-774.74	Lâm Đồng	6900	49A-775.11	Lâm Đồng			
5301	49B-032.22	Lâm Đồng	6901	49A-775.22	Lâm Đồng			
5302	49C-399.00	Lâm Đồng	6902	49B-032.03	Lâm Đồng			
5303	49D-016.00	Lâm Đồng	6903	49B-033.77	Lâm Đồng			
5304	51E-352.68	Hồ Chí Minh	6904	49C-390.44	Lâm Đồng			
5305	60B-077.69	Đồng Nai	6905	49C-391.92	Lâm Đồng			
5306	60B-078.69	Đồng Nai	6906	49C-396.88	Lâm Đồng			
5307	60B-079.77	Đồng Nai	6907	51B-712.77	Hồ Chí Minh			
5308	60B-081.55	Đồng Nai	6908	51B-712.86	Hồ Chí Minh			
5309	60C-758.11	Đồng Nai	6909	51E-341.33	Hồ Chí Minh			
5310	60C-758.75	Đồng Nai	6910	51E-348.22	Hồ Chí Minh			
5311	60C-759.39	Đồng Nai	6911	51E-349.33	Hồ Chí Minh			
5312	60C-770.71	Đồng Nai	6912	60C-758.22	Đồng Nai			
5313	60C-771.72	Đồng Nai	6913	60C-759.86	Đồng Nai			
5314	60C-772.55	Đồng Nai	6914	60C-768.67	Đồng Nai			
5315	60C-773.00	Đồng Nai	6915	60C-773.89	Đồng Nai			
5316	60C-774.22	Đồng Nai	6916	60C-774.11	Đồng Nai			
5317	60C-776.44	Đồng Nai	6917	60C-774.33	Đồng Nai			
5318	60C-780.86	Đồng Nai	6918	60C-780.08	Đồng Nai			
5319	60C-783.88	Đồng Nai	6919	60C-780.69	Đồng Nai			
5320	60C-790.39	Đồng Nai	6920	60C-781.69	Đồng Nai			
5321	60C-791.19	Đồng Nai	6921	60C-791.11	Đồng Nai			
5322	60K-621.44	Đồng Nai	6922	60C-791.66	Đồng Nai			
5323	60K-625.89	Đồng Nai	6923	60C-792.33	Đồng Nai			
5324	60K-628.00	Đồng Nai	6924	60C-794.49	Đồng Nai			
5325	60K-628.55	Đồng Nai	6925	60D-023.88	Đồng Nai			
5326	60K-629.00	Đồng Nai	6926	60K-619.68	Đồng Nai			
5327	60K-629.92	Đồng Nai	6927	60K-620.26	Đồng Nai			
5328	60K-633.63	Đồng Nai	6928	60K-624.66	Đồng Nai			
5329	60K-651.89	Đồng Nai	6929	60K-625.88	Đồng Nai			
5330	60K-653.56	Đồng Nai	6930	60K-633.77	Đồng Nai			
5331	60K-656.99	Đồng Nai	6931	60K-634.11	Đồng Nai			
5332	60K-658.22	Đồng Nai	6932	60K-634.34	Đồng Nai			
5333	60K-692.92	Đồng Nai	6933	60K-638.22	Đồng Nai			

A.Đ
 CÔ
 Đ
 HỢP
 VIỆ
 NH XU

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5334	60K-694.89	Đồng Nai	6934	60K-643.33	Đồng Nai			
5335	60K-698.11	Đồng Nai	6935	60K-648.99	Đồng Nai			
5336	61B-044.40	Bình Dương	6936	60K-650.55	Đồng Nai			
5337	61B-046.39	Bình Dương	6937	60K-654.65	Đồng Nai			
5338	61C-614.66	Bình Dương	6938	60K-654.86	Đồng Nai			
5339	61C-618.79	Bình Dương	6939	60K-658.86	Đồng Nai			
5340	61C-619.61	Bình Dương	6940	60K-663.68	Đồng Nai			
5341	61C-621.21	Bình Dương	6941	60K-668.22	Đồng Nai			
5342	61C-635.53	Bình Dương	6942	60K-670.89	Đồng Nai			
5343	61C-637.44	Bình Dương	6943	60K-672.79	Đồng Nai			
5344	61C-639.66	Bình Dương	6944	60K-675.67	Đồng Nai			
5345	61C-642.79	Bình Dương	6945	60K-681.33	Đồng Nai			
5346	61K-527.27	Bình Dương	6946	60K-693.55	Đồng Nai			
5347	61K-533.39	Bình Dương	6947	60K-700.70	Đồng Nai			
5348	61K-534.11	Bình Dương	6948	61C-613.33	Bình Dương			
5349	61K-539.53	Bình Dương	6949	61C-624.44	Bình Dương			
5350	61K-552.11	Bình Dương	6950	61C-633.36	Bình Dương			
5351	61K-565.79	Bình Dương	6951	61C-640.41	Bình Dương			
5352	61K-571.39	Bình Dương	6952	61K-531.66	Bình Dương			
5353	61K-571.77	Bình Dương	6953	61K-531.89	Bình Dương			
5354	61K-586.11	Bình Dương	6954	61K-534.77	Bình Dương			
5355	61K-588.44	Bình Dương	6955	61K-537.79	Bình Dương			
5356	61K-597.44	Bình Dương	6956	61K-540.66	Bình Dương			
5357	62A-469.79	Long An	6957	61K-541.89	Bình Dương			
5358	62A-478.66	Long An	6958	61K-546.77	Bình Dương			
5359	62A-484.88	Long An	6959	61K-547.45	Bình Dương			
5360	62A-491.88	Long An	6960	61K-570.33	Bình Dương			
5361	62C-219.22	Long An	6961	61K-573.37	Bình Dương			
5362	62D-014.55	Long An	6962	61K-576.39	Bình Dương			
5363	63A-326.99	Tiền Giang	6963	61K-596.11	Bình Dương			
5364	63A-327.44	Tiền Giang	6964	62A-477.47	Long An			
5365	63A-327.55	Tiền Giang	6965	62A-485.22	Long An			
5366	63A-330.22	Tiền Giang	6966	62A-490.77	Long An			
5367	63A-333.59	Tiền Giang	6967	62A-491.22	Long An			
5368	63A-333.69	Tiền Giang	6968	62A-492.55	Long An			
5369	63A-340.11	Tiền Giang	6969	62A-493.68	Long An			
5370	63A-340.39	Tiền Giang	6970	62A-493.93	Long An			
5371	63A-341.22	Tiền Giang	6971	62B-034.34	Long An			
5372	63B-036.86	Tiền Giang	6972	62B-034.66	Long An			
5373	63C-228.79	Tiền Giang	6973	62C-219.21	Long An			
5374	63C-229.96	Tiền Giang	6974	62C-221.00	Long An			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5375	63C-235.44	Tiền Giang	6975	62C-222.36	Long An			
5376	63D-012.21	Tiền Giang	6976	62D-015.11	Long An			
5377	64A-206.69	Vĩnh Long	6977	63A-333.25	Tiền Giang			
5378	64A-206.77	Vĩnh Long	6978	63A-333.27	Tiền Giang			
5379	64C-138.00	Vĩnh Long	6979	63A-337.88	Tiền Giang			
5380	64D-009.99	Vĩnh Long	6980	63A-339.55	Tiền Giang			
5381	65A-516.88	Cần Thơ	6981	63B-034.77	Tiền Giang			
5382	65A-518.66	Cần Thơ	6982	63B-035.30	Tiền Giang			
5383	65A-523.32	Cần Thơ	6983	63C-230.03	Tiền Giang			
5384	65A-526.62	Cần Thơ	6984	63C-238.00	Tiền Giang			
5385	65A-530.89	Cần Thơ	6985	63C-238.22	Tiền Giang			
5386	65B-028.22	Cần Thơ	6986	63C-240.24	Tiền Giang			
5387	65B-028.39	Cần Thơ	6987	63D-014.77	Tiền Giang			
5388	65C-249.66	Cần Thơ	6988	64C-134.55	Vĩnh Long			
5389	65C-250.39	Cần Thơ	6989	64C-136.79	Vĩnh Long			
5390	65C-261.89	Cần Thơ	6990	64D-009.96	Vĩnh Long			
5391	65C-265.66	Cần Thơ	6991	65A-518.99	Cần Thơ			
5392	65C-271.55	Cần Thơ	6992	65A-520.52	Cần Thơ			
5393	65D-012.00	Cần Thơ	6993	65A-522.25	Cần Thơ			
5394	66A-308.69	Đồng Tháp	6994	65A-522.77	Cần Thơ			
5395	66A-317.89	Đồng Tháp	6995	65A-530.31	Cần Thơ			
5396	66B-024.89	Đồng Tháp	6996	65B-028.33	Cần Thơ			
5397	66C-183.44	Đồng Tháp	6997	65C-255.66	Cần Thơ			
5398	66C-186.87	Đồng Tháp	6998	65C-264.64	Cần Thơ			
5399	66D-013.14	Đồng Tháp	6999	65C-270.11	Cần Thơ			
5400	67A-333.89	An Giang	7000	65C-270.77	Cần Thơ			
5401	67A-335.79	An Giang	7001	66A-302.68	Đồng Tháp			
5402	67A-343.34	An Giang	7002	66A-302.69	Đồng Tháp			
5403	67C-195.68	An Giang	7003	66A-307.69	Đồng Tháp			
5404	67D-010.11	An Giang	7004	66A-308.00	Đồng Tháp			
5405	67D-011.68	An Giang	7005	66A-310.66	Đồng Tháp			
5406	68A-369.11	Kiên Giang	7006	66B-026.77	Đồng Tháp			
5407	68A-374.55	Kiên Giang	7007	66C-185.85	Đồng Tháp			
5408	68A-378.55	Kiên Giang	7008	66C-191.77	Đồng Tháp			
5409	68A-381.18	Kiên Giang	7009	66C-191.92	Đồng Tháp			
5410	68A-382.33	Kiên Giang	7010	66C-192.22	Đồng Tháp			
5411	68B-035.39	Kiên Giang	7011	67A-333.02	An Giang			
5412	68C-181.88	Kiên Giang	7012	67A-338.38	An Giang			
5413	69A-175.11	Cà Mau	7013	67A-345.43	An Giang			
5414	69D-006.22	Cà Mau	7014	67C-189.86	An Giang			
5415	70A-587.89	Tây Ninh	7015	67C-189.96	An Giang			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5416	70A-592.88	Tây Ninh	7016	67C-191.00	An Giang			
5417	70A-593.69	Tây Ninh	7017	67C-193.77	An Giang			
5418	70A-596.99	Tây Ninh	7018	68A-368.63	Kiên Giang			
5419	70A-598.77	Tây Ninh	7019	68A-375.68	Kiên Giang			
5420	70A-607.11	Tây Ninh	7020	68A-380.55	Kiên Giang			
5421	70A-613.79	Tây Ninh	7021	68B-037.00	Kiên Giang			
5422	70B-034.66	Tây Ninh	7022	68C-180.39	Kiên Giang			
5423	70B-036.77	Tây Ninh	7023	68D-009.44	Kiên Giang			
5424	70C-219.66	Tây Ninh	7024	68D-009.66	Kiên Giang			
5425	71A-217.88	Bến Tre	7025	68D-009.90	Kiên Giang			
5426	71A-223.00	Bến Tre	7026	69A-170.89	Cà Mau			
5427	71B-022.68	Bến Tre	7027	69A-173.74	Cà Mau			
5428	71B-024.55	Bến Tre	7028	69A-175.88	Cà Mau			
5429	71D-008.00	Bến Tre	7029	69A-176.22	Cà Mau			
5430	72A-845.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	7030	69B-015.16	Cà Mau			
5431	72A-849.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	7031	69B-017.11	Cà Mau			
5432	72A-852.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	7032	70A-585.77	Tây Ninh			
5433	72A-856.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	7033	70A-586.89	Tây Ninh			
5434	72A-861.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	7034	70A-593.00	Tây Ninh			
5435	72A-863.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	7035	70A-593.88	Tây Ninh			
5436	72A-865.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	7036	70A-594.33	Tây Ninh			
5437	72A-867.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	7037	70A-604.68	Tây Ninh			
5438	72A-870.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	7038	70A-605.99	Tây Ninh			
5439	72A-873.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	7039	70A-609.68	Tây Ninh			
5440	72B-045.45	Bà Rịa - Vũng Tàu	7040	70A-611.39	Tây Ninh			
5441	72B-047.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	7041	70A-613.68	Tây Ninh			
5442	72C-271.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	7042	70B-035.68	Tây Ninh			
5443	72C-276.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	7043	70C-214.00	Tây Ninh			
5444	72C-280.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	7044	70C-217.00	Tây Ninh			
5445	72D-014.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	7045	70D-014.88	Tây Ninh			
5446	72D-015.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	7046	71A-212.69	Bến Tre			
5447	73A-371.68	Quảng Bình	7047	71A-215.33	Bến Tre			
5448	73A-372.77	Quảng Bình	7048	71A-220.20	Bến Tre			
5449	73A-377.89	Quảng Bình	7049	71A-221.66	Bến Tre			
5450	73D-009.88	Quảng Bình	7050	71B-022.66	Bến Tre			
5451	74A-277.78	Quảng Trị	7051	71D-006.89	Bến Tre			
5452	74A-283.28	Quảng Trị	7052	72A-849.00	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5453	74B-018.68	Quảng Trị	7053	72A-852.79	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5454	74C-146.33	Quảng Trị	7054	72A-857.00	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5455	75A-387.99	Thừa Thiên Huế	7055	72A-864.46	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5456	75A-394.99	Thừa Thiên Huế	7056	72A-868.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5457	75C-157.57	Thừa Thiên Huế	7057	72A-871.87	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5458	75C-160.77	Thừa Thiên Huế	7058	72A-874.75	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5459	75C-161.86	Thừa Thiên Huế	7059	72A-880.44	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5460	76A-330.79	Quảng Ngãi	7060	72B-045.99	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5461	76B-029.69	Quảng Ngãi	7061	72C-267.99	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5462	76B-030.22	Quảng Ngãi	7062	72C-269.55	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5463	76C-178.22	Quảng Ngãi	7063	72C-271.77	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5464	76C-181.11	Quảng Ngãi	7064	72C-279.27	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5465	77A-357.33	Bình Định	7065	72C-279.55	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5466	77A-359.39	Bình Định	7066	73A-382.55	Quảng Bình			
5467	77A-361.79	Bình Định	7067	73C-196.79	Quảng Bình			
5468	77A-362.55	Bình Định	7068	74A-277.69	Quảng Trị			
5469	77A-364.22	Bình Định	7069	74C-147.41	Quảng Trị			
5470	77A-366.77	Bình Định	7070	74D-015.99	Quảng Trị			
5471	77B-040.00	Bình Định	7071	75A-387.69	Thừa Thiên Huế			
5472	77C-264.69	Bình Định	7072	75A-388.33	Thừa Thiên Huế			
5473	77D-007.88	Bình Định	7073	75A-392.68	Thừa Thiên Huế			
5474	78A-218.77	Phú Yên	7074	75A-392.69	Thừa Thiên Huế			
5475	78A-220.77	Phú Yên	7075	75A-393.79	Thừa Thiên Huế			
5476	78A-225.11	Phú Yên	7076	75A-395.00	Thừa Thiên Huế			
5477	78C-128.77	Phú Yên	7077	75A-395.59	Thừa Thiên Huế			
5478	78D-006.89	Phú Yên	7078	75A-400.86	Thừa Thiên Huế			
5479	78D-009.69	Phú Yên	7079	75B-031.30	Thừa Thiên Huế			
5480	79A-574.33	Khánh Hòa	7080	75C-160.44	Thừa Thiên Huế			
5481	79A-586.69	Khánh Hòa	7081	76A-324.69	Quảng Ngãi			
5482	79A-587.68	Khánh Hòa	7082	76A-327.32	Quảng Ngãi			
5483	79A-587.85	Khánh Hòa	7083	76A-333.08	Quảng Ngãi			
5484	79C-228.44	Khánh Hòa	7084	76A-333.59	Quảng Ngãi			
5485	79D-012.99	Khánh Hòa	7085	76B-028.79	Quảng Ngãi			
5486	81A-454.33	Gia Lai	7086	76B-029.22	Quảng Ngãi			
5487	81A-470.00	Gia Lai	7087	76C-181.18	Quảng Ngãi			
5488	81A-473.44	Gia Lai	7088	76D-015.88	Quảng Ngãi			
5489	81A-473.79	Gia Lai	7089	77A-359.59	Bình Định			
5490	81A-476.39	Gia Lai	7090	77A-363.69	Bình Định			
5491	81B-030.68	Gia Lai	7091	77A-368.33	Bình Định			
5492	81C-284.48	Gia Lai	7092	77A-369.39	Bình Định			
5493	81C-285.79	Gia Lai	7093	77B-038.22	Bình Định			
5494	81C-295.86	Gia Lai	7094	77B-039.30	Bình Định			
5495	81C-296.39	Gia Lai	7095	77D-007.22	Bình Định			
5496	81C-296.55	Gia Lai	7096	77D-008.79	Bình Định			
5497	81C-298.69	Gia Lai	7097	78A-218.55	Phú Yên			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5498	81C-299.69	Gia Lai	7098	78A-220.88	Phú Yên			
5499	81D-014.11	Gia Lai	7099	78B-021.69	Phú Yên			
5500	82B-020.39	Kon Tum	7100	78C-127.69	Phú Yên			
5501	82C-097.22	Kon Tum	7101	79A-578.77	Khánh Hòa			
5502	83A-194.19	Sóc Trăng	7102	79A-582.69	Khánh Hòa			
5503	83A-195.11	Sóc Trăng	7103	79A-584.22	Khánh Hòa			
5504	83A-199.33	Sóc Trăng	7104	79A-589.11	Khánh Hòa			
5505	83B-023.22	Sóc Trăng	7105	79A-590.33	Khánh Hòa			
5506	83B-023.33	Sóc Trăng	7106	79A-592.66	Khánh Hòa			
5507	83B-026.79	Sóc Trăng	7107	79B-044.33	Khánh Hòa			
5508	83C-133.77	Sóc Trăng	7108	79C-235.11	Khánh Hòa			
5509	83C-135.88	Sóc Trăng	7109	81A-459.44	Gia Lai			
5510	83D-008.88	Sóc Trăng	7110	81A-467.67	Gia Lai			
5511	83D-009.69	Sóc Trăng	7111	81A-470.55	Gia Lai			
5512	85A-151.66	Ninh Thuận	7112	81A-473.73	Gia Lai			
5513	85B-015.00	Ninh Thuận	7113	81A-475.39	Gia Lai			
5514	85B-015.15	Ninh Thuận	7114	81C-283.00	Gia Lai			
5515	85C-085.22	Ninh Thuận	7115	81C-290.29	Gia Lai			
5516	85D-009.22	Ninh Thuận	7116	81C-294.44	Gia Lai			
5517	86A-324.42	Bình Thuận	7117	82A-159.77	Kon Tum			
5518	86A-325.33	Bình Thuận	7118	82A-163.00	Kon Tum			
5519	86A-331.77	Bình Thuận	7119	82A-163.68	Kon Tum			
5520	86A-333.25	Bình Thuận	7120	82C-096.00	Kon Tum			
5521	86B-026.66	Bình Thuận	7121	82C-097.69	Kon Tum			
5522	86C-209.44	Bình Thuận	7122	83A-193.22	Sóc Trăng			
5523	86C-213.55	Bình Thuận	7123	83A-200.22	Sóc Trăng			
5524	86D-006.69	Bình Thuận	7124	83B-023.02	Sóc Trăng			
5525	86D-007.69	Bình Thuận	7125	83C-137.73	Sóc Trăng			
5526	88A-791.99	Vĩnh Phúc	7126	83D-011.88	Sóc Trăng			
5527	88A-793.77	Vĩnh Phúc	7127	83D-012.00	Sóc Trăng			
5528	88A-794.69	Vĩnh Phúc	7128	84A-147.44	Trà Vinh			
5529	88A-795.00	Vĩnh Phúc	7129	84A-149.39	Trà Vinh			
5530	88A-822.44	Vĩnh Phúc	7130	84A-152.33	Trà Vinh			
5531	88B-021.68	Vĩnh Phúc	7131	84C-126.62	Trà Vinh			
5532	88B-023.39	Vĩnh Phúc	7132	84C-126.66	Trà Vinh			
5533	88C-313.00	Vĩnh Phúc	7133	84C-127.28	Trà Vinh			
5534	88C-314.68	Vĩnh Phúc	7134	84C-127.86	Trà Vinh			
5535	88C-316.00	Vĩnh Phúc	7135	85A-152.89	Ninh Thuận			
5536	88C-326.39	Vĩnh Phúc	7136	85B-018.00	Ninh Thuận			
5537	88D-021.77	Vĩnh Phúc	7137	85D-007.70	Ninh Thuận			
5538	89A-532.53	Hung Yên	7138	86A-320.69	Bình Thuận			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5539	89A-537.68	Hung Yên	7139	86A-322.39	Bình Thuận			
5540	89A-541.00	Hung Yên	7140	86A-333.01	Bình Thuận			
5541	89A-552.39	Hung Yên	7141	86C-210.68	Bình Thuận			
5542	89A-552.69	Hung Yên	7142	86C-214.79	Bình Thuận			
5543	89A-553.77	Hung Yên	7143	86D-008.80	Bình Thuận			
5544	89A-555.38	Hung Yên	7144	88A-790.33	Vĩnh Phúc			
5545	89A-557.11	Hung Yên	7145	88A-793.88	Vĩnh Phúc			
5546	89A-562.69	Hung Yên	7146	88A-794.94	Vĩnh Phúc			
5547	89A-564.68	Hung Yên	7147	88A-803.89	Vĩnh Phúc			
5548	89C-345.34	Hung Yên	7148	88A-808.66	Vĩnh Phúc			
5549	89C-346.64	Hung Yên	7149	88A-810.89	Vĩnh Phúc			
5550	89C-353.54	Hung Yên	7150	88A-811.55	Vĩnh Phúc			
5551	89C-354.99	Hung Yên	7151	88A-814.55	Vĩnh Phúc			
5552	89C-355.86	Hung Yên	7152	88A-822.66	Vĩnh Phúc			
5553	90A-290.00	Hà Nam	7153	88A-823.32	Vĩnh Phúc			
5554	90B-012.77	Hà Nam	7154	88B-023.11	Vĩnh Phúc			
5555	90C-156.77	Hà Nam	7155	88C-317.17	Vĩnh Phúc			
5556	90C-157.58	Hà Nam	7156	88C-323.79	Vĩnh Phúc			
5557	90C-158.51	Hà Nam	7157	88D-021.66	Vĩnh Phúc			
5558	90C-159.79	Hà Nam	7158	89A-536.22	Hung Yên			
5559	90D-010.11	Hà Nam	7159	89A-541.54	Hung Yên			
5560	90D-011.88	Hà Nam	7160	89A-555.37	Hung Yên			
5561	90D-012.79	Hà Nam	7161	89A-557.00	Hung Yên			
5562	92A-433.68	Quảng Nam	7162	89A-558.39	Hung Yên			
5563	92A-435.33	Quảng Nam	7163	89A-564.88	Hung Yên			
5564	92A-436.39	Quảng Nam	7164	89A-565.65	Hung Yên			
5565	92A-440.41	Quảng Nam	7165	89B-025.77	Hung Yên			
5566	92A-444.19	Quảng Nam	7166	89C-352.52	Hung Yên			
5567	92B-038.69	Quảng Nam	7167	89C-353.88	Hung Yên			
5568	92B-039.00	Quảng Nam	7168	90A-289.79	Hà Nam			
5569	92B-040.55	Quảng Nam	7169	90A-294.33	Hà Nam			
5570	92C-262.00	Quảng Nam	7170	90A-301.00	Hà Nam			
5571	92C-265.00	Quảng Nam	7171	90D-011.77	Hà Nam			
5572	92C-265.88	Quảng Nam	7172	92A-437.39	Quảng Nam			
5573	93A-511.22	Bình Phước	7173	92A-439.22	Quảng Nam			
5574	93A-513.00	Bình Phước	7174	92A-442.22	Quảng Nam			
5575	93A-515.86	Bình Phước	7175	92A-444.29	Quảng Nam			
5576	93A-516.22	Bình Phước	7176	92A-445.45	Quảng Nam			
5577	93A-517.86	Bình Phước	7177	92C-264.79	Quảng Nam			
5578	93A-524.86	Bình Phước	7178	92D-012.11	Quảng Nam			
5579	93B-022.68	Bình Phước	7179	92D-015.44	Quảng Nam			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5580	93B-023.99	Bình Phước	7180	93A-506.44	Bình Phước			
5581	93C-208.11	Bình Phước	7181	93A-515.00	Bình Phước			
5582	94A-112.39	Bạc Liêu	7182	93A-518.51	Bình Phước			
5583	95A-136.22	Hậu Giang	7183	93A-519.98	Bình Phước			
5584	95A-137.66	Hậu Giang	7184	93A-521.44	Bình Phước			
5585	95B-019.22	Hậu Giang	7185	93A-521.99	Bình Phước			
5586	95C-093.33	Hậu Giang	7186	93C-199.11	Bình Phước			
5587	95D-025.77	Hậu Giang	7187	93C-204.39	Bình Phước			
5588	97A-095.90	Bắc Kạn	7188	94A-111.04	Bạc Liêu			
5589	97A-097.44	Bắc Kạn	7189	94C-086.22	Bạc Liêu			
5590	97B-017.01	Bắc Kạn	7190	94C-087.44	Bạc Liêu			
5591	97B-018.18	Bắc Kạn	7191	94D-005.86	Bạc Liêu			
5592	97C-049.77	Bắc Kạn	7192	95A-138.22	Hậu Giang			
5593	97C-051.05	Bắc Kạn	7193	95A-141.55	Hậu Giang			
5594	98A-861.55	Bắc Giang	7194	95C-089.55	Hậu Giang			
5595	98A-878.55	Bắc Giang	7195	95C-091.55	Hậu Giang			
5596	98A-879.44	Bắc Giang	7196	97C-050.77	Bắc Kạn			
5597	98A-890.91	Bắc Giang	7197	97C-052.77	Bắc Kạn			
5598	98A-893.11	Bắc Giang	7198	98A-867.99	Bắc Giang			
5599	98A-900.39	Bắc Giang	7199	98A-869.44	Bắc Giang			
5600	98A-900.99	Bắc Giang	7200	98A-871.86	Bắc Giang			
5601	98A-902.69	Bắc Giang	7201	98A-873.86	Bắc Giang			
5602	98A-910.00	Bắc Giang	7202	98A-881.68	Bắc Giang			
5603	98B-045.69	Bắc Giang	7203	98A-884.84	Bắc Giang			
5604	98C-397.55	Bắc Giang	7204	98A-897.68	Bắc Giang			
5605	98D-024.20	Bắc Giang	7205	98A-907.99	Bắc Giang			
5606	99A-860.79	Bắc Ninh	7206	98A-910.79	Bắc Giang			
5607	99A-861.44	Bắc Ninh	7207	98A-912.39	Bắc Giang			
5608	99A-862.86	Bắc Ninh	7208	98C-387.11	Bắc Giang			
5609	99A-863.39	Bắc Ninh	7209	98D-023.39	Bắc Giang			
5610	99A-864.11	Bắc Ninh	7210	98D-023.89	Bắc Giang			
5611	99A-870.68	Bắc Ninh	7211	99A-855.39	Bắc Ninh			
5612	99A-870.89	Bắc Ninh	7212	99A-857.11	Bắc Ninh			
5613	99A-871.87	Bắc Ninh	7213	99A-859.89	Bắc Ninh			
5614	99A-872.87	Bắc Ninh	7214	99A-862.33	Bắc Ninh			
5615	99A-879.55	Bắc Ninh	7215	99A-867.22	Bắc Ninh			
5616	99A-893.98	Bắc Ninh	7216	99A-876.33	Bắc Ninh			
5617	99B-031.32	Bắc Ninh	7217	99A-888.57	Bắc Ninh			
5618	99B-033.39	Bắc Ninh	7218	99A-892.77	Bắc Ninh			
5619	99C-333.04	Bắc Ninh	7219	99B-031.68	Bắc Ninh			
5620	99C-333.99	Bắc Ninh	7220	99C-337.00	Bắc Ninh			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5621	99D-024.25	Bắc Ninh	7221	99C-343.55	Bắc Ninh			
5622	11B-016.09	Cao Bằng	7222	99C-344.39	Bắc Ninh			
5623	11B-017.35	Cao Bằng	7223	99C-346.46	Bắc Ninh			
5624	12A-265.29	Lạng Sơn	7224	11B-017.09	Cao Bằng			
5625	12A-266.25	Lạng Sơn	7225	11C-087.18	Cao Bằng			
5626	12A-268.35	Lạng Sơn	7226	11D-010.16	Cao Bằng			
5627	12A-269.63	Lạng Sơn	7227	12A-269.95	Lạng Sơn			
5628	12A-270.59	Lạng Sơn	7228	12B-017.38	Lạng Sơn			
5629	12B-016.08	Lạng Sơn	7229	12C-144.15	Lạng Sơn			
5630	12C-140.18	Lạng Sơn	7230	12D-010.15	Lạng Sơn			
5631	12C-142.26	Lạng Sơn	7231	12D-011.35	Lạng Sơn			
5632	12C-144.58	Lạng Sơn	7232	14A-997.36	Quảng Ninh			
5633	14A-992.56	Quảng Ninh	7233	14B-053.65	Quảng Ninh			
5634	14B-055.09	Quảng Ninh	7234	14B-055.16	Quảng Ninh			
5635	14B-055.25	Quảng Ninh	7235	14C-455.36	Quảng Ninh			
5636	14C-454.26	Quảng Ninh	7236	14C-456.59	Quảng Ninh			
5637	14C-456.85	Quảng Ninh	7237	14C-459.18	Quảng Ninh			
5638	14C-461.58	Quảng Ninh	7238	14C-466.26	Quảng Ninh			
5639	14C-467.06	Quảng Ninh	7239	14D-030.95	Quảng Ninh			
5640	14D-033.15	Quảng Ninh	7240	14K-011.09	Quảng Ninh			
5641	14K-012.83	Quảng Ninh	7241	14K-022.58	Quảng Ninh			
5642	14K-016.65	Quảng Ninh	7242	14K-023.06	Quảng Ninh			
5643	14K-028.58	Quảng Ninh	7243	14K-024.96	Quảng Ninh			
5644	14K-038.15	Quảng Ninh	7244	14K-028.35	Quảng Ninh			
5645	14K-047.09	Quảng Ninh	7245	14K-028.65	Quảng Ninh			
5646	15B-055.15	Hải Phòng	7246	14K-035.15	Quảng Ninh			
5647	15B-056.59	Hải Phòng	7247	14K-039.36	Quảng Ninh			
5648	15C-483.29	Hải Phòng	7248	15C-481.38	Hải Phòng			
5649	15C-486.65	Hải Phòng	7249	15C-482.19	Hải Phòng			
5650	15C-488.25	Hải Phòng	7250	15C-486.08	Hải Phòng			
5651	15C-492.65	Hải Phòng	7251	15C-487.15	Hải Phòng			
5652	15D-053.38	Hải Phòng	7252	15C-494.25	Hải Phòng			
5653	15K-430.38	Hải Phòng	7253	15C-497.56	Hải Phòng			
5654	15K-432.38	Hải Phòng	7254	15D-055.29	Hải Phòng			
5655	15K-444.85	Hải Phòng	7255	15K-429.16	Hải Phòng			
5656	15K-449.29	Hải Phòng	7256	15K-437.96	Hải Phòng			
5657	15K-453.83	Hải Phòng	7257	15K-438.28	Hải Phòng			
5658	15K-455.25	Hải Phòng	7258	15K-441.96	Hải Phòng			
5659	15K-460.58	Hải Phòng	7259	15K-445.16	Hải Phòng			
5660	15K-460.65	Hải Phòng	7260	15K-447.56	Hải Phòng			
5661	15K-462.83	Hải Phòng	7261	15K-451.95	Hải Phòng			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5662	15K-463.59	Hải Phòng	7262	15K-458.63	Hải Phòng			
5663	15K-463.65	Hải Phòng	7263	15K-459.58	Hải Phòng			
5664	15K-464.16	Hải Phòng	7264	15K-460.85	Hải Phòng			
5665	15K-466.83	Hải Phòng	7265	15K-461.65	Hải Phòng			
5666	15K-479.28	Hải Phòng	7266	15K-467.26	Hải Phòng			
5667	15K-481.63	Hải Phòng	7267	15K-478.06	Hải Phòng			
5668	15K-483.63	Hải Phòng	7268	15K-481.35	Hải Phòng			
5669	15K-491.58	Hải Phòng	7269	15K-484.38	Hải Phòng			
5670	15K-494.63	Hải Phòng	7270	15K-486.25	Hải Phòng			
5671	15K-498.16	Hải Phòng	7271	15K-491.15	Hải Phòng			
5672	15K-501.98	Hải Phòng	7272	15K-492.06	Hải Phòng			
5673	15K-502.83	Hải Phòng	7273	15K-498.25	Hải Phòng			
5674	15K-503.63	Hải Phòng	7274	15K-498.96	Hải Phòng			
5675	15K-505.59	Hải Phòng	7275	15K-499.26	Hải Phòng			
5676	15K-508.35	Hải Phòng	7276	15K-503.65	Hải Phòng			
5677	15K-508.96	Hải Phòng	7277	17A-507.29	Thái Bình			
5678	17A-494.09	Thái Bình	7278	17A-510.63	Thái Bình			
5679	17A-497.59	Thái Bình	7279	17B-030.15	Thái Bình			
5680	17A-505.56	Thái Bình	7280	17B-030.18	Thái Bình			
5681	17A-507.28	Thái Bình	7281	17B-030.36	Thái Bình			
5682	18A-492.98	Nam Định	7282	17C-215.58	Thái Bình			
5683	18A-503.35	Nam Định	7283	17D-016.98	Thái Bình			
5684	18A-510.98	Nam Định	7284	18A-492.06	Nam Định			
5685	18B-031.56	Nam Định	7285	18A-498.28	Nam Định			
5686	18B-034.25	Nam Định	7286	18A-499.29	Nam Định			
5687	18C-179.16	Nam Định	7287	18A-501.95	Nam Định			
5688	18C-181.08	Nam Định	7288	18A-506.63	Nam Định			
5689	18D-015.85	Nam Định	7289	18C-174.83	Nam Định			
5690	19A-716.95	Phú Thọ	7290	18C-176.36	Nam Định			
5691	19A-722.95	Phú Thọ	7291	18D-015.18	Nam Định			
5692	19A-724.58	Phú Thọ	7292	18D-016.35	Nam Định			
5693	19A-727.19	Phú Thọ	7293	19A-717.25	Phú Thọ			
5694	19A-727.59	Phú Thọ	7294	19A-718.15	Phú Thọ			
5695	19A-732.15	Phú Thọ	7295	19A-720.15	Phú Thọ			
5696	19A-741.06	Phú Thọ	7296	19A-723.98	Phú Thọ			
5697	19A-753.08	Phú Thọ	7297	19A-724.63	Phú Thọ			
5698	19A-754.29	Phú Thọ	7298	19A-737.35	Phú Thọ			
5699	19A-757.19	Phú Thọ	7299	19A-739.58	Phú Thọ			
5700	19C-266.56	Phú Thọ	7300	19A-741.08	Phú Thọ			
5701	19C-268.85	Phú Thọ	7301	19A-750.19	Phú Thọ			
5702	19C-269.65	Phú Thọ	7302	19A-752.65	Phú Thọ			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5703	19C-272.15	Phú Thọ	7303	19A-754.15	Phú Thọ			
5704	19C-278.98	Phú Thọ	7304	19A-754.59	Phú Thọ			
5705	20A-876.56	Thái Nguyên	7305	19A-755.08	Phú Thọ			
5706	20A-889.18	Thái Nguyên	7306	19A-756.08	Phú Thọ			
5707	20A-905.25	Thái Nguyên	7307	19B-029.98	Phú Thọ			
5708	20A-905.98	Thái Nguyên	7308	19C-266.25	Phú Thọ			
5709	20B-037.98	Thái Nguyên	7309	19C-272.58	Phú Thọ			
5710	20C-310.85	Thái Nguyên	7310	19D-022.29	Phú Thọ			
5711	20C-312.18	Thái Nguyên	7311	20A-861.56	Thái Nguyên			
5712	20C-313.36	Thái Nguyên	7312	20A-864.83	Thái Nguyên			
5713	20C-320.96	Thái Nguyên	7313	20A-870.06	Thái Nguyên			
5714	20D-032.83	Thái Nguyên	7314	20A-885.56	Thái Nguyên			
5715	21A-224.16	Yên Bái	7315	20A-892.08	Thái Nguyên			
5716	21A-224.18	Yên Bái	7316	20A-893.36	Thái Nguyên			
5717	21A-227.15	Yên Bái	7317	20A-894.19	Thái Nguyên			
5718	21A-232.35	Yên Bái	7318	20A-901.58	Thái Nguyên			
5719	21B-017.09	Yên Bái	7319	20D-035.16	Thái Nguyên			
5720	21C-112.38	Yên Bái	7320	21A-226.85	Yên Bái			
5721	22A-278.15	Tuyên Quang	7321	21A-229.26	Yên Bái			
5722	22B-018.26	Tuyên Quang	7322	21D-007.19	Yên Bái			
5723	22B-018.29	Tuyên Quang	7323	22A-276.28	Tuyên Quang			
5724	22D-009.83	Tuyên Quang	7324	22A-279.06	Tuyên Quang			
5725	22D-011.63	Tuyên Quang	7325	22A-279.09	Tuyên Quang			
5726	22D-013.18	Tuyên Quang	7326	22B-016.08	Tuyên Quang			
5727	23A-165.15	Hà Giang	7327	22B-018.59	Tuyên Quang			
5728	23B-011.58	Hà Giang	7328	22C-116.09	Tuyên Quang			
5729	23D-008.59	Hà Giang	7329	23A-165.59	Hà Giang			
5730	23D-010.38	Hà Giang	7330	23A-166.09	Hà Giang			
5731	24A-316.58	Lào Cai	7331	23A-167.28	Hà Giang			
5732	24B-020.29	Lào Cai	7332	23A-169.98	Hà Giang			
5733	24C-166.58	Lào Cai	7333	23D-007.96	Hà Giang			
5734	24D-011.28	Lào Cai	7334	24A-320.96	Lào Cai			
5735	24D-012.28	Lào Cai	7335	24A-321.63	Lào Cai			
5736	25A-088.63	Lai Châu	7336	24A-322.85	Lào Cai			
5737	25C-061.63	Lai Châu	7337	24A-325.38	Lào Cai			
5738	25C-062.16	Lai Châu	7338	24C-170.95	Lào Cai			
5739	25D-006.56	Lai Châu	7339	24C-171.29	Lào Cai			
5740	26A-235.59	Sơn La	7340	25C-061.29	Lai Châu			
5741	26A-236.85	Sơn La	7341	25D-008.63	Lai Châu			
5742	26A-242.29	Sơn La	7342	26A-235.63	Sơn La			
5743	26B-019.29	Sơn La	7343	26A-236.28	Sơn La			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5744	26B-019.36	Sơn La	7344	26A-238.16	Sơn La			
5745	27A-131.09	Điện Biên	7345	26A-245.18	Sơn La			
5746	27A-131.58	Điện Biên	7346	26B-022.36	Sơn La			
5747	27C-077.09	Điện Biên	7347	26D-014.95	Sơn La			
5748	28C-127.09	Hòa Bình	7348	27A-133.06	Điện Biên			
5749	28D-012.06	Hòa Bình	7349	27A-133.63	Điện Biên			
5750	29B-659.15	Hà Nội	7350	27B-016.83	Điện Biên			
5751	29D-626.63	Hà Nội	7351	27D-007.35	Điện Biên			
5752	29D-627.18	Hà Nội	7352	27D-009.98	Điện Biên			
5753	29D-636.08	Hà Nội	7353	28A-264.06	Hòa Bình			
5754	29D-638.08	Hà Nội	7354	28B-018.95	Hòa Bình			
5755	29K-326.06	Hà Nội	7355	28D-013.26	Hòa Bình			
5756	29K-338.28	Hà Nội	7356	29D-631.59	Hà Nội			
5757	29K-338.58	Hà Nội	7357	29D-634.08	Hà Nội			
5758	29K-339.63	Hà Nội	7358	29K-330.56	Hà Nội			
5759	29K-340.56	Hà Nội	7359	29K-341.95	Hà Nội			
5760	29K-344.28	Hà Nội	7360	29K-366.65	Hà Nội			
5761	29K-355.96	Hà Nội	7361	29K-379.58	Hà Nội			
5762	29K-359.16	Hà Nội	7362	29K-379.65	Hà Nội			
5763	29K-362.06	Hà Nội	7363	29K-388.06	Hà Nội			
5764	29K-367.09	Hà Nội	7364	29K-393.58	Hà Nội			
5765	29K-375.65	Hà Nội	7365	29K-396.16	Hà Nội			
5766	29K-377.16	Hà Nội	7366	29K-399.36	Hà Nội			
5767	29K-385.16	Hà Nội	7367	29K-412.35	Hà Nội			
5768	29K-386.96	Hà Nội	7368	29K-419.65	Hà Nội			
5769	29K-388.58	Hà Nội	7369	29K-432.18	Hà Nội			
5770	29K-399.63	Hà Nội	7370	29K-438.16	Hà Nội			
5771	29K-402.38	Hà Nội	7371	29K-441.65	Hà Nội			
5772	29K-402.85	Hà Nội	7372	29K-449.95	Hà Nội			
5773	29K-406.58	Hà Nội	7373	29K-454.36	Hà Nội			
5774	29K-412.06	Hà Nội	7374	29K-464.06	Hà Nội			
5775	29K-413.09	Hà Nội	7375	30M-036.65	Hà Nội			
5776	29K-413.85	Hà Nội	7376	30M-043.38	Hà Nội			
5777	29K-419.28	Hà Nội	7377	30M-051.09	Hà Nội			
5778	29K-431.98	Hà Nội	7378	30M-053.08	Hà Nội			
5779	29K-432.36	Hà Nội	7379	30M-073.56	Hà Nội			
5780	29K-433.09	Hà Nội	7380	30M-078.85	Hà Nội			
5781	29K-435.96	Hà Nội	7381	30M-083.18	Hà Nội			
5782	29K-436.98	Hà Nội	7382	30M-085.16	Hà Nội			
5783	29K-445.06	Hà Nội	7383	30M-087.09	Hà Nội			
5784	29K-446.16	Hà Nội	7384	30M-087.38	Hà Nội			

Y
Á
JH
M
T.P.H.A

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5785	29K-450.38	Hà Nội	7385	30M-092.28	Hà Nội			
5786	29K-451.28	Hà Nội	7386	30M-104.36	Hà Nội			
5787	29K-454.63	Hà Nội	7387	30M-104.83	Hà Nội			
5788	29K-455.58	Hà Nội	7388	30M-105.28	Hà Nội			
5789	29K-456.18	Hà Nội	7389	30M-107.95	Hà Nội			
5790	29K-458.15	Hà Nội	7390	30M-116.08	Hà Nội			
5791	29K-460.63	Hà Nội	7391	30M-117.28	Hà Nội			
5792	29K-470.63	Hà Nội	7392	30M-126.19	Hà Nội			
5793	29K-472.26	Hà Nội	7393	30M-126.59	Hà Nội			
5794	29K-476.25	Hà Nội	7394	30M-132.18	Hà Nội			
5795	30M-029.98	Hà Nội	7395	30M-133.26	Hà Nội			
5796	30M-030.58	Hà Nội	7396	30M-134.29	Hà Nội			
5797	30M-031.18	Hà Nội	7397	30M-144.95	Hà Nội			
5798	30M-034.58	Hà Nội	7398	30M-147.96	Hà Nội			
5799	30M-037.65	Hà Nội	7399	30M-152.36	Hà Nội			
5800	30M-040.29	Hà Nội	7400	30M-153.59	Hà Nội			
5801	30M-056.29	Hà Nội	7401	30M-155.63	Hà Nội			
5802	30M-058.96	Hà Nội	7402	30M-156.98	Hà Nội			
5803	30M-072.08	Hà Nội	7403	30M-164.06	Hà Nội			
5804	30M-078.15	Hà Nội	7404	30M-175.09	Hà Nội			
5805	30M-089.28	Hà Nội	7405	30M-192.85	Hà Nội			
5806	30M-090.96	Hà Nội	7406	30M-195.36	Hà Nội			
5807	30M-092.16	Hà Nội	7407	30M-195.38	Hà Nội			
5808	30M-094.85	Hà Nội	7408	30M-196.35	Hà Nội			
5809	30M-099.19	Hà Nội	7409	30M-202.25	Hà Nội			
5810	30M-108.19	Hà Nội	7410	30M-203.16	Hà Nội			
5811	30M-110.15	Hà Nội	7411	30M-206.08	Hà Nội			
5812	30M-123.08	Hà Nội	7412	30M-207.35	Hà Nội			
5813	30M-128.38	Hà Nội	7413	30M-218.65	Hà Nội			
5814	30M-129.56	Hà Nội	7414	30M-219.18	Hà Nội			
5815	30M-130.19	Hà Nội	7415	30M-219.56	Hà Nội			
5816	30M-130.29	Hà Nội	7416	30M-223.15	Hà Nội			
5817	30M-137.15	Hà Nội	7417	30M-223.18	Hà Nội			
5818	30M-159.28	Hà Nội	7418	30M-233.56	Hà Nội			
5819	30M-170.65	Hà Nội	7419	30M-237.18	Hà Nội			
5820	30M-175.16	Hà Nội	7420	30M-238.25	Hà Nội			
5821	30M-196.95	Hà Nội	7421	30M-240.29	Hà Nội			
5822	30M-200.26	Hà Nội	7422	30M-263.59	Hà Nội			
5823	30M-201.35	Hà Nội	7423	30M-269.38	Hà Nội			
5824	30M-201.95	Hà Nội	7424	30M-273.38	Hà Nội			
5825	30M-213.06	Hà Nội	7425	30M-278.29	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5826	30M-216.98	Hà Nội	7426	30M-280.35	Hà Nội			
5827	30M-226.18	Hà Nội	7427	30M-283.26	Hà Nội			
5828	30M-229.08	Hà Nội	7428	30M-285.16	Hà Nội			
5829	30M-235.19	Hà Nội	7429	30M-288.29	Hà Nội			
5830	30M-235.63	Hà Nội	7430	30M-300.18	Hà Nội			
5831	30M-235.95	Hà Nội	7431	30M-303.56	Hà Nội			
5832	30M-250.58	Hà Nội	7432	30M-314.19	Hà Nội			
5833	30M-252.35	Hà Nội	7433	30M-319.28	Hà Nội			
5834	30M-253.36	Hà Nội	7434	30M-323.29	Hà Nội			
5835	30M-254.95	Hà Nội	7435	30M-323.58	Hà Nội			
5836	30M-260.16	Hà Nội	7436	30M-342.98	Hà Nội			
5837	30M-262.85	Hà Nội	7437	30M-343.25	Hà Nội			
5838	30M-267.38	Hà Nội	7438	30M-351.25	Hà Nội			
5839	30M-274.36	Hà Nội	7439	30M-351.36	Hà Nội			
5840	30M-276.06	Hà Nội	7440	30M-357.96	Hà Nội			
5841	30M-277.98	Hà Nội	7441	30M-379.85	Hà Nội			
5842	30M-279.06	Hà Nội	7442	30M-382.25	Hà Nội			
5843	30M-286.19	Hà Nội	7443	30M-382.98	Hà Nội			
5844	30M-288.36	Hà Nội	7444	30M-384.36	Hà Nội			
5845	30M-296.56	Hà Nội	7445	30M-392.38	Hà Nội			
5846	30M-296.83	Hà Nội	7446	30M-397.35	Hà Nội			
5847	30M-298.25	Hà Nội	7447	30M-399.65	Hà Nội			
5848	30M-303.36	Hà Nội	7448	30M-406.65	Hà Nội			
5849	30M-304.96	Hà Nội	7449	30M-412.63	Hà Nội			
5850	30M-309.38	Hà Nội	7450	30M-417.85	Hà Nội			
5851	30M-313.25	Hà Nội	7451	30M-418.58	Hà Nội			
5852	30M-313.56	Hà Nội	7452	34A-921.85	Hải Dương			
5853	30M-314.29	Hà Nội	7453	34A-923.18	Hải Dương			
5854	30M-318.58	Hà Nội	7454	34A-923.35	Hải Dương			
5855	30M-323.26	Hà Nội	7455	34A-924.16	Hải Dương			
5856	30M-324.63	Hà Nội	7456	34A-928.36	Hải Dương			
5857	30M-325.19	Hà Nội	7457	34A-929.25	Hải Dương			
5858	30M-326.15	Hà Nội	7458	34A-931.06	Hải Dương			
5859	30M-334.65	Hà Nội	7459	34A-934.95	Hải Dương			
5860	30M-352.56	Hà Nội	7460	34A-936.18	Hải Dương			
5861	30M-358.65	Hà Nội	7461	34A-936.85	Hải Dương			
5862	30M-360.19	Hà Nội	7462	34A-945.38	Hải Dương			
5863	30M-365.08	Hà Nội	7463	34A-950.25	Hải Dương			
5864	30M-368.25	Hà Nội	7464	34A-951.35	Hải Dương			
5865	30M-370.28	Hà Nội	7465	34A-952.08	Hải Dương			
5866	30M-393.65	Hà Nội	7466	34A-976.58	Hải Dương			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5867	30M-400.06	Hà Nội	7467	34B-043.98	Hải Dương			
5868	30M-407.06	Hà Nội	7468	34B-046.36	Hải Dương			
5869	30M-407.63	Hà Nội	7469	34C-452.26	Hải Dương			
5870	30M-410.28	Hà Nội	7470	34C-452.59	Hải Dương			
5871	30M-412.15	Hà Nội	7471	35A-468.16	Ninh Bình			
5872	30M-414.98	Hà Nội	7472	35A-471.96	Ninh Bình			
5873	30M-419.26	Hà Nội	7473	35A-477.98	Ninh Bình			
5874	34A-921.28	Hải Dương	7474	35C-180.98	Ninh Bình			
5875	34A-928.83	Hải Dương	7475	36B-049.83	Thanh Hóa			
5876	34A-931.98	Hải Dương	7476	36C-559.15	Thanh Hóa			
5877	34A-955.65	Hải Dương	7477	36C-564.35	Thanh Hóa			
5878	34A-964.63	Hải Dương	7478	36C-566.38	Thanh Hóa			
5879	34A-965.58	Hải Dương	7479	36C-567.15	Thanh Hóa			
5880	34B-046.38	Hải Dương	7480	36C-572.58	Thanh Hóa			
5881	34C-433.18	Hải Dương	7481	36C-580.26	Thanh Hóa			
5882	34C-435.09	Hải Dương	7482	36K-231.85	Thanh Hóa			
5883	34C-439.85	Hải Dương	7483	36K-245.96	Thanh Hóa			
5884	34C-440.35	Hải Dương	7484	36K-253.96	Thanh Hóa			
5885	34C-446.28	Hải Dương	7485	36K-256.09	Thanh Hóa			
5886	34D-039.59	Hải Dương	7486	36K-262.83	Thanh Hóa			
5887	35A-464.09	Ninh Bình	7487	36K-276.26	Thanh Hóa			
5888	35A-464.18	Ninh Bình	7488	36K-291.85	Thanh Hóa			
5889	35A-466.15	Ninh Bình	7489	36K-300.19	Thanh Hóa			
5890	35A-467.98	Ninh Bình	7490	36K-302.63	Thanh Hóa			
5891	35A-473.56	Ninh Bình	7491	36K-302.83	Thanh Hóa			
5892	35A-482.26	Ninh Bình	7492	37C-570.65	Nghệ An			
5893	35B-023.29	Ninh Bình	7493	37C-577.56	Nghệ An			
5894	35C-182.26	Ninh Bình	7494	37C-578.18	Nghệ An			
5895	35C-184.56	Ninh Bình	7495	37C-581.59	Nghệ An			
5896	35D-018.98	Ninh Bình	7496	37C-590.96	Nghệ An			
5897	36C-552.08	Thanh Hóa	7497	37C-593.83	Nghệ An			
5898	36C-559.58	Thanh Hóa	7498	37K-482.18	Nghệ An			
5899	36C-561.18	Thanh Hóa	7499	37K-492.15	Nghệ An			
5900	36C-561.36	Thanh Hóa	7500	37K-495.63	Nghệ An			
5901	36C-566.29	Thanh Hóa	7501	37K-496.16	Nghệ An			
5902	36C-575.18	Thanh Hóa	7502	37K-498.35	Nghệ An			
5903	36C-576.63	Thanh Hóa	7503	37K-510.58	Nghệ An			
5904	36D-030.65	Thanh Hóa	7504	37K-510.59	Nghệ An			
5905	36D-030.96	Thanh Hóa	7505	37K-511.28	Nghệ An			
5906	36D-033.16	Thanh Hóa	7506	37K-513.25	Nghệ An			
5907	36K-235.98	Thanh Hóa	7507	37K-516.56	Nghệ An			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5908	36K-239.29	Thanh Hóa	7508	37K-516.59	Nghệ An			
5909	36K-248.29	Thanh Hóa	7509	37K-519.18	Nghệ An			
5910	36K-251.28	Thanh Hóa	7510	37K-530.65	Nghệ An			
5911	36K-269.06	Thanh Hóa	7511	37K-537.19	Nghệ An			
5912	36K-283.16	Thanh Hóa	7512	37K-540.26	Nghệ An			
5913	36K-294.65	Thanh Hóa	7513	37K-553.06	Nghệ An			
5914	36K-295.06	Thanh Hóa	7514	37K-561.98	Nghệ An			
5915	36K-298.85	Thanh Hóa	7515	37K-564.28	Nghệ An			
5916	36K-299.95	Thanh Hóa	7516	37K-564.38	Nghệ An			
5917	37B-048.98	Nghệ An	7517	37K-564.59	Nghệ An			
5918	37C-568.16	Nghệ An	7518	37K-564.98	Nghệ An			
5919	37C-575.28	Nghệ An	7519	37K-566.58	Nghệ An			
5920	37C-578.63	Nghệ An	7520	37K-574.35	Nghệ An			
5921	37C-579.83	Nghệ An	7521	38A-681.29	Hà Tĩnh			
5922	37C-589.56	Nghệ An	7522	38A-689.16	Hà Tĩnh			
5923	37C-592.98	Nghệ An	7523	38A-697.56	Hà Tĩnh			
5924	37C-596.98	Nghệ An	7524	38A-708.38	Hà Tĩnh			
5925	37K-485.16	Nghệ An	7525	38A-711.85	Hà Tĩnh			
5926	37K-493.06	Nghệ An	7526	38C-249.19	Hà Tĩnh			
5927	37K-494.65	Nghệ An	7527	38C-253.83	Hà Tĩnh			
5928	37K-500.16	Nghệ An	7528	38D-020.56	Hà Tĩnh			
5929	37K-502.63	Nghệ An	7529	43A-950.16	Đà Nẵng			
5930	37K-504.08	Nghệ An	7530	43A-950.29	Đà Nẵng			
5931	37K-528.16	Nghệ An	7531	43A-951.16	Đà Nẵng			
5932	37K-533.29	Nghệ An	7532	43A-951.28	Đà Nẵng			
5933	37K-533.85	Nghệ An	7533	43A-960.28	Đà Nẵng			
5934	37K-535.59	Nghệ An	7534	43A-967.58	Đà Nẵng			
5935	37K-537.15	Nghệ An	7535	43A-968.35	Đà Nẵng			
5936	37K-541.36	Nghệ An	7536	43A-975.65	Đà Nẵng			
5937	37K-549.98	Nghệ An	7537	43A-977.28	Đà Nẵng			
5938	37K-554.98	Nghệ An	7538	47A-816.63	Đắk Lắk			
5939	37K-557.28	Nghệ An	7539	47A-816.65	Đắk Lắk			
5940	37K-565.28	Nghệ An	7540	47A-820.29	Đắk Lắk			
5941	37K-566.25	Nghệ An	7541	47A-820.59	Đắk Lắk			
5942	37K-574.56	Nghệ An	7542	47A-824.83	Đắk Lắk			
5943	38A-681.95	Hà Tĩnh	7543	47A-838.59	Đắk Lắk			
5944	38A-682.96	Hà Tĩnh	7544	47A-844.28	Đắk Lắk			
5945	38A-685.56	Hà Tĩnh	7545	47A-851.25	Đắk Lắk			
5946	38A-692.59	Hà Tĩnh	7546	47A-853.56	Đắk Lắk			
5947	38A-694.59	Hà Tĩnh	7547	47A-860.28	Đắk Lắk			
5948	38A-702.83	Hà Tĩnh	7548	47C-400.19	Đắk Lắk			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5949	38A-706.16	Hà Tĩnh	7549	47C-401.98	Đắk Lắk			
5950	38A-707.26	Hà Tĩnh	7550	47C-412.83	Đắk Lắk			
5951	38B-024.85	Hà Tĩnh	7551	47C-415.35	Đắk Lắk			
5952	38C-247.15	Hà Tĩnh	7552	47D-018.95	Đắk Lắk			
5953	38C-249.35	Hà Tĩnh	7553	47D-021.26	Đắk Lắk			
5954	38C-252.28	Hà Tĩnh	7554	47D-022.59	Đắk Lắk			
5955	38C-252.85	Hà Tĩnh	7555	47D-024.85	Đắk Lắk			
5956	38D-023.65	Hà Tĩnh	7556	48A-256.85	Đắk Nông			
5957	43A-945.26	Đà Nẵng	7557	48A-257.36	Đắk Nông			
5958	43A-948.15	Đà Nẵng	7558	48B-016.65	Đắk Nông			
5959	43A-956.85	Đà Nẵng	7559	48C-121.29	Đắk Nông			
5960	43A-959.85	Đà Nẵng	7560	48C-123.25	Đắk Nông			
5961	43A-970.85	Đà Nẵng	7561	48D-006.63	Đắk Nông			
5962	43A-972.25	Đà Nẵng	7562	48D-006.85	Đắk Nông			
5963	43A-975.25	Đà Nẵng	7563	49A-747.38	Lâm Đồng			
5964	43A-976.59	Đà Nẵng	7564	49A-748.65	Lâm Đồng			
5965	43A-978.19	Đà Nẵng	7565	49A-755.09	Lâm Đồng			
5966	43D-012.38	Đà Nẵng	7566	49A-756.38	Lâm Đồng			
5967	47A-813.96	Đắk Lắk	7567	49A-756.59	Lâm Đồng			
5968	47A-816.38	Đắk Lắk	7568	49A-757.83	Lâm Đồng			
5969	47A-835.26	Đắk Lắk	7569	49A-761.26	Lâm Đồng			
5970	47A-839.56	Đắk Lắk	7570	49A-761.83	Lâm Đồng			
5971	47A-847.09	Đắk Lắk	7571	49A-762.35	Lâm Đồng			
5972	47A-847.56	Đắk Lắk	7572	49A-766.28	Lâm Đồng			
5973	47A-857.29	Đắk Lắk	7573	49A-770.83	Lâm Đồng			
5974	47A-857.83	Đắk Lắk	7574	49A-771.26	Lâm Đồng			
5975	47C-397.56	Đắk Lắk	7575	49A-774.63	Lâm Đồng			
5976	47C-399.36	Đắk Lắk	7576	49B-032.63	Lâm Đồng			
5977	47C-417.36	Đắk Lắk	7577	49B-033.15	Lâm Đồng			
5978	47C-422.65	Đắk Lắk	7578	49B-033.25	Lâm Đồng			
5979	47D-020.63	Đắk Lắk	7579	49B-035.58	Lâm Đồng			
5980	47D-025.08	Đắk Lắk	7580	49C-396.95	Lâm Đồng			
5981	48A-250.95	Đắk Nông	7581	51B-716.15	Hồ Chí Minh			
5982	48A-252.59	Đắk Nông	7582	51E-349.63	Hồ Chí Minh			
5983	48A-252.96	Đắk Nông	7583	51L-899.16	Hồ Chí Minh			
5984	48A-253.65	Đắk Nông	7584	51L-901.26	Hồ Chí Minh			
5985	48A-255.85	Đắk Nông	7585	51L-902.95	Hồ Chí Minh			
5986	48A-260.65	Đắk Nông	7586	51L-908.35	Hồ Chí Minh			
5987	48C-120.09	Đắk Nông	7587	51L-909.26	Hồ Chí Minh			
5988	48C-120.29	Đắk Nông	7588	51L-912.29	Hồ Chí Minh			
5989	48C-123.06	Đắk Nông	7589	51L-912.85	Hồ Chí Minh			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5990	49A-749.56	Lâm Đồng	7590	51L-915.85	Hồ Chí Minh			
5991	49A-753.85	Lâm Đồng	7591	51L-920.08	Hồ Chí Minh			
5992	49A-767.28	Lâm Đồng	7592	51L-927.18	Hồ Chí Minh			
5993	49A-771.95	Lâm Đồng	7593	51L-927.19	Hồ Chí Minh			
5994	49A-772.28	Lâm Đồng	7594	51L-928.96	Hồ Chí Minh			
5995	49C-387.16	Lâm Đồng	7595	51L-929.28	Hồ Chí Minh			
5996	49C-390.25	Lâm Đồng	7596	51L-939.58	Hồ Chí Minh			
5997	49C-395.16	Lâm Đồng	7597	51L-939.63	Hồ Chí Minh			
5998	49D-017.09	Lâm Đồng	7598	51L-947.29	Hồ Chí Minh			
5999	51B-715.26	Hồ Chí Minh	7599	51L-949.65	Hồ Chí Minh			
6000	51E-343.83	Hồ Chí Minh	7600	51L-953.26	Hồ Chí Minh			
6001	51E-351.85	Hồ Chí Minh	7601	51L-972.26	Hồ Chí Minh			
6002	51E-353.26	Hồ Chí Minh	7602	51L-986.38	Hồ Chí Minh			
6003	51L-913.98	Hồ Chí Minh	7603	51L-987.29	Hồ Chí Minh			
6004	51L-916.95	Hồ Chí Minh	7604	51L-992.85	Hồ Chí Minh			
6005	51L-918.58	Hồ Chí Minh	7605	51L-993.35	Hồ Chí Minh			
6006	51L-931.16	Hồ Chí Minh	7606	51L-994.19	Hồ Chí Minh			
6007	51L-944.65	Hồ Chí Minh	7607	51M-052.28	Hồ Chí Minh			
6008	51L-945.26	Hồ Chí Minh	7608	51M-060.58	Hồ Chí Minh			
6009	51L-946.16	Hồ Chí Minh	7609	51M-075.35	Hồ Chí Minh			
6010	51L-946.26	Hồ Chí Minh	7610	51M-078.19	Hồ Chí Minh			
6011	51L-954.28	Hồ Chí Minh	7611	51M-078.85	Hồ Chí Minh			
6012	51L-958.06	Hồ Chí Minh	7612	51M-081.29	Hồ Chí Minh			
6013	51L-961.58	Hồ Chí Minh	7613	51M-083.18	Hồ Chí Minh			
6014	51L-961.63	Hồ Chí Minh	7614	51M-102.96	Hồ Chí Minh			
6015	51L-964.26	Hồ Chí Minh	7615	51M-104.08	Hồ Chí Minh			
6016	51L-966.36	Hồ Chí Minh	7616	51M-104.56	Hồ Chí Minh			
6017	51L-973.59	Hồ Chí Minh	7617	51M-105.38	Hồ Chí Minh			
6018	51L-980.06	Hồ Chí Minh	7618	51M-113.83	Hồ Chí Minh			
6019	51L-986.29	Hồ Chí Minh	7619	51M-118.09	Hồ Chí Minh			
6020	51L-986.83	Hồ Chí Minh	7620	51M-118.58	Hồ Chí Minh			
6021	51L-990.98	Hồ Chí Minh	7621	51M-120.59	Hồ Chí Minh			
6022	51L-992.38	Hồ Chí Minh	7622	51M-124.15	Hồ Chí Minh			
6023	51L-992.65	Hồ Chí Minh	7623	51M-129.58	Hồ Chí Minh			
6024	51M-052.18	Hồ Chí Minh	7624	51M-139.16	Hồ Chí Minh			
6025	51M-057.08	Hồ Chí Minh	7625	51M-146.06	Hồ Chí Minh			
6026	51M-061.63	Hồ Chí Minh	7626	51M-160.96	Hồ Chí Minh			
6027	51M-067.59	Hồ Chí Minh	7627	51M-166.26	Hồ Chí Minh			
6028	51M-068.08	Hồ Chí Minh	7628	51M-172.83	Hồ Chí Minh			
6029	51M-075.26	Hồ Chí Minh	7629	51M-176.83	Hồ Chí Minh			
6030	51M-081.06	Hồ Chí Minh	7630	51M-177.35	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6031	51M-081.28	Hồ Chí Minh	7631	51M-178.85	Hồ Chí Minh			
6032	51M-101.19	Hồ Chí Minh	7632	51M-187.65	Hồ Chí Minh			
6033	51M-102.19	Hồ Chí Minh	7633	51M-188.28	Hồ Chí Minh			
6034	51M-107.83	Hồ Chí Minh	7634	51M-194.08	Hồ Chí Minh			
6035	51M-108.65	Hồ Chí Minh	7635	51M-195.18	Hồ Chí Minh			
6036	51M-112.28	Hồ Chí Minh	7636	51M-195.28	Hồ Chí Minh			
6037	51M-113.38	Hồ Chí Minh	7637	51M-201.98	Hồ Chí Minh			
6038	51M-119.56	Hồ Chí Minh	7638	51M-203.96	Hồ Chí Minh			
6039	51M-131.85	Hồ Chí Minh	7639	51M-207.58	Hồ Chí Minh			
6040	51M-135.98	Hồ Chí Minh	7640	51M-207.59	Hồ Chí Minh			
6041	51M-146.96	Hồ Chí Minh	7641	51M-208.19	Hồ Chí Minh			
6042	51M-150.56	Hồ Chí Minh	7642	51M-213.98	Hồ Chí Minh			
6043	51M-151.96	Hồ Chí Minh	7643	51M-223.38	Hồ Chí Minh			
6044	51M-152.96	Hồ Chí Minh	7644	51M-233.58	Hồ Chí Minh			
6045	51M-163.08	Hồ Chí Minh	7645	51M-241.56	Hồ Chí Minh			
6046	51M-164.26	Hồ Chí Minh	7646	51M-243.63	Hồ Chí Minh			
6047	51M-170.38	Hồ Chí Minh	7647	51M-245.56	Hồ Chí Minh			
6048	51M-176.25	Hồ Chí Minh	7648	51M-252.58	Hồ Chí Minh			
6049	51M-194.28	Hồ Chí Minh	7649	51M-258.16	Hồ Chí Minh			
6050	51M-201.06	Hồ Chí Minh	7650	51M-258.35	Hồ Chí Minh			
6051	51M-201.29	Hồ Chí Minh	7651	51M-258.63	Hồ Chí Minh			
6052	51M-202.95	Hồ Chí Minh	7652	51M-259.98	Hồ Chí Minh			
6053	51M-207.09	Hồ Chí Minh	7653	51M-261.19	Hồ Chí Minh			
6054	51M-216.96	Hồ Chí Minh	7654	51M-262.18	Hồ Chí Minh			
6055	51M-218.28	Hồ Chí Minh	7655	51M-271.38	Hồ Chí Minh			
6056	51M-224.65	Hồ Chí Minh	7656	51M-275.09	Hồ Chí Minh			
6057	51M-229.59	Hồ Chí Minh	7657	51M-278.96	Hồ Chí Minh			
6058	51M-239.26	Hồ Chí Minh	7658	51M-285.83	Hồ Chí Minh			
6059	51M-239.65	Hồ Chí Minh	7659	51M-287.59	Hồ Chí Minh			
6060	51M-243.28	Hồ Chí Minh	7660	51M-289.38	Hồ Chí Minh			
6061	51M-256.96	Hồ Chí Minh	7661	51M-290.98	Hồ Chí Minh			
6062	51M-269.28	Hồ Chí Minh	7662	51M-295.25	Hồ Chí Minh			
6063	51M-277.36	Hồ Chí Minh	7663	51M-295.98	Hồ Chí Minh			
6064	51M-280.38	Hồ Chí Minh	7664	51M-300.83	Hồ Chí Minh			
6065	51M-282.36	Hồ Chí Minh	7665	51M-309.63	Hồ Chí Minh			
6066	51M-282.85	Hồ Chí Minh	7666	51M-310.65	Hồ Chí Minh			
6067	51M-296.83	Hồ Chí Minh	7667	51N-000.85	Hồ Chí Minh			
6068	51M-305.16	Hồ Chí Minh	7668	51N-002.83	Hồ Chí Minh			
6069	51N-006.08	Hồ Chí Minh	7669	51N-011.85	Hồ Chí Minh			
6070	51N-013.09	Hồ Chí Minh	7670	51N-018.06	Hồ Chí Minh			
6071	51N-018.59	Hồ Chí Minh	7671	51N-021.95	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6072	51N-021.26	Hồ Chí Minh	7672	51N-025.85	Hồ Chí Minh			
6073	51N-024.15	Hồ Chí Minh	7673	51N-030.15	Hồ Chí Minh			
6074	51N-033.95	Hồ Chí Minh	7674	51N-032.95	Hồ Chí Minh			
6075	51N-033.96	Hồ Chí Minh	7675	51N-032.96	Hồ Chí Minh			
6076	51N-038.95	Hồ Chí Minh	7676	51N-036.15	Hồ Chí Minh			
6077	51N-044.95	Hồ Chí Minh	7677	51N-037.15	Hồ Chí Minh			
6078	51N-050.28	Hồ Chí Minh	7678	51N-041.19	Hồ Chí Minh			
6079	51N-050.29	Hồ Chí Minh	7679	51N-049.63	Hồ Chí Minh			
6080	51N-051.16	Hồ Chí Minh	7680	51N-054.38	Hồ Chí Minh			
6081	51N-052.09	Hồ Chí Minh	7681	51N-060.85	Hồ Chí Minh			
6082	51N-054.06	Hồ Chí Minh	7682	51N-066.28	Hồ Chí Minh			
6083	51N-062.59	Hồ Chí Minh	7683	51N-070.85	Hồ Chí Minh			
6084	51N-066.98	Hồ Chí Minh	7684	51N-076.18	Hồ Chí Minh			
6085	51N-091.16	Hồ Chí Minh	7685	51N-076.28	Hồ Chí Minh			
6086	51N-096.16	Hồ Chí Minh	7686	51N-079.98	Hồ Chí Minh			
6087	51N-098.25	Hồ Chí Minh	7687	51N-091.28	Hồ Chí Minh			
6088	51N-099.28	Hồ Chí Minh	7688	51N-093.56	Hồ Chí Minh			
6089	51N-104.85	Hồ Chí Minh	7689	51N-102.36	Hồ Chí Minh			
6090	51N-107.25	Hồ Chí Minh	7690	51N-103.36	Hồ Chí Minh			
6091	51N-107.29	Hồ Chí Minh	7691	51N-104.96	Hồ Chí Minh			
6092	51N-112.29	Hồ Chí Minh	7692	51N-123.38	Hồ Chí Minh			
6093	51N-120.09	Hồ Chí Minh	7693	51N-127.08	Hồ Chí Minh			
6094	51N-120.26	Hồ Chí Minh	7694	51N-133.83	Hồ Chí Minh			
6095	51N-125.63	Hồ Chí Minh	7695	51N-135.16	Hồ Chí Minh			
6096	51N-126.16	Hồ Chí Minh	7696	51N-138.96	Hồ Chí Minh			
6097	51N-133.16	Hồ Chí Minh	7697	51N-139.98	Hồ Chí Minh			
6098	51N-133.65	Hồ Chí Minh	7698	51N-145.83	Hồ Chí Minh			
6099	51N-134.95	Hồ Chí Minh	7699	51N-148.26	Hồ Chí Minh			
6100	51N-137.08	Hồ Chí Minh	7700	51N-152.59	Hồ Chí Minh			
6101	51N-139.58	Hồ Chí Minh	7701	51N-156.36	Hồ Chí Minh			
6102	51N-147.19	Hồ Chí Minh	7702	60B-079.09	Đồng Nai			
6103	51N-149.08	Hồ Chí Minh	7703	60C-760.28	Đồng Nai			
6104	51N-152.35	Hồ Chí Minh	7704	60C-767.38	Đồng Nai			
6105	51N-153.19	Hồ Chí Minh	7705	60C-769.08	Đồng Nai			
6106	60B-078.15	Đồng Nai	7706	60C-771.29	Đồng Nai			
6107	60B-079.19	Đồng Nai	7707	60C-772.08	Đồng Nai			
6108	60B-081.19	Đồng Nai	7708	60C-777.63	Đồng Nai			
6109	60C-762.08	Đồng Nai	7709	60C-779.25	Đồng Nai			
6110	60C-763.08	Đồng Nai	7710	60D-025.19	Đồng Nai			
6111	60C-768.06	Đồng Nai	7711	60D-025.83	Đồng Nai			
6112	60C-773.09	Đồng Nai	7712	60K-626.83	Đồng Nai			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6113	60C-786.56	Đồng Nai	7713	60K-631.08	Đồng Nai			
6114	60C-793.36	Đồng Nai	7714	60K-633.08	Đồng Nai			
6115	60K-622.08	Đồng Nai	7715	60K-635.95	Đồng Nai			
6116	60K-622.09	Đồng Nai	7716	60K-641.15	Đồng Nai			
6117	60K-624.28	Đồng Nai	7717	60K-643.59	Đồng Nai			
6118	60K-626.16	Đồng Nai	7718	60K-647.59	Đồng Nai			
6119	60K-628.25	Đồng Nai	7719	60K-655.36	Đồng Nai			
6120	60K-631.26	Đồng Nai	7720	60K-658.29	Đồng Nai			
6121	60K-640.63	Đồng Nai	7721	60K-670.83	Đồng Nai			
6122	60K-642.18	Đồng Nai	7722	60K-673.85	Đồng Nai			
6123	60K-644.85	Đồng Nai	7723	60K-674.29	Đồng Nai			
6124	60K-648.96	Đồng Nai	7724	60K-680.85	Đồng Nai			
6125	60K-652.38	Đồng Nai	7725	60K-681.19	Đồng Nai			
6126	60K-659.25	Đồng Nai	7726	60K-681.59	Đồng Nai			
6127	60K-659.98	Đồng Nai	7727	61B-046.63	Bình Dương			
6128	60K-661.98	Đồng Nai	7728	61C-614.19	Bình Dương			
6129	60K-675.08	Đồng Nai	7729	61C-615.18	Bình Dương			
6130	60K-680.26	Đồng Nai	7730	61C-624.98	Bình Dương			
6131	60K-690.15	Đồng Nai	7731	61C-632.35	Bình Dương			
6132	60K-698.09	Đồng Nai	7732	61C-633.28	Bình Dương			
6133	61B-046.28	Bình Dương	7733	61C-637.56	Bình Dương			
6134	61C-611.06	Bình Dương	7734	61C-642.83	Bình Dương			
6135	61C-615.65	Bình Dương	7735	61C-644.06	Bình Dương			
6136	61C-631.09	Bình Dương	7736	61K-525.83	Bình Dương			
6137	61C-631.96	Bình Dương	7737	61K-529.15	Bình Dương			
6138	61C-638.19	Bình Dương	7738	61K-529.16	Bình Dương			
6139	61D-025.29	Bình Dương	7739	61K-532.36	Bình Dương			
6140	61D-026.25	Bình Dương	7740	61K-532.83	Bình Dương			
6141	61K-527.83	Bình Dương	7741	61K-533.59	Bình Dương			
6142	61K-537.63	Bình Dương	7742	61K-535.83	Bình Dương			
6143	61K-539.08	Bình Dương	7743	61K-538.26	Bình Dương			
6144	61K-542.15	Bình Dương	7744	61K-539.19	Bình Dương			
6145	61K-545.63	Bình Dương	7745	61K-548.28	Bình Dương			
6146	61K-548.35	Bình Dương	7746	61K-570.25	Bình Dương			
6147	61K-553.38	Bình Dương	7747	61K-570.59	Bình Dương			
6148	61K-554.85	Bình Dương	7748	61K-571.15	Bình Dương			
6149	61K-557.18	Bình Dương	7749	61K-575.26	Bình Dương			
6150	61K-559.16	Bình Dương	7750	61K-577.08	Bình Dương			
6151	61K-563.96	Bình Dương	7751	61K-591.06	Bình Dương			
6152	61K-566.19	Bình Dương	7752	61K-595.08	Bình Dương			
6153	61K-571.83	Bình Dương	7753	62A-471.16	Long An			

Ca đấu buổi chiều

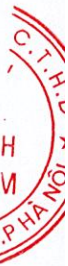
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6154	61K-573.58	Bình Dương	7754	62A-471.63	Long An			
6155	61K-576.09	Bình Dương	7755	62A-474.95	Long An			
6156	61K-576.19	Bình Dương	7756	62A-484.26	Long An			
6157	61K-590.25	Bình Dương	7757	62B-032.35	Long An			
6158	61K-594.28	Bình Dương	7758	62C-217.65	Long An			
6159	61K-595.65	Bình Dương	7759	62C-221.36	Long An			
6160	62A-470.85	Long An	7760	62C-222.65	Long An			
6161	62A-480.28	Long An	7761	62D-015.85	Long An			
6162	62A-480.35	Long An	7762	63A-326.98	Tiền Giang			
6163	62A-489.15	Long An	7763	63A-331.28	Tiền Giang			
6164	62A-491.98	Long An	7764	63A-332.08	Tiền Giang			
6165	62C-217.96	Long An	7765	63A-332.19	Tiền Giang			
6166	62C-221.35	Long An	7766	63A-336.65	Tiền Giang			
6167	62C-224.15	Long An	7767	63A-337.09	Tiền Giang			
6168	62D-016.38	Long An	7768	63A-340.08	Tiền Giang			
6169	63A-326.28	Tiền Giang	7769	63C-233.08	Tiền Giang			
6170	63A-329.16	Tiền Giang	7770	63C-236.26	Tiền Giang			
6171	63A-334.83	Tiền Giang	7771	63C-238.59	Tiền Giang			
6172	63A-336.96	Tiền Giang	7772	63C-239.28	Tiền Giang			
6173	63A-338.26	Tiền Giang	7773	64A-209.16	Vĩnh Long			
6174	63A-338.85	Tiền Giang	7774	64A-212.59	Vĩnh Long			
6175	63C-230.16	Tiền Giang	7775	64A-212.65	Vĩnh Long			
6176	63C-233.59	Tiền Giang	7776	64A-213.19	Vĩnh Long			
6177	63C-240.16	Tiền Giang	7777	64C-136.28	Vĩnh Long			
6178	64A-204.36	Vĩnh Long	7778	64C-139.25	Vĩnh Long			
6179	64A-205.35	Vĩnh Long	7779	64D-006.59	Vĩnh Long			
6180	64A-210.59	Vĩnh Long	7780	65A-523.29	Cần Thơ			
6181	64A-214.19	Vĩnh Long	7781	65A-525.28	Cần Thơ			
6182	64B-018.56	Vĩnh Long	7782	65A-526.98	Cần Thơ			
6183	64B-018.83	Vĩnh Long	7783	65A-532.38	Cần Thơ			
6184	65A-517.25	Cần Thơ	7784	65C-264.06	Cần Thơ			
6185	65A-529.98	Cần Thơ	7785	65C-269.09	Cần Thơ			
6186	65C-253.19	Cần Thơ	7786	65C-270.58	Cần Thơ			
6187	65C-273.59	Cần Thơ	7787	65D-013.56	Cần Thơ			
6188	65C-280.16	Cần Thơ	7788	66A-310.19	Đồng Tháp			
6189	66A-302.35	Đồng Tháp	7789	66C-185.09	Đồng Tháp			
6190	66A-305.36	Đồng Tháp	7790	66C-186.09	Đồng Tháp			
6191	66A-305.38	Đồng Tháp	7791	67A-329.65	An Giang			
6192	66A-309.59	Đồng Tháp	7792	67A-335.59	An Giang			
6193	66A-311.56	Đồng Tháp	7793	67A-338.96	An Giang			
6194	66C-183.65	Đồng Tháp	7794	67A-342.58	An Giang			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6195	66C-183.98	Đồng Tháp	7795	67A-345.16	An Giang			
6196	66C-191.26	Đồng Tháp	7796	67C-194.63	An Giang			
6197	67A-334.26	An Giang	7797	67C-195.58	An Giang			
6198	67A-337.29	An Giang	7798	68A-366.16	Kiên Giang			
6199	67A-342.98	An Giang	7799	68C-178.08	Kiên Giang			
6200	67A-343.98	An Giang	7800	68C-185.15	Kiên Giang			
6201	67C-190.06	An Giang	7801	69A-174.96	Cà Mau			
6202	68A-366.85	Kiên Giang	7802	69A-175.28	Cà Mau			
6203	68A-373.08	Kiên Giang	7803	70A-604.65	Tây Ninh			
6204	68A-377.16	Kiên Giang	7804	70A-605.35	Tây Ninh			
6205	68A-378.58	Kiên Giang	7805	70A-612.35	Tây Ninh			
6206	68A-381.25	Kiên Giang	7806	71A-214.58	Bến Tre			
6207	68C-185.56	Kiên Giang	7807	71A-217.83	Bến Tre			
6208	69A-171.06	Cà Mau	7808	71A-221.56	Bến Tre			
6209	69B-015.95	Cà Mau	7809	71A-222.85	Bến Tre			
6210	70A-591.26	Tây Ninh	7810	71B-024.19	Bến Tre			
6211	70A-596.18	Tây Ninh	7811	71B-025.19	Bến Tre			
6212	70A-596.58	Tây Ninh	7812	71C-138.58	Bến Tre			
6213	70A-600.08	Tây Ninh	7813	71D-006.16	Bến Tre			
6214	70A-602.95	Tây Ninh	7814	71D-006.36	Bến Tre			
6215	70A-606.15	Tây Ninh	7815	72A-845.15	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6216	70A-609.58	Tây Ninh	7816	72A-849.18	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6217	70A-610.06	Tây Ninh	7817	72A-860.63	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6218	70B-036.18	Tây Ninh	7818	72A-862.95	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6219	70C-215.06	Tây Ninh	7819	72A-874.06	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6220	70C-215.28	Tây Ninh	7820	72A-877.06	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6221	70D-013.26	Tây Ninh	7821	72B-045.29	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6222	71A-212.96	Bến Tre	7822	72B-047.59	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6223	71A-223.16	Bến Tre	7823	72B-048.15	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6224	71B-024.98	Bến Tre	7824	72C-269.15	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6225	71B-025.56	Bến Tre	7825	72C-276.26	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6226	71C-135.95	Bến Tre	7826	73A-371.26	Quảng Bình			
6227	71C-138.96	Bến Tre	7827	73A-376.19	Quảng Bình			
6228	72A-846.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	7828	73A-382.98	Quảng Bình			
6229	72A-853.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	7829	73A-383.63	Quảng Bình			
6230	72A-857.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	7830	73C-193.15	Quảng Bình			
6231	72A-863.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	7831	73C-196.26	Quảng Bình			
6232	72A-866.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	7832	73C-197.28	Quảng Bình			
6233	72A-871.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	7833	73C-197.36	Quảng Bình			
6234	72A-883.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	7834	73D-010.56	Quảng Bình			
6235	72C-266.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	7835	74A-283.56	Quảng Trị			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6236	72C-267.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	7836	74A-284.25	Quảng Trị			
6237	72C-270.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	7837	74A-285.15	Quảng Trị			
6238	72C-280.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	7838	74D-014.16	Quảng Trị			
6239	72D-013.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	7839	75A-390.29	Thừa Thiên Huế			
6240	73A-373.95	Quảng Bình	7840	75A-392.06	Thừa Thiên Huế			
6241	73A-374.65	Quảng Bình	7841	75A-395.56	Thừa Thiên Huế			
6242	73A-380.58	Quảng Bình	7842	75A-396.28	Thừa Thiên Huế			
6243	73A-381.08	Quảng Bình	7843	75A-401.18	Thừa Thiên Huế			
6244	73B-017.08	Quảng Bình	7844	75A-402.19	Thừa Thiên Huế			
6245	73C-195.65	Quảng Bình	7845	75C-163.35	Thừa Thiên Huế			
6246	73D-010.38	Quảng Bình	7846	76A-325.59	Quảng Ngãi			
6247	73D-011.09	Quảng Bình	7847	76A-329.65	Quảng Ngãi			
6248	74D-012.98	Quảng Trị	7848	76A-334.16	Quảng Ngãi			
6249	75A-392.38	Thừa Thiên Huế	7849	76C-182.08	Quảng Ngãi			
6250	75C-158.36	Thừa Thiên Huế	7850	76D-012.56	Quảng Ngãi			
6251	75D-009.85	Thừa Thiên Huế	7851	76D-015.35	Quảng Ngãi			
6252	76A-327.63	Quảng Ngãi	7852	76D-015.63	Quảng Ngãi			
6253	76A-328.16	Quảng Ngãi	7853	77A-361.58	Bình Định			
6254	76A-334.06	Quảng Ngãi	7854	77A-364.98	Bình Định			
6255	76C-182.09	Quảng Ngãi	7855	77A-367.65	Bình Định			
6256	76D-012.36	Quảng Ngãi	7856	77A-368.35	Bình Định			
6257	76D-014.59	Quảng Ngãi	7857	77A-370.09	Bình Định			
6258	77A-359.18	Bình Định	7858	77B-039.25	Bình Định			
6259	77A-359.28	Bình Định	7859	77C-261.25	Bình Định			
6260	77B-041.19	Bình Định	7860	78A-219.29	Phú Yên			
6261	77C-265.08	Bình Định	7861	78B-022.16	Phú Yên			
6262	77D-006.65	Bình Định	7862	78D-006.98	Phú Yên			
6263	77D-008.29	Bình Định	7863	78D-008.25	Phú Yên			
6264	77D-009.85	Bình Định	7864	79A-570.36	Khánh Hòa			
6265	79A-576.59	Khánh Hòa	7865	79A-572.09	Khánh Hòa			
6266	79A-592.26	Khánh Hòa	7866	79A-582.06	Khánh Hòa			
6267	79B-046.59	Khánh Hòa	7867	79A-587.16	Khánh Hòa			
6268	79C-229.06	Khánh Hòa	7868	79B-044.56	Khánh Hòa			
6269	79C-234.59	Khánh Hòa	7869	79C-227.83	Khánh Hòa			
6270	79D-012.65	Khánh Hòa	7870	79C-228.38	Khánh Hòa			
6271	81A-462.28	Gia Lai	7871	79C-230.35	Khánh Hòa			
6272	81A-469.28	Gia Lai	7872	79C-233.08	Khánh Hòa			
6273	81A-469.98	Gia Lai	7873	81A-456.59	Gia Lai			
6274	81A-474.58	Gia Lai	7874	81A-457.18	Gia Lai			
6275	81A-475.96	Gia Lai	7875	81A-458.08	Gia Lai			
6276	81B-029.38	Gia Lai	7876	81A-459.35	Gia Lai			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6277	81B-031.63	Gia Lai	7877	81A-467.35	Gia Lai			
6278	81C-287.06	Gia Lai	7878	81C-283.25	Gia Lai			
6279	81C-288.59	Gia Lai	7879	81C-285.36	Gia Lai			
6280	81C-295.28	Gia Lai	7880	81C-291.59	Gia Lai			
6281	81C-295.36	Gia Lai	7881	81C-298.36	Gia Lai			
6282	81C-300.18	Gia Lai	7882	81C-299.38	Gia Lai			
6283	81D-013.83	Gia Lai	7883	81C-299.85	Gia Lai			
6284	81D-017.19	Gia Lai	7884	82A-159.06	Kon Tum			
6285	82A-161.95	Kon Tum	7885	82A-160.18	Kon Tum			
6286	82B-020.38	Kon Tum	7886	82A-162.85	Kon Tum			
6287	82B-022.36	Kon Tum	7887	82A-164.85	Kon Tum			
6288	82C-096.19	Kon Tum	7888	82B-022.28	Kon Tum			
6289	82C-097.85	Kon Tum	7889	83A-195.58	Sóc Trăng			
6290	83A-200.63	Sóc Trăng	7890	83A-196.29	Sóc Trăng			
6291	83A-200.65	Sóc Trăng	7891	83A-198.06	Sóc Trăng			
6292	83B-024.38	Sóc Trăng	7892	83B-024.85	Sóc Trăng			
6293	83B-026.35	Sóc Trăng	7893	83B-025.08	Sóc Trăng			
6294	83C-133.09	Sóc Trăng	7894	83C-135.19	Sóc Trăng			
6295	83C-135.26	Sóc Trăng	7895	83C-138.59	Sóc Trăng			
6296	83C-135.85	Sóc Trăng	7896	83D-011.83	Sóc Trăng			
6297	84B-022.09	Trà Vinh	7897	84A-152.29	Trà Vinh			
6298	84D-006.26	Trà Vinh	7898	84C-125.38	Trà Vinh			
6299	85A-150.18	Ninh Thuận	7899	84D-007.28	Trà Vinh			
6300	85B-016.28	Ninh Thuận	7900	85A-146.56	Ninh Thuận			
6301	85B-017.35	Ninh Thuận	7901	85A-147.35	Ninh Thuận			
6302	85C-087.59	Ninh Thuận	7902	85A-153.29	Ninh Thuận			
6303	85D-008.65	Ninh Thuận	7903	85B-015.58	Ninh Thuận			
6304	85D-008.95	Ninh Thuận	7904	85C-088.09	Ninh Thuận			
6305	86A-320.28	Bình Thuận	7905	86C-209.18	Bình Thuận			
6306	86A-320.58	Bình Thuận	7906	86C-211.06	Bình Thuận			
6307	86A-325.85	Bình Thuận	7907	86D-007.35	Bình Thuận			
6308	86A-326.19	Bình Thuận	7908	88A-788.35	Vĩnh Phúc			
6309	86A-327.29	Bình Thuận	7909	88A-794.59	Vĩnh Phúc			
6310	86A-328.15	Bình Thuận	7910	88A-795.83	Vĩnh Phúc			
6311	86A-331.25	Bình Thuận	7911	88A-800.56	Vĩnh Phúc			
6312	86A-333.95	Bình Thuận	7912	88A-804.58	Vĩnh Phúc			
6313	86C-209.38	Bình Thuận	7913	88A-809.56	Vĩnh Phúc			
6314	86D-007.16	Bình Thuận	7914	88A-815.59	Vĩnh Phúc			
6315	88A-797.19	Vĩnh Phúc	7915	88A-822.38	Vĩnh Phúc			
6316	88A-802.25	Vĩnh Phúc	7916	88A-825.16	Vĩnh Phúc			
6317	88A-813.29	Vĩnh Phúc	7917	88A-826.38	Vĩnh Phúc			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6318	88A-822.19	Vĩnh Phúc	7918	88A-830.56	Vĩnh Phúc			
6319	88A-826.29	Vĩnh Phúc	7919	88C-317.16	Vĩnh Phúc			
6320	88C-311.16	Vĩnh Phúc	7920	88C-317.85	Vĩnh Phúc			
6321	88C-317.36	Vĩnh Phúc	7921	88C-321.98	Vĩnh Phúc			
6322	88C-322.36	Vĩnh Phúc	7922	88C-323.25	Vĩnh Phúc			
6323	88D-021.38	Vĩnh Phúc	7923	89A-536.65	Hưng Yên			
6324	88D-024.15	Vĩnh Phúc	7924	89A-538.98	Hưng Yên			
6325	89A-531.95	Hưng Yên	7925	89A-540.95	Hưng Yên			
6326	89A-542.85	Hưng Yên	7926	89A-541.85	Hưng Yên			
6327	89A-548.16	Hưng Yên	7927	89A-542.65	Hưng Yên			
6328	89A-556.15	Hưng Yên	7928	89A-548.18	Hưng Yên			
6329	89A-557.08	Hưng Yên	7929	89A-553.08	Hưng Yên			
6330	89A-563.96	Hưng Yên	7930	89A-556.83	Hưng Yên			
6331	89B-028.35	Hưng Yên	7931	89A-558.06	Hưng Yên			
6332	89C-353.26	Hưng Yên	7932	89A-563.16	Hưng Yên			
6333	89C-355.83	Hưng Yên	7933	89A-566.06	Hưng Yên			
6334	89C-357.98	Hưng Yên	7934	89A-567.96	Hưng Yên			
6335	89C-358.25	Hưng Yên	7935	89B-025.58	Hưng Yên			
6336	89C-359.08	Hưng Yên	7936	89B-026.36	Hưng Yên			
6337	89D-023.16	Hưng Yên	7937	89C-348.58	Hưng Yên			
6338	89D-024.85	Hưng Yên	7938	89C-348.59	Hưng Yên			
6339	90A-288.96	Hà Nam	7939	89C-353.96	Hưng Yên			
6340	90A-296.63	Hà Nam	7940	89C-353.98	Hưng Yên			
6341	90C-159.29	Hà Nam	7941	89C-355.06	Hưng Yên			
6342	90D-009.85	Hà Nam	7942	89C-356.95	Hưng Yên			
6343	92A-436.58	Quảng Nam	7943	89C-360.26	Hưng Yên			
6344	92A-441.65	Quảng Nam	7944	89D-023.36	Hưng Yên			
6345	92A-442.29	Quảng Nam	7945	90A-295.08	Hà Nam			
6346	92B-039.85	Quảng Nam	7946	90A-301.38	Hà Nam			
6347	92C-264.36	Quảng Nam	7947	90B-014.06	Hà Nam			
6348	92C-266.19	Quảng Nam	7948	90D-009.95	Hà Nam			
6349	93A-506.96	Bình Phước	7949	90D-010.29	Hà Nam			
6350	93A-508.06	Bình Phước	7950	92A-435.18	Quảng Nam			
6351	93A-512.59	Bình Phước	7951	92A-435.85	Quảng Nam			
6352	93A-514.85	Bình Phước	7952	92A-437.29	Quảng Nam			
6353	93A-520.19	Bình Phước	7953	92C-257.96	Quảng Nam			
6354	93A-523.36	Bình Phước	7954	92C-259.36	Quảng Nam			
6355	93A-523.98	Bình Phước	7955	92C-259.56	Quảng Nam			
6356	93B-023.38	Bình Phước	7956	92C-261.58	Quảng Nam			
6357	93C-201.85	Bình Phước	7957	92C-265.18	Quảng Nam			
6358	94A-114.56	Bạc Liêu	7958	92D-015.38	Quảng Nam			

H.Đ
CÔ
ĐÀ
HỢP
VIỆ
INH XU

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6359	94B-017.38	Bạc Liêu	7959	93B-021.85	Bình Phước			
6360	94C-085.96	Bạc Liêu	7960	93C-199.95	Bình Phước			
6361	97A-096.16	Bắc Kạn	7961	93D-007.65	Bình Phước			
6362	97B-018.85	Bắc Kạn	7962	94A-113.95	Bạc Liêu			
6363	97C-052.36	Bắc Kạn	7963	94C-086.16	Bạc Liêu			
6364	98A-865.35	Bắc Giang	7964	94D-006.95	Bạc Liêu			
6365	98A-868.19	Bắc Giang	7965	94D-007.06	Bạc Liêu			
6366	98A-872.26	Bắc Giang	7966	94D-007.18	Bạc Liêu			
6367	98A-889.19	Bắc Giang	7967	94D-007.85	Bạc Liêu			
6368	98A-889.26	Bắc Giang	7968	94D-008.35	Bạc Liêu			
6369	98A-894.16	Bắc Giang	7969	95A-141.09	Hậu Giang			
6370	98A-904.83	Bắc Giang	7970	95C-089.36	Hậu Giang			
6371	98A-905.25	Bắc Giang	7971	95D-024.06	Hậu Giang			
6372	98A-908.56	Bắc Giang	7972	97A-097.25	Bắc Kạn			
6373	98B-046.19	Bắc Giang	7973	97A-100.83	Bắc Kạn			
6374	98B-046.36	Bắc Giang	7974	97D-009.83	Bắc Kạn			
6375	98B-047.85	Bắc Giang	7975	98A-860.29	Bắc Giang			
6376	98C-377.83	Bắc Giang	7976	98A-876.09	Bắc Giang			
6377	98C-378.08	Bắc Giang	7977	98A-882.96	Bắc Giang			
6378	98C-381.19	Bắc Giang	7978	98A-887.38	Bắc Giang			
6379	98C-385.19	Bắc Giang	7979	98A-903.83	Bắc Giang			
6380	98C-387.28	Bắc Giang	7980	98A-907.85	Bắc Giang			
6381	98C-388.25	Bắc Giang	7981	98A-909.98	Bắc Giang			
6382	98C-397.08	Bắc Giang	7982	98A-910.59	Bắc Giang			
6383	99A-855.38	Bắc Ninh	7983	98A-910.83	Bắc Giang			
6384	99A-866.58	Bắc Ninh	7984	98C-376.15	Bắc Giang			
6385	99A-866.98	Bắc Ninh	7985	98C-377.25	Bắc Giang			
6386	99A-867.58	Bắc Ninh	7986	98C-380.28	Bắc Giang			
6387	99A-878.56	Bắc Ninh	7987	98C-389.06	Bắc Giang			
6388	99A-879.63	Bắc Ninh	7988	98D-023.26	Bắc Giang			
6389	99A-883.58	Bắc Ninh	7989	99A-857.38	Bắc Ninh			
6390	99A-887.18	Bắc Ninh	7990	99A-857.96	Bắc Ninh			
6391	99A-888.63	Bắc Ninh	7991	99A-879.35	Bắc Ninh			
6392	99A-896.15	Bắc Ninh	7992	99A-883.36	Bắc Ninh			
6393	99A-896.25	Bắc Ninh	7993	99A-892.15	Bắc Ninh			
6394	99B-031.19	Bắc Ninh	7994	99A-895.85	Bắc Ninh			
6395	99C-331.28	Bắc Ninh	7995	99A-896.83	Bắc Ninh			
6396	99C-340.06	Bắc Ninh	7996	99B-031.18	Bắc Ninh			
6397	99C-340.26	Bắc Ninh	7997	99C-331.65	Bắc Ninh			
6398	99C-342.65	Bắc Ninh	7998	99C-346.98	Bắc Ninh			
6399	99C-345.63	Bắc Ninh	7999	99D-026.18	Bắc Ninh			

41
G T Y
I GIÁ
DANH
NAN
IN - T

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6400	99D-024.95	Bắc Ninh	8000	99D-028.15	Bắc Ninh			

